

Số: **96** /KH-UBND

*Bắc Giang, ngày 13 tháng 5 năm 2016*

## **KẾ HOẠCH**

**Phát triển kinh tế - xã hội 5 năm, giai đoạn 2016 - 2020**

### **Phần thứ nhất**

## **TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI 5 NĂM, GIAI ĐOẠN 2011 - 2015**

Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVII và Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm, giai đoạn 2011-2015, trong điều kiện kinh tế nước ta ngày càng hội nhập sâu và chịu những tác động của nền kinh tế thế giới. Trong 02 năm 2011, 2012, tình hình kinh tế thế giới có nhiều diễn biến phức tạp lớn hơn dự báo đã tác động tiêu cực vào nền kinh tế của cả nước và của tỉnh, làm sản xuất, kinh doanh bị đình đốn, nhiều doanh nghiệp phải tạm dừng hoạt động, thậm chí phải giải thể, đời sống của nhân dân, người lao động gặp nhiều khó khăn. Từ năm 2013 đến nay, tình hình kinh tế thế giới đã có những chuyển biến tích cực, song vẫn còn nhiều khó khăn và diễn biến phức tạp. Bên cạnh đó, những hạn chế, yếu kém vốn có của nền kinh tế, cùng với diễn biến phức tạp của thời tiết, dịch bệnh đã ảnh hưởng đến việc thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm, giai đoạn 2011-2015. Với tinh thần nỗ lực, chủ động, sáng tạo; Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh Bắc Giang đã đề ra nhiều chủ trương, giải pháp lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, đạt nhiều kết quả quan trọng, cụ thể như sau:

### **A. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC TRÊN CÁC LĨNH VỰC**

#### **I. Về phát triển kinh tế**

##### **1. Tăng trưởng, chuyển dịch cơ cấu kinh tế**

Tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh (GRDP) đạt mức cao hơn cả nước, bình quân giai đoạn 2011-2015 ước đạt 9,5%/năm<sup>(1)</sup>, trong đó, công nghiệp - xây dựng đạt 16,3% (công nghiệp tăng 19,1%, xây dựng tăng 9,1%), dịch vụ đạt 6,3%, nông, lâm nghiệp, thủy sản đạt 4,7%<sup>(2)</sup>. GRDP bình quân/người được rút ngắn so với bình quân cả nước, năm 2015 ước đạt 1.530USD, tăng 820USD so với năm 2010<sup>(3)</sup>.

Cơ cấu kinh tế tiếp tục chuyển dịch theo hướng tích cực, năm 2015, lĩnh vực công nghiệp - xây dựng chiếm 41,6%, dịch vụ chiếm 34,8%, nông, lâm nghiệp và

<sup>1</sup> Tốc độ tăng trưởng GRDP giai đoạn 2006-2010 (theo giá 1994) tăng bình quân 9,5%/năm.

<sup>2</sup> Tốc độ tăng trưởng GRDP bình quân giai đoạn 2011-2015 đề tính theo giá 1994 là 11-12%, trong đó, Công nghiệp - xây dựng 18-19,5%; Dịch vụ 10-11%; Nông, lâm nghiệp, thủy sản 2,8-3,2%. Tính theo giá 2010 quy đổi từ giá 1994, Kế hoạch 2011-2015 dự kiến tốc độ tăng trưởng GRDP đạt 11,8%/năm, trong đó, Công nghiệp - xây dựng 18%; Dịch vụ 10,5%; Nông, lâm nghiệp, thủy sản 4,1%.

<sup>3</sup> Năm 2010 GRDP/người/năm bằng 56%; năm 2015 bằng 66,5% bình quân cả nước.

thủy sản chiếm 23,6%<sup>(4)</sup>. Cơ cấu lao động chuyển dịch theo hướng tăng tỷ trọng lao động trong lĩnh vực công nghiệp - xây dựng và dịch vụ, giảm lao động trong lĩnh vực trong lĩnh vực nông, lâm nghiệp và thủy sản<sup>(5)</sup>.

## 2. Sản xuất công nghiệp

Sản xuất công nghiệp duy trì tốc độ tăng trưởng khá, tốc độ tăng trưởng giá trị gia tăng bình quân giai đoạn 2011-2015 đạt 19,1%/năm<sup>(6)</sup>, đóng góp 5,0 điểm phần trăm vào tăng trưởng của tỉnh, cơ cấu công nghiệp trong nền kinh tế tăng từ 22,2% năm 2010 lên 31,7% năm 2015. Giá trị sản xuất công nghiệp năm 2015 (giá 2010) ước đạt 43.373 tỷ đồng, tốc độ tăng bình quân đạt 28,4%/năm<sup>(7)</sup>, trong đó, khu vực có vốn đầu tư nước ngoài tăng 44,3%, khu vực ngoài quốc doanh tăng 12,5%, khu vực nhà nước tăng 8,8%/năm.

Trong cơ cấu giá trị sản xuất công nghiệp, tỷ trọng khu vực FDI tăng lên, khu vực ngoài quốc doanh và khu vực nhà nước chiếm tỷ trọng ngày càng giảm trong cơ cấu giá trị sản xuất<sup>(8)</sup>. Một số doanh nghiệp sản xuất ổn định và có tăng trưởng cao và chiếm tỷ trọng lớn như: Công ty TNHH Fuhong, Công ty TNHH Hoshiden, Công ty TNHH Một thành viên Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc... đã nâng cao năng lực sản xuất chung cho ngành công nghiệp của tỉnh.

Bên cạnh các sản phẩm công nghiệp truyền thống như phân bón, sản phẩm may mặc, đã phát triển thêm một số sản phẩm mới có khả năng phát triển thành sản phẩm chủ lực của tỉnh như điện, điện tử, máy tính và phụ kiện<sup>(9)</sup>..., bước đầu hình thành ngành công nghiệp hỗ trợ, đã thu hút được một số dự án đầu tư trong lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ, thiết bị điện tử như: Dự án Nhà máy sản xuất, gia công linh kiện máy móc chế tạo Yoshimura Kogyo Việt Nam; Dự án Nhà máy sản xuất linh kiện điện tử Daeyang...

Hạ tầng các khu, cụm công nghiệp từng bước được hoàn thiện và đồng bộ. Toàn tỉnh hiện có 4 khu công nghiệp, 27 cụm công nghiệp đang hoạt động, trên 80% diện tích đất đã thu hồi, giải phóng mặt bằng của các khu công nghiệp và 66,5% diện tích đất các cụm công nghiệp đã được lấp đầy; các doanh nghiệp trong các khu công nghiệp đóng góp trên 60% giá trị sản xuất công nghiệp của tỉnh, gần 1/4 tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh và khoảng 22% số thu nội địa không tính tiền sử dụng đất.

Hiện có khoảng 500 làng có nghề, trong đó có 39 làng nghề đạt tiêu chí quy định (trong đó có 14 làng nghề truyền thống) hoạt động chủ yếu về chế biến nông, lâm sản trên cơ sở nguồn nguyên liệu sẵn có. Một số làng nghề duy trì và phát triển tốt như làng nghề mây tre đan Tăng Tiến, rượu làng Vân, mỳ Thủ Dương, Bánh đa Kế, mộc Lãng Sơn...

<sup>4</sup> Năm 2010, lĩnh vực công nghiệp - xây dựng chiếm 31,5%, dịch vụ chiếm 40,2%, nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm 28,3% trong cơ cấu kinh tế.

<sup>5</sup> Ước năm 2015, tỷ lệ lao động trong lĩnh vực nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm 56%, giảm 15,9%; lĩnh vực công nghiệp - xây dựng chiếm 23,3%, tăng 8%; lĩnh vực dịch vụ chiếm tỷ lệ 20,7%, tăng 8% so với năm 2010.

<sup>6</sup> Tốc độ tăng trưởng giá trị gia tăng bình quân giai đoạn 2006-2010 lĩnh vực công nghiệp (giá 94) đạt 20,7%/năm.

<sup>7</sup> Tính theo giá thực tế đến năm 2015 ước đạt 56.460 tỷ đồng vượt kế hoạch đề ra.

<sup>8</sup> Năm 2010, khu vực FDI chiếm 39%, khu vực nhà nước chiếm 16,7%, khu vực ngoài quốc doanh chiếm 44,3%; ước năm 2015, khu vực FDI chiếm 66,2%, khu vực nhà nước chiếm 7,8%, khu vực ngoài quốc doanh chiếm 26%.

<sup>9</sup> Mạch điện tử tăng 43,3%/năm; sản phẩm may mặc tăng 33,8%/năm; một số sản phẩm mới như màn hình cảm ứng gần 50 triệu sản phẩm. Bàn mạch in mềm gần 50 triệu sản phẩm; điện sản xuất gần 1,2 tỷ Kwh...

### 3. Sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản và xây dựng nông thôn mới

Tốc độ tăng trưởng giá trị gia tăng lĩnh vực nông, lâm nghiệp, thủy sản bình quân giai đoạn 2011-2015 đạt 4,7%/năm, đóng góp 1,2 điểm phần trăm vào tăng trưởng của tỉnh, tỷ trọng lĩnh vực nông, lâm nghiệp và thủy sản trong cơ cấu kinh tế giảm từ 28,3% năm 2010 xuống 23,6% năm 2015. Giá trị sản xuất năm 2015 (giá 2010) đạt 17.270 tỷ đồng, tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất bình quân giai đoạn 2011-2015 đạt 4,9%/năm.

#### 3.1. Nông nghiệp

Sản xuất nông nghiệp phát triển ổn định, tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất bình quân giai đoạn 2011-2015 đạt 4,3%/năm. Năm 2015, giá trị sản xuất nông nghiệp (giá 2010) đạt 15.665 tỷ đồng. Cơ cấu trong nội bộ ngành chuyển dịch theo hướng tăng tỷ trọng ngành chăn nuôi, giảm tỷ trọng trồng trọt, đã phát triển được một số sản phẩm chủ lực của tỉnh có thương hiệu với quy trình sản xuất đạt tiêu chuẩn vệ sinh an toàn thực phẩm như vải thiều Lục Ngạn, gà đồi Yên Thế, vải sớm Phúc Hòa, lúa thơm Yên Dũng...

*Về trồng trọt:* Giá trị sản xuất bình quân/1 ha đất nông nghiệp liên tục tăng theo từng năm; năm 2015 ước đạt 86 triệu đồng/ha, tăng 40 triệu đồng/ha so với năm 2010; sản lượng lương thực có hạt đạt 669 nghìn tấn.

Đã hình thành một số vùng sản xuất tập trung với những sản phẩm hàng hóa có giá trị như rau chế biến, cây ăn quả phát triển khá ổn định<sup>(10)</sup>; phát triển được một số sản phẩm nông nghiệp hàng hoá khác mang lại hiệu quả kinh tế cao, có khả năng nhân rộng trong thời gian tới như: Sản xuất nấm tại Lạng Giang, Yên Dũng; cam tại Lục Ngạn; bưởi Diễn tại Lục Ngạn, Hiệp Hoà; rau Cần tại Hiệp Hoà; chè tại Yên Thế; hoa cây cảnh tại thành phố Bắc Giang...

Trong tổ chức sản xuất, đã xây dựng và thực hiện nhiều mô hình phát triển sản xuất, xây dựng cánh đồng mẫu mang lại hiệu quả kinh tế cao so với sản xuất nhỏ lẻ, qua đó đã thúc đẩy phong trào dồn điền đổi thửa, xây dựng và thực hiện cánh đồng mẫu, tạo sự chuyển biến tích cực về sản xuất hàng hóa tập trung, quy mô lớn; bên cạnh đó, quy mô sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP tăng lên đã làm thay đổi cách nghĩ, tập quán canh tác truyền thống của người dân trong ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất để giảm chi phí đầu vào; tạo được mối liên kết giữa “4 nhà” trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm.

*Về chăn nuôi:* Cơ cấu ngành chăn nuôi chuyển dịch theo hướng tăng đàn gia cầm và đàn lợn, giảm đàn trâu, bò<sup>(11)</sup>. Phát triển các hình thức chăn nuôi gia trại, trang trại theo quy trình an toàn sinh học, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, giảm thiểu ô nhiễm môi trường bước đầu được áp dụng<sup>(12)</sup>. Đến hết năm 2015, đàn lợn có khoảng 1,24 triệu con, đàn gia cầm khoảng 16,84 triệu con, trong đó, đàn gà khoảng 14,64 triệu con. Đã xây dựng được thương hiệu sản phẩm gà đồi Yên Thế và đang tiêu thụ khá tốt ở thị trường khu vực Hà Nội.

<sup>10</sup> Trong đó: diện tích vải khoảng 31 nghìn ha (diện tích sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP năm 2015 khoảng 12,3 nghìn ha). Hiện nay, UBND tỉnh đang chỉ đạo mở rộng diện tích sản xuất vải theo tiêu chuẩn GlobalGAP để xuất khẩu sang các thị trường khó tính; Lúa chất lượng với diện tích khoảng 26,5 nghìn ha; rau chế biến, rau an toàn khoảng 4,5 nghìn ha; lạc khoảng 11,7 nghìn ha

<sup>11</sup> Năm 2010, đàn lợn 1,162 triệu con, gà 13,5 triệu con, đàn bò 150 nghìn con, trâu 83,7 nghìn con.

<sup>12</sup> Tỷ lệ chăn nuôi lợn an toàn sinh học năm 2015 chiếm khoảng 20% tổng đàn, đàn gà chiếm khoảng 30% tổng đàn.

### 3.2. Thủy sản

Nuôi trồng thủy sản theo hướng thâm canh cao, bán thâm canh tiếp tục phát triển. Diện tích nuôi trồng thủy sản năm 2015 đạt khoảng 12.000 ha<sup>(13)</sup>. Sản lượng thủy sản ước đạt 30,5 nghìn tấn (tăng khoảng 8.200 tấn so với năm 2010); cơ cấu thủy sản trong nền kinh tế tăng từ 1,1% năm 2010 lên 1,3% năm 2015. Đã hình thành một số vùng chuyên canh nuôi cá tập trung theo các hình thức thâm canh cho năng suất cao ở một số địa phương như: Việt Yên, Tân Yên, Lạng Giang và Yên Dũng.

### 3.3. Lâm nghiệp

Tiếp tục thực hiện phát triển rừng và bảo vệ rừng, tổng diện tích rừng năm 2015 khoảng 135 nghìn ha, trong đó diện tích rừng phòng hộ 16 nghìn ha, rừng đặc dụng 12,8 nghìn ha, rừng sản xuất trên 105 nghìn ha. Tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất bình quân giai đoạn 2011-2015 đạt 17,3%/năm. Diện tích trồng rừng tập trung giai đoạn 2011-2015 đạt trên 32 nghìn ha, trong đó, diện tích rừng gỗ lớn khoảng 5.970 ha. Đã hình thành một số vùng sản xuất nguyên liệu gỗ tại các huyện Lục Ngạn, Lục Nam, Sơn Động và Yên Thế.

### 3.4. Xây dựng nông thôn mới

Thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Xây dựng nông thôn mới đã có sự chuyển biến về chất, nhất là đã huy động được nhiều nguồn lực trong cộng đồng dân cư để phát triển cơ sở hạ tầng nông thôn, bộ mặt nông thôn được chuyển biến tích cực. Đến nay đã có 100% số xã hoàn thành quy hoạch. Đến hết năm 2015 có 34 xã đạt chuẩn nông thôn mới, chiếm 16,8% số xã<sup>(14)</sup>.

## 4. Dịch vụ

Tốc độ tăng trưởng giá trị gia tăng bình quân giai đoạn 2011-2015 đạt 6,3%/năm<sup>(15)</sup>, đóng góp 2,4 điểm phần trăm vào tăng trưởng chung của tỉnh; cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tích cực, song tốc độ chưa cao. Giá trị sản xuất năm 2015 (giá 2010) đạt gần 17.700 tỷ đồng.

Dịch vụ tiếp tục phát triển theo hướng đa dạng hóa các loại hình dịch vụ trong đó các loại hình dịch vụ ngân hàng, vận tải, viễn thông, thông tin liên lạc... phát triển nhanh cả về số lượng và chất lượng.

Đã thu hút được một số dự án đầu tư lớn thuộc lĩnh vực dịch vụ như Dự án đầu tư xây dựng Sân Golf, dịch vụ Yên Dũng; Dự án Tổ hợp Khách sạn Mường Thanh Bắc Giang, siêu thị BigC, siêu thị Co.opmart,...

### 4.1. Thương mại, xuất, nhập khẩu

Hạ tầng thương mại có bước phát triển; năm 2010, toàn tỉnh chỉ có 01 siêu thị, 130 chợ; đến nay đã có 07 siêu thị, 4 trung tâm thương mại và 134 chợ, trong đó có 01 chợ đầu mối, 01 chợ hạng I, 24 chợ hạng II, 108 chợ hạng III; có một số thương hiệu lớn đã đầu tư tại tỉnh như siêu thị BigC, siêu thị Co.opmart, siêu thị điện máy Media Mark Bắc Giang, siêu thị điện máy Trần Anh... Tổng mức lưu chuyển hàng hoá bán lẻ và doanh thu dịch vụ năm 2015 đạt 16.800 tỷ đồng, tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn 2011-2015 đạt 19%/năm.

<sup>13</sup> Trong đó diện tích nuôi trồng thủy sản thâm canh cao có năng suất 10 tấn/ha năm 2014 đạt 1.180 ha, ước năm 2015 đạt 1.250 ha, vượt mục tiêu; diện tích nuôi bán thâm canh năng suất 4-5 tấn/ha năm 2014 đạt 2.200 ha, ước năm 2015 đạt 2.300 ha, bằng mục tiêu Đại hội.

<sup>14</sup> Năm 2015, bình quân số tiêu chí trên địa bàn tỉnh đạt khoảng 12,7/19 tiêu chí.

<sup>15</sup> Tốc độ tăng trưởng giá trị gia tăng bình quân giai đoạn 2006-2010 lĩnh vực dịch vụ (giá 1994) đạt 9,8%/năm.

Kim ngạch xuất khẩu có mức tăng trưởng vượt bậc, năm 2015 đạt 2,45 tỷ USD, tăng trưởng bình quân giai đoạn 2011-2015 đạt 49%/năm, bằng hơn 8 lần so với năm 2010, gấp 3 lần so với mục tiêu. Đã xuất hiện một số mặt hàng mới xuất khẩu mới như hàng điện tử, máy tính và phụ kiện, sản phẩm nhựa Plastic<sup>(16)</sup>...; kim ngạch nhập đạt 2,5 tỷ USD (gấp 4 lần mục tiêu).

#### 4.2. Dịch vụ ngân hàng

Đến nay trên địa bàn hiện có 26 chi nhánh ngân hàng thương mại với 64 phòng giao dịch; 20 quỹ tín dụng nhân dân<sup>(17)</sup>. Hệ thống ngân hàng đã đóng góp tích cực cho phát triển kinh tế - xã hội tỉnh. Tăng trưởng tín dụng giai đoạn tăng khá, tăng bình quân 16%/năm. Tổng dư nợ tín dụng của các ngân hàng thương mại trên địa bàn năm 2015 đạt trên 25 nghìn tỷ đồng, tăng gấp 2 lần so với năm 2010, đáp ứng nhu cầu vốn đầu tư để mở rộng, phát triển sản xuất kinh doanh cũng như xóa đói giảm nghèo, phục vụ đời sống nhân dân. Cơ cấu dịch vụ tài chính, ngân hàng và bảo hiểm chiếm khoảng 5,5% trong cơ cấu lĩnh vực dịch vụ.

#### 4.3. Dịch vụ du lịch

Công tác phát triển du lịch có chuyển biến, tỉnh đã tập trung xây dựng các quy hoạch, kế hoạch, đề án, đầu tư xây dựng hạ tầng, đào tạo bồi dưỡng nguồn nhân lực du lịch; liên kết xây dựng các tour, tuyến du lịch. Đã hình thành và bước đầu phát triển các loại hình du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng,... Số lượng khách du lịch tăng bình quân 23,8%/năm, doanh thu tăng 37%/năm; năm 2015 toàn tỉnh đón tiếp khoảng 400 nghìn lượt khách, doanh thu từ dịch vụ du lịch đạt 262 tỷ đồng.

Đã đầu tư và thu hút đầu tư để xây dựng hạ tầng một số khu du lịch, di tích, danh thắng của tỉnh như Hạ tầng khu di tích lịch sử Hoàng Hoa Thám, khu du lịch sinh thái Suối Mỡ, Tây Yên Tử, chùa Bồ Đà, Thiền viện trúc lâm Phụng Hoàng...; đồng thời dành nguồn lực cải tạo, nâng cấp, tôn tạo một số di tích lịch sử văn hóa.

#### 4.4. Dịch vụ Bưu chính Viễn thông

Dịch vụ bưu chính, viễn thông phát triển khá, số thuê bao điện thoại và internet tiếp tục tăng; hạ tầng bưu chính viễn thông ngày càng được hoàn thiện, chất lượng dịch vụ được nâng cao. Đến nay có 100% các xã, phường, thị trấn được phủ sóng thông tin di động, truy cập được Internet; toàn tỉnh có 949 trạm thu phát sóng thông tin di động; mạng cáp quang phát triển rộng khắp đến tận xã. Doanh thu dịch vụ bưu chính, viễn thông năm 2015 đạt 1.600 tỷ đồng, tốc độ tăng bình quân giai đoạn 2011-2015 ước đạt 11,3%; cơ cấu giá trị gia tăng chiếm khoảng 4% trong cơ cấu lĩnh vực dịch vụ.

#### 4.5. Dịch vụ giao thông vận tải, kho bãi

Dịch vụ giao thông vận tải phát triển nhanh có sự tham gia của nhiều thành phần kinh tế với nhiều hình thức vận tải; trong đó nhiều tuyến xe buýt nội tỉnh, liên tỉnh đã được đưa vào hoạt động đã tạo thuận lợi cho việc đi lại của nhân dân và lưu thông hàng hóa. Khối lượng luân chuyển hành khách tăng bình quân 5,9%/năm;

<sup>16</sup> Năm 2015, giá trị xuất khẩu hàng dệt may đạt 1 tỷ USD; hàng điện tử, máy tính và phụ kiện 1,16 tỷ USD; sản phẩm nhựa plastic đạt 71,5 triệu USD ...

<sup>17</sup> Tăng 3 chi nhánh, 10 phòng giao dịch so với năm 2010.

khối lượng luân chuyển hàng hóa tăng bình quân 12,8%/năm, cơ cấu giá trị gia tăng chiếm khoảng 10% trong cơ cấu lĩnh vực dịch vụ.

### **5. Thu, chi ngân sách**

Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn năm 2015 đạt 3.485 tỷ đồng, tăng 1.025 tỷ đồng so với năm 2010<sup>(18)</sup>, trong đó thu nội địa đạt 2.656 tỷ đồng. Thu nội địa không tính thu tiền đầu giá quyền sử dụng đất, xổ số kiến thiết đạt 1.906 tỷ đồng, gấp 2,1 lần năm 2010; tốc độ tăng thu nội địa trừ thu tiền sử dụng đất tăng bình quân giai đoạn 2011-2015 đạt 15,5%/năm. Chi ngân sách đã bám sát dự toán, đúng chế độ chính sách của nhà nước, đảm bảo tính công khai, minh bạch và đúng qui định của Luật ngân sách Nhà nước; tổng chi ngân sách năm 2015 đạt 10.425 tỷ đồng.

### **6. Thu hút đầu tư; phát triển các thành phần kinh tế**

Thu hút đầu tư phát triển đạt được kết quả khá, tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội giai đoạn 2011-2015 đạt 108 nghìn tỷ đồng, bằng 134,8% mục tiêu, tốc độ tăng bình quân hàng năm đạt 24,9%. Trong đó, vốn ngân sách nhà nước (bao gồm cả vốn ngân sách nhà nước do tỉnh quản lý, vốn ODA, vốn trái phiếu Chính phủ, vốn vay tín dụng ưu đãi) chiếm 15,3%; vốn đầu tư nước ngoài chiếm 18%; vốn đầu tư của các doanh nghiệp chiếm 22,2%; vốn đầu tư khu vực dân cư chiếm và doanh nghiệp tư nhân 44,5%.

Giai đoạn 2011 - 2015, toàn tỉnh đã thu hút được 475 dự án, trong đó có 324 dự án đầu tư trong nước với tổng vốn đăng ký trên 17.100 tỷ đồng, 151 dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài với tổng vốn đăng ký 2.110 triệu USD. Quy mô vốn đầu tư của các dự án đầu tư trong nước bình quân đạt 52,8 tỷ đồng/1 dự án, bằng 85,3%, các dự án FDI đạt 14 triệu USD/1 dự án, bằng 158,3% so với giai đoạn 2006-2010<sup>(19)</sup>. Vốn thực hiện cả giai đoạn của các dự án đầu tư trong nước đạt 16.880 tỷ đồng, gấp 2,4 lần, các dự án FDI đạt 19.420 tỷ đồng (920 triệu USD), gấp 5,7 so với giai đoạn 2006-2010<sup>(20)</sup>. Theo lĩnh vực đầu tư, số dự án thu hút đầu tư lĩnh vực công nghiệp chiếm 62,8%, lĩnh vực dịch vụ chiếm 33,2%, lĩnh vực nông nghiệp chiếm 4%.

Bên cạnh việc thu hút đầu tư các dự án, tỉnh đã quan tâm thu hút nguồn vốn ODA, NGOs để xây dựng cơ sở hạ tầng giao thông nông thôn, điện, nước sạch và vệ sinh môi trường, các lĩnh vực giáo dục, y tế, tăng cường năng lực quản lý cho các cấp tại địa phương... Nguồn vốn này góp phần quan trọng nâng cao năng lực về cơ sở hạ tầng, cải thiện điều kiện cuộc sống cho người dân địa phương<sup>(21)</sup>.

Giai đoạn 2011 - 2015, đã có 2.465 doanh nghiệp đăng ký thành lập mới với tổng vốn đăng ký trên 9,6 nghìn tỷ đồng; lũy kế có 4.782 doanh nghiệp với số vốn đăng ký trên 20,7 nghìn tỷ đồng và có 692 chi nhánh, văn phòng đại diện. Trong đó, doanh nghiệp đăng ký hoạt động trong lĩnh vực thương mại và dịch vụ chiếm khoảng 55,1%; lĩnh vực công nghiệp và xây dựng chiếm khoảng 43,2%; lĩnh vực

<sup>18</sup> Năm 2010, tổng thu ngân sách trên địa bàn đạt 2.460 tỷ đồng

<sup>19</sup> Giai đoạn 2006-2010, trung bình vốn đầu tư các dự án trong nước đạt 61,2 tỷ đồng, các dự án FDI đạt 8,84 triệu USD/ 1 dự án.

<sup>20</sup> Đã thu hút được một số dự án lớn như Dự án đầu tư xây dựng nhà máy SI FLEX Việt Nam 106 triệu USD; Dự án Sản xuất tấm pin và module chuyển hóa năng lượng mặt trời 50 triệu USD; Dự án đầu tư xây dựng Sân Golf, dịch vụ Yên Dũng 1.625 tỷ đồng; Dự án Đầu tư khai thác mỏ than Đông Rì 721 tỷ đồng...

<sup>21</sup> Từ năm 2011 đến nay, tỉnh thu hút được trên 517 tỷ đồng vốn ODA (bao gồm cả vốn ODA do bộ, ngành Trung ương đầu tư trên địa bàn) đã phê duyệt và tiếp nhận 165 chương trình, dự án với tổng giá trị cam kết đạt 20,27 triệu USD. Giá trị giải ngân của các dự án trong giai đoạn 2011-2014 đạt khoảng 13,62 triệu USD, bằng 67,9% tổng vốn viện trợ cam kết. Hiện nay trên địa bàn tỉnh có 25 dự án còn hiệu lực và triển khai hoạt động.

nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm khoảng 1,7%; quy mô vốn bình quân/1 doanh nghiệp đạt 4 tỷ đồng, giảm 24,3% so với vốn bình quân/1 doanh nghiệp giai đoạn 2006-2010.

## II. Văn hóa, xã hội, đối ngoại

### 1. Giáo dục, đào tạo

Quy mô mạng lưới trường, lớp học tiếp tục phát triển hợp lý; cơ sở vật chất, thiết bị dạy học được quan tâm đầu tư theo hướng kiên cố hoá, chuẩn hoá. Toàn tỉnh hiện có 837 cơ sở giáo dục và đào tạo với trên 380 nghìn học sinh, sinh viên theo học<sup>(22)</sup>. Đến năm 2015, tỷ lệ kiên cố hoá trường lớp học toàn tỉnh đạt 84,2%; tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia đạt 80,2%.

Phổ cập giáo dục giáo dục tiểu học đúng độ tuổi mức độ 1 và phổ cập THCS được duy trì vững chắc; tỷ lệ xã đạt chuẩn phổ cập tiểu học đúng độ tuổi mức độ 2 đạt 98,7%, tăng 84,4% so với năm 2010; tỉnh đã được công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi năm 2013. Công tác bồi dưỡng học sinh giỏi, học sinh năng khiếu được quan tâm, đạt được kết quả đáng khích lệ<sup>(23)</sup>; tỷ lệ học sinh phổ thông tốt nghiệp xếp loại học lực khá, giỏi, hạnh kiểm tốt tăng; chất lượng học sinh giỏi tiếp tục được nâng cao; tỷ lệ đỗ tốt nghiệp bậc THPT hàng năm đều đạt trên 90%; mỗi năm có trên 10.000 học sinh thi đỗ vào các trường đại học, cao đẳng.

Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên được tăng cường về cả số lượng và chất lượng, cơ bản đảm bảo tỷ lệ theo quy định ở các bậc học. Đến nay, 100% cán bộ quản lý các trường học có trình độ đạt chuẩn và trên chuẩn<sup>(24)</sup>.

Công tác xã hội hóa đạt được kết quả tích cực. Hệ thống các trường ngoài công lập góp phần không nhỏ vào việc giảm tải cho các trường công lập, nhất là bậc mầm non. Công tác xây dựng xã hội học tập trở thành phong trào sâu rộng; phong trào khuyến học, khuyến tài, gia đình hiếu học, dòng họ hiếu học phát triển rộng khắp. Các quỹ khuyến học được các cấp hội tích cực vận động và thu được sự ủng hộ của các tổ chức, cá nhân, kịp thời động viên cho giáo viên, học sinh có thành tích xuất sắc hoặc có hoàn cảnh khó khăn vươn lên trong dạy và học.

Các loại hình, các cấp đào tạo trên địa bàn tiếp tục được nâng lên so với giai đoạn 2006-2010; tính đến nay, trên địa bàn tỉnh có 94 cơ sở dạy nghề, tăng 18 cơ sở so với năm 2011; trong đó có 03 trường cao đẳng nghề, 06 trường trung cấp nghề, 25 trung tâm dạy nghề và 60 cơ sở có chức năng dạy nghề. Đặc biệt, đã thành lập mới Trường Cao đẳng nghề công nghệ Việt - Hàn, phấn đấu đến năm 2020, được đầu tư phát triển thành trường nghề chất lượng cao.

Tổng số tuyển sinh và đào tạo nghề của cả giai đoạn 2011 - 2015 đạt trên 140,6 nghìn người<sup>(25)</sup>, góp phần nâng tỷ lệ lao động qua đào tạo tăng từ 33,5% năm 2010 lên 50,5% năm 2015. Nội dung, chương trình dạy nghề được đổi mới theo hướng tiếp cận với nhu cầu của thị trường lao động; từng bước gắn kết giữa các cơ

<sup>22</sup> Gồm: 275 trường mầm non, 260 trường tiểu học, 223 trường THCS, 15 trường TH&THCS, 35 trường THPT công lập, 11 trường THPT ngoài công lập, 4 trường DTNT, 12 trung tâm, 01 trường cao đẳng, 01 trường trung cấp; 100% xã, phường, thị trấn có trung tâm học tập cộng đồng.

<sup>23</sup> Năm học 2014-2015, tỉnh xếp thứ 11/63 tỉnh, thành phố về số lượng học sinh đạt giải trong kỳ thi học sinh giỏi cấp quốc gia. Năm 2013, học sinh Hoàng Thế Anh Trường THPT Chuyên Bắc Giang giành giải nhất cuộc thi Đường lên đỉnh Olympia. Năm học 2013-2014, ngành đạt 15/16 lĩnh vực công tác đạt thành tích xuất sắc và vinh dự được nhận cờ thi đua đơn vị dẫn đầu.

<sup>24</sup> Tỷ lệ giáo viên/lớp bậc mầm non đạt 1,4; tiểu học đạt 1,5; THCS 2,1; THPT đạt 2,2. Tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn và trên chuẩn bậc mầm non là 99,4% và 82,4%; tiểu học là 100% và 82,8%; THCS là 100% và 65,8%; THPT là 100% và 15,3%; 100% trường TCCN trung tâm có giáo viên trình độ đại học trở lên.

<sup>25</sup> CĐ nghề 2.595 người; Trung cấp nghề: 11.777 người; Sơ cấp nghề và dạy nghề dưới 03 tháng 126,28 nghìn người.

sở dạy nghề với doanh nghiệp trong quá trình đào tạo nghề, gắn đào tạo nghề với giải quyết việc làm<sup>(26)</sup>.

Công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn đạt được một số kết quả tích cực, góp phần giúp lao động nông thôn tạo việc làm mới, chuyển đổi việc làm hoặc tự phát triển sản xuất hàng hóa trong lĩnh vực nông nghiệp, tăng thu nhập cho người dân<sup>(27)</sup>.

## **2. Công tác bảo vệ, chăm sóc sức khỏe nhân dân, dân số, kế hoạch hóa gia đình**

Mạng lưới, tổ chức bộ máy và đội ngũ cán bộ y tế từ tỉnh đến cơ sở tiếp tục được củng cố, tăng cường cả về đội ngũ cán bộ và cơ sở vật chất. Toàn tỉnh hiện có 7 bệnh viện công lập đa khoa và chuyên khoa cấp tỉnh, 02 bệnh viện tư nhân, 09 bệnh viện đa khoa huyện, thành phố, 03 phòng khám đa khoa khu vực, 100% các xã, phường, thị trấn có trạm y tế, phòng khám và cơ sở dịch vụ tư nhân<sup>(28)</sup>.

Đội ngũ cán bộ y tế được phát triển cả về số lượng và chất lượng<sup>(29)</sup>; chất lượng khám chữa bệnh ngày càng được nâng lên. Số giường bệnh viện/1 vạn dân tăng từ 17,1 giường năm 2010 lên 20,8 giường năm 2015; tỷ lệ xã, phường, thị trấn đạt bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã năm 2015 đạt 83,5%. Hàng năm thực hiện khám bệnh cho trên 3 triệu lượt người.

Công tác y tế dự phòng được triển khai có hiệu quả, không để dịch lớn xảy ra. Tỷ lệ trẻ dưới 1 tuổi được tiêm chủng đầy đủ hàng năm đạt trên 98%. Duy trì kết quả thanh toán bệnh bại liệt và loại trừ uốn ván sơ sinh. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể nhẹ cân giảm từ 19,5% năm 2010 xuống 14,8% năm 2015.

Chính sách hỗ trợ BHYT được mở rộng cả về diện và đối tượng, tỷ lệ người dân có thẻ BHYT tăng từ 52,2% năm 2010 lên 74% năm 2015.

Công tác dân số - Kế hoạch hóa gia đình và chăm sóc sức khỏe sinh sản được quan tâm. Đã duy trì mức sinh thay thế, tốc độ gia tăng dân số của tỉnh về cơ bản đã được kiểm soát; các chỉ tiêu về chăm sóc sức khỏe sinh sản được cải thiện rõ rệt<sup>(30)</sup>. Tỷ lệ sinh con thứ 3 chiếm khoảng 9,8% tổng số sinh; tỷ số giới tính khi sinh nam/nữ năm 2015 khoảng 115,7/100.

## **3. Sự nghiệp văn hoá, thể thao, thông tin và truyền thông**

Công tác phát triển văn hoá được quan tâm chỉ đạo, bám sát nhiệm vụ chính trị của địa phương, hướng mạnh về cơ sở, tạo chuyển biến tích cực trong đời sống văn hoá toàn tỉnh. Nổi bật là phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá, việc thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội gắn với cuộc vận động "Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh" được nâng lên cả về số lượng và chất lượng. Năm 2015, tỷ lệ hộ gia đình được công nhận danh hiệu "Gia đình văn hóa" ước đạt 85%; tỷ lệ làng, bản, khu phố được công

<sup>26</sup> Trên 90% sinh viên tốt nghiệp cao đẳng nghề, trên 80% học sinh tốt nghiệp trung cấp nghề và trên 70% người lao động tốt nghiệp các lớp đào tạo nghề trình độ sơ cấp nghề và dạy nghề dưới 03 tháng có việc làm sau đào tạo.

<sup>27</sup> Giai đoạn 2011-2015, đã đào tạo nghề ngắn hạn cho 42.980 lao động nông thôn, góp phần làm tăng tỷ lệ thời gian lao động được sử dụng của lao động trong độ tuổi ở nông thôn lên 91%.

<sup>28</sup> Năm 2010, toàn tỉnh có 6 bệnh viện đa khoa và chuyên khoa cấp tỉnh; 01 bệnh viện tư nhân; 10 bệnh viện đa khoa cấp tỉnh và khu vực.

<sup>29</sup> Ước đến năm 2015, số cán bộ y tế/1 vạn dân là 41 cán bộ y tế, tăng 7,8 cán bộ; số bác sĩ/1 vạn dân 7,9 bác sĩ, tăng 1,2 bác sĩ; tỷ lệ trạm y tế có bác sĩ là 99,1%; Duy trì 100% số trạm y tế xã có y sĩ sản nhi hoặc nữ hộ sinh; 100% thôn/bản có nhân viên y tế hoạt động.

<sup>30</sup> Tỷ lệ phụ nữ sinh con được khám thai 3 lần trở lên duy trì ở mức trên 96%; tỷ suất chết trẻ em dưới 1 tuổi, 5 tuổi, tỷ suất chết bà mẹ liên quan đến thai sản/100.000 trẻ đẻ sống đều thấp hơn mức bình quân cả nước.



nhận danh hiệu văn hóa ước đạt 62%. Hệ thống thiết chế văn hóa từ tỉnh đến cơ sở từng bước được củng cố và hoàn thiện<sup>(31)</sup>.

Hoạt động lễ hội truyền thống được duy trì, tiếp tục bảo tồn và phát huy những giá trị di sản văn hóa truyền thống, khơi dậy những phong tục, tập quán tốt đẹp của các dân tộc trên địa bàn tỉnh. Bên cạnh tiếp tục phát huy các giá trị văn hóa đã được công nhận như Dân ca Quan họ, Ca trù... một số giá trị văn hóa của tỉnh tiếp tục được tôn vinh như: Mộc bản chùa Vĩnh Nghiêm đã được UNESCO công nhận là Di sản tư liệu ký ức thế giới khu vực Châu Á - Thái Bình Dương; Di tích những địa điểm khởi nghĩa Yên Thế được công nhận là di sản Quốc gia đặc biệt... Công tác quản lý, bảo tồn di sản văn hoá vật thể và phi vật thể được quan tâm thực hiện<sup>(32)</sup>.

Phong trào thể dục, thể thao quần chúng phát triển mạnh, thu hút nhiều đối tượng tham gia. Tỷ lệ người tập TDTT thường xuyên toàn tỉnh đạt khoảng 30%. Thể thao thành tích cao đạt được những kết quả tích cực, nằm trong nhóm 20 tỉnh dẫn đầu cả nước, nhất là một số môn thể thao có thế mạnh, như: cầu lông, võ, vật.

Hoạt động báo chí, phát thanh, truyền hình có bước phát triển, thể hiện ngày càng rõ vai trò là phương tiện thông tin đại chúng thiết yếu đối với đời sống xã hội, góp phần định hướng dư luận xã hội, làm lành mạnh hoá các quan hệ xã hội, thực sự giữ vai trò là cầu nối giữa Đảng và nhân dân<sup>(33)</sup>.

#### **4. Các chính sách an sinh xã hội, giải quyết việc làm, giảm nghèo và nâng cao đời sống nhân dân**

Các chế độ, chính sách đối với người có công, các hoạt động đền ơn đáp nghĩa; các chính sách đảm bảo an sinh xã hội được quan tâm thực hiện. Giải quyết các chế độ chính sách cho người nghèo: trợ cấp thường xuyên tại cộng đồng gần 46 nghìn đối tượng, cấp thẻ BHYT cho 650 nghìn người nghèo, dân tộc thiểu số và các đối tượng bảo trợ xã hội; miễn giảm học phí cho trên 73 nghìn học sinh con hộ nghèo; thực hiện tốt chế độ chính sách đối 141 nghìn người có công, trong đó trên 28 nghìn người được hưởng chế độ trợ cấp hàng tháng, hỗ trợ xây mới, sửa chữa nhà tình nghĩa ...

Công tác giảm nghèo bền vững được tập trung chỉ đạo, bố trí nguồn lực để triển khai thực hiện, đã tiến hành lồng ghép các chương trình, dự án, như: Đề án giảm nghèo nhanh, bền vững trên địa bàn huyện Sơn Động, Đề án hỗ trợ giảm nghèo cho 13 xã nghèo của huyện Lục Ngạn, hỗ trợ hộ nghèo về nhà, hỗ trợ hộ nghèo vay vốn phục vụ phát triển sản xuất, chương trình 30a, chương trình 135, ATK II...Tỷ lệ hộ nghèo giảm từ 19,6% năm 2010 xuống còn 7,5% năm 2015, giảm nghèo ở các xã đặc biệt khó khăn gần 5%/năm.

Công tác giải quyết việc làm đạt được kết quả tích cực. Trong giai đoạn 2011-2015, toàn tỉnh ước giải quyết việc làm cho trên 136 nghìn lao động (bình quân mỗi năm giải quyết việc làm cho trên 27 nghìn lao động), trong đó xuất khẩu lao động trên 19,8 nghìn người.

<sup>31</sup> Thư viện, Bảo tàng tỉnh, Nhà hát Chèo, Trung tâm Phát hành Phim và Chiếu bóng từng bước được đầu tư nâng cấp sửa chữa: 6/10 huyện, thành phố có hội trường với cơ sở vật chất tương đối để tổ chức được các hoạt động văn hóa; toàn tỉnh có 132 nhà văn hóa cấp xã, tăng 20 nhà so với năm 2010.

<sup>32</sup> Toàn tỉnh có trên 2.200 di tích (đình, chùa, di tích văn hóa lịch sử), trong đó có 635 di tích đã được xếp hạng, có 42 di tích cấp quốc gia đã được trùng tu, tôn tạo.

<sup>33</sup> Trên địa bàn tỉnh hiện có 3 cơ quan báo chí của tỉnh và 3 cơ quan thường trú báo Trung ương hoạt động; trên 300 Trang thông tin điện tử của các cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp; 10 Đài truyền thanh cấp huyện; 216 Đài truyền thanh cấp xã hoạt động có tính chất báo chí và trên 30 các sở, ngành có xuất bản bản tin.

Công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy định của Luật Lao động trong các doanh nghiệp được quan tâm thực hiện, góp phần bảo vệ lợi ích, quyền lợi của người lao động, nhất là các vấn đề liên quan đến tiền lương, bảo hiểm, bảo hộ lao động, điều kiện làm việc, an toàn lao động.

### **III. Tài nguyên, môi trường và khoa học công nghệ**

#### **1. Công tác quản lý đất đai, tài nguyên, môi trường**

Công tác quản lý nhà nước về đất đai đạt được nhiều tiến bộ. Đã tổ chức triển khai, phổ biến Luật Đất đai năm 2013 đến 100% các huyện, thành phố, đồng thời xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật cụ thể hóa Luật; tập trung chỉ đạo thực hiện công tác cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu cho tổ chức, hộ gia đình cá nhân trên địa bàn. Từ năm 2011 đến nay, toàn tỉnh đã cấp trên 100.000 giấy chứng nhận QSDĐ lần đầu cho hộ gia đình cá nhân, nâng tổng tỷ lệ diện tích cấp giấy chứng nhận cho hộ gia đình cá nhân từ 84% năm 2010 lên 99,5 % năm 2015; cấp 5.000 giấy cho trên 2000 tổ chức, đến hết 2015, 100% các tổ chức sử dụng đất trên địa bàn tỉnh được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Thực hiện Chỉ thị số 134/CT-TTg ngày 20/01/2010 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường kiểm tra, xử lý vi phạm pháp luật về đất đai của các tổ chức được Nhà nước giao đất, cho thuê đất, trong giai đoạn qua đã thanh tra, kiểm tra hiệu quả sử dụng đất của các tổ chức cá nhân, kết quả đã xử lý, thu hồi gần 250 ha đất của gần 50 tổ chức có các hành vi vi phạm pháp luật đất đai.

Công tác thanh kiểm tra, chấn chỉnh hoạt động khai thác khoáng sản trên địa bàn được tăng cường; công tác tuyên truyền, giáo dục cộng đồng, nâng cao nhận thức của người dân về công tác bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu, bảo vệ đa dạng sinh học... được thực hiện tốt; do vậy ý thức bảo vệ môi trường của các cấp, các ngành và nhân dân từng bước được nâng lên. Một số chỉ tiêu quan trọng về môi trường đạt kế hoạch đề ra. Các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng theo Quyết định số 64/2004/QĐ-TTg ngày 22/4/2004 của Thủ tướng Chính phủ được tập trung chỉ đạo, dự kiến hoàn thành xử lý ô nhiễm môi trường 02/04 cơ sở đưa ra khỏi danh mục các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng trong năm 2016. Vấn đề xử lý nước thải được quan tâm, đã triển khai 04 dự án xử lý nước thải bệnh viện, nhà máy xử lý nước thải KCN Quang Châu, xử lý ô nhiễm môi trường làng nghề Vân Hà, Kho Kép...

Công tác xử lý chất thải, nước thải được quan tâm triển khai với nhiều mô hình thu gom và công nghệ phù hợp với điều kiện từng địa phương. Đến năm 2015, tỷ lệ rác thải được thu gom khu vực đô thị đạt 92,9%.

#### **2. Khoa học và công nghệ**

Hoạt động nghiên cứu ứng dụng khoa học và công nghệ dần đổi mới theo hướng tăng cường hỗ trợ xây dựng thương hiệu sản phẩm, ứng dụng khoa học - công nghệ để nâng cao chất lượng, giá trị sản phẩm, tạo điều kiện thuận lợi trong tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp của tỉnh vải thiều, gà đồi Yên Thế, gạo thơm Yên Dũng, nâm.... Đã ứng dụng các loại giống mới, quy trình kỹ thuật tiên tiến gắn với áp dụng cơ giới hóa trong sản xuất nông nghiệp. Một số đề tài, dự án cải tiến kỹ thuật trong nông nghiệp được triển khai áp dụng có hiệu quả ở địa phương, góp phần nâng cao năng suất, chất lượng nông sản. Nhiều sáng kiến, giải pháp công nghệ tiên tiến được ứng dụng

trong lĩnh vực công nghiệp, y tế, giáo dục, góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất, kinh doanh và nâng cao chất lượng các dịch vụ phục vụ người dân.

Hoạt động tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng tập trung vào triển khai áp dụng hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến ISO vào hoạt động cơ quan hành chính nhà nước; hỗ trợ doanh nghiệp áp dụng hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến và có sản phẩm chứng nhận hợp chuẩn, đạt giải thưởng chất lượng; kiểm tra chất lượng, kiểm tra đo lường đối với các cơ sở kinh doanh xăng dầu, khí dầu mỏ hóa lỏng LPG, hàng hóa đóng gói sẵn lưu thông trên thị trường...

#### **IV. Công tác đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội, phát triển đô thị**

Trong bối cảnh Chính phủ ưu tiên kiềm chế lạm phát, cắt giảm đầu tư công, UBND tỉnh đã tranh thủ huy động mọi nguồn lực từ ngân sách các cấp dành cho đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội. Đến hết năm 2015 đã huy động vốn ngân sách nhà nước, trái phiếu Chính phủ, vốn tín dụng nhà nước đạt 17.427 tỷ đồng, chiếm 16,1% tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội. Trong đó, tập trung cho các công trình giao thông, thủy lợi, y tế, giáo dục và an sinh xã hội, cụ thể các lĩnh vực chủ yếu như sau:

##### **1. Giao thông**

Đã đầu tư trên 7.600 tỷ đồng vốn nhà nước, tập trung vào đường tỉnh, các công trình huyết mạch, tạo điều kiện cho phát triển kinh tế - xã hội, đã hoàn thành cải tạo nâng cấp 12 tuyến đường tỉnh dài 215 km, một số công trình quan trọng như: Đường tỉnh 293, 398, 295B...; đang tiếp tục thực hiện đầu tư một số dự án tạo không gian phát triển kinh tế - xã hội.

Huy động các nguồn lực đầu tư các tuyến đường vào trung tâm xã và một số tuyến đường liên xã thuộc các xã nghèo của các huyện Sơn Động, Lục Ngạn, Lục Nam, Yên Thế, Việt Yên; triển khai chương trình xây dựng nông thôn mới cứng hóa đường giao thông nông thôn. Trong giai đoạn 2011-2015, đã cải tạo nâng cấp cứng hóa được 240 km đường huyện, 695 km đường liên xã, trục xã, 654 km đường thôn, bản, nâng tỷ lệ cứng hóa đường huyện từ 50% năm 2010 lên 85%, đường xã từ 21,5% lên 58,5%, đường thôn bản đạt 47,6% (do trong giai đoạn 2011-2015, đã phát sinh thêm 2.950 km đường thôn bản chưa được tính).

##### **2. Công nghiệp**

Huy động trên 150 tỷ đồng vốn ngân sách nhà nước xây dựng hạ tầng các khu công nghiệp: Quang Châu, Vân Trung, Song Khê - Nội Hoàng; hỗ trợ đầu tư hạ tầng 07 cụm công nghiệp; đầu tư xây dựng đường ngoài hàng rào, hệ thống cấp thoát nước với một số dự án như: Dự án Nhà máy xử lý nước thải Khu công nghiệp Quang Châu, Cải tạo nâng cấp trạm bơm Trúc Tay phục vụ tiêu thoát nước Khu công nghiệp, cải tạo hệ thống điện...

##### **3. Nông nghiệp**

Đã đầu tư khoảng 3.500 tỷ đồng vốn ngân sách nhà nước để cải tạo, xây dựng các trạm bơm, cải tạo 38 hồ, đập với dung tích chứa khoảng 15 triệu m<sup>3</sup> nước, kiên cố hóa 2.527 km kênh mương các loại, nâng tỷ lệ kiên cố hóa kênh mương từ 20%

năm 2010 lên 37% năm 2015; tu bổ thường xuyên, xử lý đột xuất sự cố hệ thống đê; hỗ trợ đầu tư hạ tầng nuôi thủy sản, giống cây trồng, vật nuôi, phát triển cơ sở hạ tầng nông thôn bền vững, hỗ trợ phát triển và bảo vệ rừng, di dân tái định cư và khuyến nông, khuyến lâm, như: Cụm công trình thủy lợi Hàm Rồng, Hệ thống thủy lợi sông Sỏi, hệ thống thủy lợi Cầu Sơn - Cẩm Sơn, hệ thống thủy lợi Sông Cầu, hệ thống thủy lợi Nam Yên Dũng, trạm bơm Cống Bún, chương trình an toàn hồ chứa, kiên cố hóa kênh mương các loại trên 2.000 tỷ đồng, diện tích tưới tiêu chủ động chiếm khoảng 75%.

#### **4. Giáo dục và đào tạo**

Đã đầu tư trên 1.000 tỷ đồng vốn ngân sách nhà nước để xây dựng cơ sở vật chất trường, lớp học, xây mới 1.346 phòng học, trong đó mầm non 596 phòng, tiểu học 385 phòng, THCS 308 phòng, THPT 57 phòng với tổng diện tích trên 85,3 nghìn m<sup>2</sup>, nâng tỷ lệ KCH từ 78% năm 2010 lên 84,2% năm 2015. Ngoài ra đầu tư xây mới 5 nhà đa năng của 5 Trung tâm giáo dục thường xuyên, dạy nghề; xây dựng ký túc xá, nhà ăn của 5 trường Dân tộc nội trú. Tổng số trường tăng thêm 25 trường, nâng tổng số trường các cấp học từ 814 trường năm 2010 lên 837 trường năm 2015.

#### **5. Y tế**

Đầu tư trên 1.200 tỷ đồng để cải tạo nâng cấp và xây dựng mới các bệnh viện đa khoa tuyến tỉnh, huyện như: Bệnh viện đa khoa tỉnh, Bệnh viện Sản - Nhi, Bệnh viện Tâm thần, Bệnh viện Lao và bệnh phổi, các Trung tâm Y tế dự phòng tỉnh, huyện và một số công trình khác, với tổng diện tích xây dựng 98.724 m<sup>2</sup> (xây mới 80.018 m<sup>2</sup>, cải tạo 18.706 m<sup>2</sup>) góp phần nâng tỷ lệ giường bệnh/1 vạn dân từ 17,1 giường năm 2010 lên 20,8 giường năm 2015. Đầu tư gần 400 chủng loại trang thiết bị y tế, triển khai được một số kỹ thuật mới như X Quang cắt lớp, phẫu thuật sọ não, thận...

#### **6. Công trình công cộng, đô thị, trụ sở cơ quan quản lý Nhà nước**

Đầu tư gần 2.200 tỷ đồng xây dựng một số công trình công cộng, đô thị, trụ sở cơ quan quản lý Nhà nước, trong đó có một số dự án lớn như: Dự án Hội trường đa năng, Nhà liên cơ quan tỉnh, Trụ sở làm việc các đơn vị sự nghiệp của sở, ngành, Công viên Hoàng Hoa Thám, chỉnh trang đô thị, nhất là đô thị thành phố Bắc Giang làm cho bộ mặt đô thị khang trang, sáng, xanh, sạch đẹp; đang chuẩn bị đầu tư dự án Khu liên hợp thể thao Xương Giang, trụ sở Công an tỉnh, Tòa án tỉnh...

Đến nay, toàn tỉnh có 17 đô thị<sup>(34)</sup>. Trong đó, thành phố Bắc Giang đã được công nhận là đô thị loại II; thị trấn Chũ và thị trấn Thắng mở rộng đạt tiêu chuẩn loại IV. Tỷ lệ dân số đô thị từ 9,36% năm 2010 lên 14,5% năm 2015.

### **V. Công tác nội chính**

#### **1. Công tác tư pháp, tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật**

Hàng năm, UBND tỉnh đều xây dựng Chương trình ban hành văn bản quy phạm pháp luật, tất cả các văn bản của HĐND, UBND tỉnh trước khi ban hành đều được thẩm định để đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp, thống nhất và khả thi. Đồng thời, UBND tỉnh đã chỉ đạo định kỳ rà soát toàn bộ các văn bản quy phạm pháp luật của các cấp, các ngành để kịp thời hủy bỏ, bãi bỏ, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

<sup>34</sup> Trong đó: 01 đô thị loại II (thành phố Bắc Giang); 02 đô thị loại IV (thị trấn Thắng, Chũ) và 14 đô thị loại V.

Công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật có những chuyển biến tích cực. Đã ban hành nhiều chương trình, kế hoạch để tổ chức thực hiện nhiệm vụ tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật và được thực hiện với nhiều hình thức, trong đó địa bàn tuyên truyền được tập trung ở vùng cao, miền núi, đồng bào dân tộc thiểu số..., nội dung trọng tâm là các văn bản liên quan đến việc thực hiện các chương trình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, các chính sách liên quan trực tiếp đến đời sống nhân dân; tuyên truyền, phổ biến Hiệp pháp năm 2013, các Luật, quy định mới như Luật Đất đai, Luật Khiếu nại, Tố cáo.

Công tác thi hành án dân sự được quan tâm chỉ đạo thực hiện. Các bước tổ chức thi hành án luôn đảm bảo đúng trình tự thủ tục thi hành án, công tác quản lý thu, chi tài chính cơ bản đúng quy định của pháp luật. Đã kiện toàn Ban chỉ đạo thi hành án dân sự các cấp; đồng thời, phối hợp với các cơ quan thông tin đại chúng tổ chức tuyên truyền sâu rộng pháp luật về THADS tới mọi tầng lớp nhân dân nhằm nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của người dân. Do vậy, công tác thi hành án dân sự đạt kết quả tích cực. Hàng năm, tỷ lệ số việc đã giải quyết xong đều đạt trên 90% số việc có điều kiện thi hành, qua đó bảo đảm hiệu lực cho bản án, quyết định của tòa án nhân dân các cấp được thi hành trên thực tế, bảo vệ được lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức và công dân, tạo được sự đồng thuận, niềm tin của nhân dân.

## **2. Môi trường đầu tư, kinh doanh, công tác cải cách hành chính**

Môi trường đầu tư, kinh doanh của tỉnh trong thời gian qua đã có những bước cải thiện đáng kể. Một trong những chỉ tiêu phản ánh môi trường đầu tư, kinh doanh là chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) và chỉ số Hiệu quả quản trị hành chính công cấp tỉnh (PAPI), chỉ số cải cách hành chính (PAR index). Trong năm 2015, chỉ số PCI, PAPI đều có bước cải thiện so với năm 2014<sup>(35)</sup>.

Công tác cải cách hành chính có nhiều cố gắng trong triển khai thực hiện; UBND tỉnh đã chỉ đạo các sở, ngành, địa phương thống kê, rà soát, đơn giản các thủ tục hành chính giải quyết theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông nhất là các lĩnh vực liên quan đến doanh nghiệp và người dân như: Đầu tư, đất đai, xây dựng, đăng ký doanh nghiệp, hải quan, thuế, kho bạc, xuất nhập khẩu...qua đó đã loại bỏ được các thủ tục không cần thiết, từng bước tạo sự thông thoáng, thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp; thành lập Ban Chỉ đạo cải cách hành chính tỉnh; ban hành quy định danh mục, thời hạn giải quyết các thủ tục hành chính áp dụng theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông; thực hiện công khai 100% các thủ tục hành chính trên trang thông tin điện tử của tỉnh; chỉ đạo nâng cao chất lượng hoạt động của bộ phận một cửa, xây dựng và nhân rộng mô hình một cửa liên thông hiện đại.

Hiệu quả quản lý, điều hành của UBND các cấp ngày càng được nâng lên. Duy trì thực hiện nghiêm túc quy chế làm việc, quy chế phối hợp giữa UBND với Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội; đổi mới lề lối làm việc, quản lý, điều hành; nâng cao ý thức trách nhiệm của đội ngũ cán bộ, công chức. Thực hiện nghiêm túc việc đánh giá, xếp loại trách nhiệm người đứng đầu cơ quan, đơn vị trực thuộc UBND tỉnh và Chủ tịch UBND các huyện, thành phố trong thi hành công vụ. Tích cực đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ từ tỉnh đến cơ sở, chất

<sup>35</sup> Năm 2015, PCI đứng thứ 40, PAPI đứng thứ 21; năm 2014, PAR index đứng thứ 8.

lượng đội ngũ cán bộ, công chức ở các cấp được nâng lên; thực hiện tuyển chọn và bổ nhiệm cán bộ lãnh đạo tại các đơn vị sự nghiệp công lập. Ý thức, trách nhiệm phục vụ nhân dân của đội ngũ cán bộ, công chức đã có chuyển biến tiến bộ.

### **3. Quốc phòng, an ninh**

Công tác xây dựng nền quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân được quan tâm chỉ đạo. Đã tham mưu ban hành Chương trình hành động số 59-CTr/TU ngày 02/6/2014 của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ 8, Ban chấp hành Trung ương (khóa XI) về “Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới”. Công tác quân sự địa phương được duy trì; thực hiện nghiêm chế độ sẵn sàng chiến đấu, trực phòng chống cháy nổ, cháy rừng, kiểm soát quân sự, tuần tra canh gác, bảo đảm an toàn cơ quan, đơn vị và an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn. Tổ chức diễn tập Khu vực phòng thủ tỉnh năm 2013; diễn tập phòng cháy, chữa cháy rừng trên địa bàn huyện Sơn Động, diễn tập khu vực phòng thủ huyện Lục Ngạn, Tân Yên, Yên Dũng, Yên Thế... đạt kết quả cao và đảm bảo an toàn. Công tác tuyển quân, huy động lực lượng dự bị động viên đạt kết quả tích cực, hàng năm đều tuyển đủ quân số do Quân khu giao. Công tác di dân, tái định cư phục vụ cho dự án đầu tư xây dựng Trường bán quốc gia khu vực 1 (TB1) đã cơ bản hoàn thành; toàn bộ mặt bằng và tài sản trên đất của 63/63 thôn (bản) đã được bàn giao cho Trường bán TB1 quản lý và sử dụng vào mục đích an ninh quốc gia.

Việc kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế - xã hội với đảm bảo quốc phòng, an ninh được thực hiện tốt. Chỉ đạo diễn tập khu vực phòng thủ, phòng chống lụt bão-tìm kiếm cứu nạn cấp huyện và diễn tập chiến đấu trị an xã, phường, thị trấn đạt kết quả tốt. Hoàn thành 100% chỉ tiêu tuyển chọn, gọi công dân nhập ngũ hàng năm.

Tổ chức tốt kế hoạch bảo vệ an toàn Đại hội đại biểu toàn quốc của Đảng, bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XIII, bầu cử đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2011-2016 và các sự kiện chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội trên địa bàn. Bên cạnh đó, lực lượng công an đã thường xuyên nắm chắc tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, kịp thời xử lý các tình huống đột xuất về an ninh trật tự, giải quyết các điểm mâu thuẫn, bức xúc trong nhân dân<sup>(36)</sup>. Tích cực phòng ngừa và đấu tranh với các loại tội phạm, bài trừ các tệ nạn xã hội; tăng cường quản lý nhà nước về an ninh trật tự; từ năm 2011 đến nay, đã điều tra 2.093 vụ phạm pháp hình sự, đặc biệt đã triệt phá 34 đường dây ma túy lớn. Do vậy an ninh chính trị trên địa bàn ổn định, trật tự an toàn xã hội được đảm bảo, góp phần quan trọng trong sự nghiệp phát triển kinh tế xã hội của tỉnh.

### **4. Công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo; đấu tranh phòng, chống tham nhũng**

Công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo được UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh chỉ đạo quyết liệt với nhiều biện pháp nên đã có nhiều chuyển biến tích cực. Phần lớn các đơn thư phát sinh đã được giải quyết kịp thời, các vụ khiếu kiện phức tạp, đông người đã được tập trung giải quyết. Chủ tịch UBND tỉnh thực hiện việc giao ban trực tuyến định kỳ hàng tháng với Chủ tịch UBND các huyện,

<sup>36</sup> Những tháng đầu năm 2014, sự kiện Trung Quốc hạ đặt trái phép giàn khoan Hải Dương 981 trong vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa của Việt Nam gây bất bình trong nhân dân; tại một số tỉnh, thành trong nước, công nhân đã biểu tình phản đối quyết liệt; trước tình hình đó UBND tỉnh đã kịp thời chỉ đạo quyết liệt các cơ quan, ban, ngành phối hợp với các đoàn thể tuyên truyền, vận động, giải thích nên không xảy ra tuần hành, biểu tình tự phát ảnh hưởng đến phát triển kinh tế - xã hội và chính sách đối ngoại của tỉnh.

thành phố về công tác tiếp dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, giải quyết kịp thời các vụ việc, mâu thuẫn mới phát sinh ngay tại cơ sở.

Các vụ việc khiếu nại, tố cáo mới phát sinh được xem xét, giải quyết kịp thời, chất lượng giải quyết ngày một nâng lên; vụ việc khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền của các cấp, các ngành có xu hướng giảm qua các năm; hầu hết các vụ khiếu nại, tố cáo đông người, những điểm nóng về khiếu nại, tố cáo đã được giải quyết, đến nay đã cơ bản dứt điểm; các vụ việc khiếu nại, tố cáo phức tạp, kéo dài đã được kiểm tra, rà soát, tổ chức đối thoại, công khai kết quả giải quyết... theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ và đảm bảo quy trình, trình tự, thủ tục theo hướng dẫn của Thanh tra Chính phủ; hiện tại, nhiều vụ việc công dân đã chấm dứt khiếu kiện. Từ năm 2011 đến nay, toàn tỉnh tiếp 33.271 lượt người đến phản ánh, đề nghị giải quyết 32.148 lượt vụ việc; tiếp nhận, thụ lý, xem xét giải quyết 10.843 đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, đề nghị; đã giải quyết xong 10.679 đơn, đạt tỷ lệ 98,5%.

Công tác thanh tra, đấu tranh phòng, chống tham nhũng được tập trung chỉ đạo và đạt được một số kết quả tích cực. Từ năm 2011 đến nay đã tổ chức 321 cuộc thanh tra hành chính; 224 cuộc thanh tra trách nhiệm thủ trưởng cơ quan, đơn vị trong việc thực hiện các quy định của pháp luật về thanh tra, khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng; 426 cuộc thanh tra chuyên ngành. Qua thanh tra, phát hiện sai phạm, kiến nghị xử lý 196,5 tỷ đồng và 2.111 ngàn m<sup>2</sup> đất các loại; đã kiến nghị thu hồi 55,3 tỷ đồng và 795 ngàn m<sup>2</sup> đất; kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý bằng biện pháp tài chính khác 141,2 tỷ đồng và 1.316 ngàn m<sup>2</sup> đất theo đúng quy định; ban hành 2.644 quyết định xử phạt vi phạm hành chính với số tiền 7,1 tỷ đồng; kiến nghị xử lý 107 tập thể, 603 cá nhân có sai phạm trong công tác quản lý.

## **5. Công tác đối ngoại**

Công tác đối ngoại được quan tâm, góp phần đảm bảo an ninh, quốc phòng, phục vụ nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội. Đã tập trung đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho cán bộ, đảng viên, các tầng lớp nhân dân về chính sách đối ngoại. Tăng cường công tác thông tin đối ngoại, quảng bá hình ảnh, chính sách và môi trường đầu tư của địa phương nhằm cải thiện và đổi mới cả về nội dung và hình thức. Chú trọng công tác thiết lập quan hệ hữu nghị và hợp tác cấp địa phương với một số nước có quan hệ truyền thống và quan hệ đối tác chiến lược với Việt Nam; định kỳ hàng năm xây dựng kế hoạch tiếp xúc và làm việc với các tổ chức quốc tế và cơ quan đại diện ngoại giao các nước tại Việt Nam.

Cùng với việc quan tâm thực hiện công tác ngoại giao về kinh tế, văn hóa, UBND tỉnh đã chỉ đạo tiếp tục quan tâm thực hiện công tác đối với người Việt Nam ở nước ngoài, tạo điều kiện để cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài đến tỉnh tìm hiểu, tìm kiếm cơ hội đầu tư.

## **B. CÁC GIẢI PHÁP ĐÃ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN**

### **I. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo và phối hợp thực hiện**

Để đạt được những kết quả trên, trước hết, phải có sự tập trung lãnh đạo của Tỉnh ủy, trong đó, Tỉnh ủy đã ban hành nhiều Nghị quyết, Chương trình, Kế hoạch, Chỉ thị, Kết luận để lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội như Nghị quyết số 43-NQ/TU ngày 22/02/2011 về ban hành 5 Chương trình phát triển kinh tế - xã hội trọng tâm giai đoạn 2011-2015, Nghị quyết số

145-NQ/TU ngày 14/7/2011 về xây dựng nông thôn mới đến năm 2020, Chương trình hành động số 29-CTr/TU ngày 09/7/2012 thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 16/01/2012 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) về xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ nhằm đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại vào năm 2020; Kết luận số 30-KL/TU ngày 18/9/2013 về một số nhiệm vụ trọng tâm cần tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện từ nay đến năm 2015; Chỉ thị số 14/CT-TU ngày 04/7/2014 của Ban thường vụ Tỉnh ủy Bắc Giang về chấn chỉnh tác phong, lề lối làm việc và nâng cao trách nhiệm trong thực thi nhiệm vụ của đội ngũ cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức và cán bộ, chiến sỹ lực lượng vũ trang trên địa bàn tỉnh; Nghị quyết về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội hàng năm...; đồng thời, Thường trực Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy cũng ban hành nhiều văn bản để lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ.

HĐND tỉnh đã ban hành nhiều nghị quyết về các cơ chế, chính sách để thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội như Nghị quyết về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm, giai đoạn 2011-2015, Nghị quyết về phân cấp ngân sách các cấp; ban hành quy định mức hỗ trợ đầu tư xây dựng công trình hạ tầng nông nghiệp, nông thôn; các nghị quyết về chính sách phát triển các lĩnh vực văn hóa, xã hội... Đồng thời, HĐND tỉnh đã tăng cường công tác giám sát việc tổ chức thực hiện, phản ánh các ý kiến của cử tri... để UBND tỉnh kịp thời có biện pháp giải quyết.

Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân đã tăng cường tham gia phản biện, phối hợp, giám sát trong việc triển khai thực hiện các Nghị quyết của Tỉnh ủy, HĐND về phát triển kinh tế - xã hội; đồng thời, phối hợp với các cấp ủy đảng, chính quyền tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, phát động các phong trào thi đua, tạo sự đồng thuận của toàn xã hội trong việc thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội.

## **II. Chỉ đạo điều hành; ban hành các cơ chế, chính sách, các quy định về quản lý trên các lĩnh vực**

UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh đã có nhiều đổi mới trong chỉ đạo, điều hành; kịp thời khắc phục các khâu yếu trong tổ chức thực hiện của các cấp, các ngành, thường xuyên cử các đoàn công tác làm việc tại cơ sở, tổ chức đối thoại với nhân dân trong thực hiện giải phóng mặt bằng một số dự án trọng điểm. Chủ tịch UBND tỉnh đã tổ chức giao ban hàng tháng với Chủ tịch UBND các huyện, thành phố và Thủ trưởng một số ngành liên quan về tình hình kinh tế - xã hội, giải quyết khiếu nại, tố cáo; công tác cải cách hành chính; an toàn giao thông và một số vấn đề bức xúc tại địa phương... Thực hiện các giải pháp phù hợp tình hình thực tế, bảo đảm sự chỉ đạo, điều hành toàn diện và giải quyết có hiệu quả, kịp thời các mới phát sinh, những kiến nghị hợp lý của doanh nghiệp, nhân dân.

Chủ tịch và các Phó Chủ tịch UBND tỉnh tổ chức giao ban định kỳ; duy trì chế độ kiểm điểm công việc từng khối, trực tiếp kiểm tra, xử lý kịp thời những vụ việc đột xuất phát sinh ở cơ sở, qua đó đã xử lý kịp thời các công việc. Thực hiện nghiêm việc gửi Thông báo kết luận của Chủ tịch UBND tỉnh tại phiên họp UBND tỉnh và các Hội nghị làm việc đến Thường trực Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, các thành viên UBND tỉnh và các đơn vị có liên quan.



Bên cạnh đó, để đảm bảo thực hiện tốt sự phối hợp, UBND tỉnh đã chỉ đạo các sở, ngành thực hiện tốt Quy chế về phối hợp công tác giữa HĐND, UBND và UBNDTTQ tỉnh; triển khai thực hiện nghiêm túc, kịp thời và có hiệu quả các Nghị quyết của HĐND tỉnh; chuẩn bị và đáp ứng đầy đủ, kịp thời các tài liệu phục vụ các kỳ họp của HĐND tỉnh khoá XVII.

### **1. Công tác xây dựng, quản lý quy hoạch**

UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 318/2013/QĐ-UBND quy định về quản lý quy hoạch trên địa bàn. Công tác lập, thẩm định, phê duyệt và triển khai thực hiện quy hoạch đã từng bước đi vào nề nếp. UBND tỉnh đã chỉ đạo rà soát, điều chỉnh bổ sung Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Bắc Giang đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030, đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

Chỉ đạo các sở, ngành, địa phương rà soát, điều chỉnh, bổ sung, xây dựng mới một số quy hoạch, đề án phát triển ngành, lĩnh vực cho phù hợp với tình hình mới, nhiều quy hoạch đã được ban hành, góp phần quan trọng trong việc định hướng phát triển toàn diện trên tất cả các lĩnh vực. Đã tổ chức phê duyệt và triển khai thực hiện 307 quy hoạch các loại, trong đó: 11 quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội cấp tỉnh, huyện, 62 quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực, sản phẩm chủ yếu, 12 quy hoạch sử dụng đất, 21 quy hoạch xây dựng, đô thị, 202 quy hoạch xây dựng nông thôn mới.

Bên cạnh đó, UBND tỉnh đã chỉ đạo các ngành tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra việc thực hiện quy hoạch, kế hoạch, nhất là các quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng, đô thị ở các huyện, thành phố, từng bước khắc phục tình trạng quy hoạch “treo”. Đồng thời, thông qua công tác quy hoạch để làm rõ những điểm mạnh, tiềm năng lợi thế của tỉnh, những điểm yếu, hạn chế; cơ hội và thách thức, từ đó xác định những khâu đột phá, quan điểm, mục tiêu, phương hướng và giải pháp triển khai thực hiện, trong đó đặc biệt quan tâm đến công tác định hướng đầu tư trong thời gian tới đảm bảo đúng mục tiêu và nâng cao hiệu quả đầu tư.

### **2. Trong lĩnh vực công nghiệp, dịch vụ**

UBND tỉnh đã chỉ đạo các cấp, các ngành tích cực cải thiện môi trường đầu tư và sản xuất kinh doanh; tập trung bồi thường, giải phóng mặt bằng, tạo quỹ đất sạch; định kỳ rà soát toàn bộ các dự án đầu tư đã được cấp phép trên địa bàn để tập trung tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, tạo điều kiện cho các nhà đầu tư trong quá trình triển khai thực hiện. Đã ban hành các văn bản chỉ đạo điều hành như: Quy chế phối hợp giữa các cơ quan quản lý nhà nước đối với cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Giang; Quy định về phát triển và quản lý chợ trên địa bàn tỉnh Bắc Giang; Quy định quản lý và sử dụng kinh phí khuyến công tỉnh Bắc Giang...

Công tác quản lý nhà nước về thương mại, dịch vụ được tăng cường, nhất là công tác quản lý thị trường, kiểm tra chống buôn lậu, gian lận thương mại, buôn bán hàng giả, hàng kém chất lượng; đã thành lập Ban chỉ đạo chống buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả tỉnh Bắc Giang. Chỉ đạo các sở, ngành, địa phương thực hiện cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam”, tổ chức các phiên chợ đưa “Hàng Việt về nông thôn”, qua đó đã giúp người dân vùng nông thôn được tiêu dùng các hàng hóa “thương hiệu Việt” chất lượng tốt, giá cả hợp lý giúp doanh nghiệp phát triển bền vững tại thị trường nông thôn đầy tiềm năng.

### **3. Trong sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản, xây dựng nông thôn mới**

Tập trung chỉ đạo thực hiện chương trình phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hoá tập trung gắn với xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2011-2015; đồng thời, ban hành các kế hoạch để triển khai thực hiện. Triển khai Đề án phát triển sản xuất nấm, Đề án phát triển sản xuất hạt giống lúa lai F1 ứng dụng công nghệ cao; Dự án mô hình thí điểm chuỗi liên kết "Chăn nuôi - thu mua - tiêu thụ" và "Chăn nuôi - giết mổ, chế biến - tiêu thụ" gà đồi Yên Thế...

Trong tổ chức sản xuất, đã kịp thời chỉ đạo xây dựng kế hoạch sản xuất, cung ứng vật tư, cải tạo, nạo vét hệ thống kênh, mương tưới, tiêu phục vụ sản xuất, thực hiện chuyển đổi cơ cấu cây trồng ở những địa phương không có đủ nước, chỉ đạo chủ động phòng, chống và khắc phục hậu quả ảnh hưởng của thiên tai, dịch bệnh...

Đẩy mạnh thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới; Chỉ đạo ban hành và tổ chức thực hiện các kế hoạch, đề án triển khai thực hiện các Nghị quyết, Chỉ thị của Tỉnh ủy, Nghị quyết của HĐND tỉnh về xây dựng nông thôn mới như Kế hoạch số 84/KH-UBND ngày 22/10/2013 triển khai thực hiện Nghị quyết 06/2013/NQ-HĐND về dồn điền, đổi thửa, xây dựng cánh đồng mẫu; Nghị quyết 03/2014/NQ-HĐND quy định mức hỗ trợ đầu tư xây dựng một số hạng mục công trình ở các xã xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2014-2016, chính sách hỗ trợ bảo vệ rừng sản xuất là rừng tự nhiên; Chính sách hỗ trợ đầu tư và khai thác công trình cấp nước sinh hoạt tập trung trên địa bàn nông thôn tỉnh Bắc Giang; Chính sách hỗ trợ đầu tư xây dựng một số hạng mục công trình ở các xã xây dựng nông thôn mới...

### **4. Về quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường**

UBND tỉnh đã ban hành các cơ chế, chính sách, quy định, quy hoạch nhằm quản lý lĩnh vực đất đai như: Quyết định số 191/2012/QĐ-UBND ban hành Quy định về cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với một số trường hợp vướng mắc, tồn tại trước ngày 01/01/2012 cho hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất trên địa bàn tỉnh; Quy định trình tự, thủ tục khi Nhà nước thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; giao đất, cho thuê đất để thực hiện dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh; Quy định một số điểm cụ thể về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất...

Công tác quản lý tài nguyên khoáng sản, tài nguyên nước được chú trọng, tiếp tục chỉ đạo thực hiện việc tạm dừng việc cấp phép hoạt động khoáng sản, ban hành các văn bản nhằm quản lý, bảo vệ và khai thác hợp lý nguồn tài nguyên khoáng sản, tài nguyên nước như quy định về quản lý hoạt động khai thác cát, sỏi lòng sông và sử dụng bãi ven sông chứa cát, sỏi; Quy định một số trình tự thủ tục đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường, cam kết bảo vệ môi trường và đề án bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh; Quy định một số nội dung về quản lý khoáng sản trên địa bàn tỉnh; Quy định quản lý, khai thác, vận chuyển đất đắp nền công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh...

Thực hiện công tác bảo vệ môi trường, ứng phó biến đổi khí hậu, trong giai đoạn 2011-2015, tỉnh đã ban hành nhiều chương trình, kế hoạch, văn bản chỉ đạo quan trọng nhằm thực hiện đồng bộ, có hiệu quả công tác bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu: Chiến lược bảo vệ môi trường; Kế hoạch hành động ứng

phó Biến đổi khí hậu đến năm 2020; Kế hoạch số 55/KH-UBND ngày 02/7/2013 triển khai thực hiện Nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 13/8/2013 của Chính phủ; Kế hoạch số 50/KH-TU ngày 01/8/2013 triển khai Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 03/6/2013 của Ban Chấp hành Trung ương khoá XI ... đồng thời tập trung tuyên truyền, giáo dục cộng đồng, nâng cao nhận thức của người dân về công tác bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu, bảo vệ đa dạng sinh học...

## **5. Quản lý ngân sách nhà nước**

UBND tỉnh đã trình HĐND tỉnh ban hành các Nghị quyết về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển bằng nguồn vốn NSNN giai đoạn 2011-2015; quy định phân cấp ngân sách các cấp chính quyền địa phương tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2011-2015.... Đồng thời, chỉ đạo tăng cường thanh tra, kiểm tra để kịp thời chấn chỉnh và xử lý vi phạm trong xây dựng cơ bản. Kiên quyết thực hiện điều chuyển vốn từ các dự án chậm tiến độ sang các dự án có tiến độ nhanh, thiếu vốn thanh toán. Chủ tịch UBND tỉnh tổ chức giao ban XDCB định kỳ và đột xuất với các chủ đầu tư thực hiện chậm tiến độ, để kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc; định kỳ hàng tuần kiểm tra, chỉ đạo đẩy nhanh công tác GPMB, tiến độ và chất lượng thi công và giải ngân các dự án trọng điểm. Kịp thời tháo gỡ khó khăn cho các chủ đầu tư và nhà thầu trong quá trình điều hành chi ngân sách nhà nước.

Trong công tác quản lý đầu tư xây dựng, đã ban hành văn bản chỉ đạo việc thực hiện Chỉ thị 1792/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ và ban hành quy định một số nội dung về quản lý đầu tư và xây dựng đối với các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh...

Công tác quản lý ngân sách được tăng cường chỉ đạo với nhiều giải pháp nhằm nuôi dưỡng phát triển nguồn thu, chống thất thu ngân sách, đồng thời chỉ đạo triệt để tiết kiệm chi; ban hành Quyết định về Chương trình hành động về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; quyết định sửa đổi một số điều quy định quản lý và điều hành ngân sách địa phương.... Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị tiết kiệm chi ngay từ khi xây dựng dự toán ngân sách và trong quá trình thực hiện dự toán, chi phí hoạt động cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp được tiết giảm tối đa, dành nguồn để chi cho con người và đảm bảo an sinh xã hội

## **6. Về các lĩnh vực văn hóa, xã hội**

*6.1. Lĩnh vực giáo dục - đào tạo:* UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia giai đoạn 2012 - 2015; Đề án củng cố và phát triển hệ thống Trường phổ thông DTNT giai đoạn 2011 - 2015; Kế hoạch phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi; xây dựng Đề án phát triển cơ sở vật chất giáo dục mầm non tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2015-2020; Quy định dạy thêm, học thêm nhằm chấn chỉnh việc dạy thêm, học thêm, chấn chỉnh công tác thu, chi trong nhà trường...

*6.2. Lĩnh vực văn hóa, thể thao:* Đã chỉ đạo tổ chức tổng kết 15 năm thực hiện Nghị quyết TW 5 khóa VIII về xây dựng và phát triển nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; ban hành quy định “Thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang, lễ hội và một số lễ nghi sinh hoạt cộng đồng khác”; Quyết định phê duyệt Chương trình thực hiện Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2012-2015, định hướng đến năm 2020; tổ chức thành công các sự kiện văn hóa, thể thao...

6.3. *Lĩnh vực y tế, chăm sóc sức khỏe nhân dân*: Đã tập trung chỉ đạo triển khai thực hiện công tác đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm; tăng cường phòng chống dịch tay, chân, miệng, sởi/rubella; công tác bảo vệ chăm sóc trẻ em; chỉ đạo thực hiện hiệu quả công tác xã hội hoá lĩnh vực y tế, thực hiện tốt Đề án 47 và Đề án 930 về đầu tư nâng cấp bệnh viện tuyến tỉnh, tuyến huyện; chỉ đạo việc nâng cao ý thức, chất lượng khám chữa bệnh phục vụ nhân dân; tiếp tục nâng cao đẩy mạnh công tác xây dựng chuẩn quốc gia y tế xã; tăng cường kiểm soát tình trạng mất cân bằng giới tính khi sinh trên địa bàn tỉnh

6.4. *Lĩnh vực khoa học - công nghệ*: Đã ban hành nhiều cơ chế, chính sách để thúc đẩy hoạt động nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao tiến bộ khoa học – công nghệ vào sản xuất, đời sống như Chiến lược phát triển khoa học – công nghệ; quy định mức chi kinh phí đối với các đề tài, dự án khoa học – công nghệ cấp tỉnh có sử dụng ngân sách nhà nước...

6.5. *Lĩnh vực thực hiện các chính sách an sinh xã hội*: Đã chỉ đạo thực hiện nghiêm túc, kịp thời, đúng quy định các chế độ, chính sách đối với gia đình, người có công, đối tượng bảo trợ xã hội, thực hiện trợ cấp thường xuyên và đột xuất kịp thời cho các đối tượng; xây dựng và triển khai thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2012-2015; đề án giảm nghèo cho 13 xã có tỷ lệ hộ nghèo trên 50% huyện Lục Ngạn; đề án giảm nghèo nhanh và bền vững huyện Sơn Động theo Nghị quyết 30a của Chính phủ, cấp thẻ bảo hiểm y tế...

## **7. Lĩnh vực nội chính, đối ngoại**

7.1. *Công tác cải cách hành chính, nâng cao năng lực chỉ đạo, điều hành của bộ máy chính quyền các cấp*: Đã ban hành Kế hoạch cải cách hành chính giai đoạn 2011-2015; ban hành kế hoạch cải thiện và nâng cao hiệu quả quản trị hành chính công cấp tỉnh (PAPI); chỉ đạo thành lập Ban Chỉ đạo cải cách hành chính tỉnh; ban hành quy định danh mục, thời hạn giải quyết các thủ tục hành chính áp dụng theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông; thực hiện công khai 100% các thủ tục hành chính trên trang thông tin điện tử của tỉnh; chỉ đạo nâng cao chất lượng hoạt động của bộ phận một cửa, xây dựng và nhân rộng mô hình một cửa liên thông hiện đại<sup>(37)</sup>.

Hiệu quả quản lý, điều hành của UBND các cấp ngày càng được nâng lên. UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 116/KH-UBND ngày 08/9/2014 triển khai thực hiện Chỉ thị số 14/CT-TU ngày 04/7/2014 của Ban thường vụ Tỉnh về chấn chỉnh tác phong, lề lối làm việc, nâng cao trách nhiệm trong thực thi nhiệm vụ của đội ngũ cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức và cán bộ, chiến sỹ lực lượng vũ trang trên địa bàn tỉnh. Thực hiện nghiêm túc việc đánh giá, xếp loại trách nhiệm người đứng đầu cơ quan, đơn vị thuộc UBND tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố trong thi hành công vụ. Tích cực đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ; thực hiện tuyển chọn và bổ nhiệm cán bộ lãnh đạo tại các đơn vị sự nghiệp công lập. Ý thức, trách nhiệm của đội ngũ cán bộ, công chức đã có chuyển biến tiến bộ.

Đã ban hành quy định tổ chức tuyên dụng công chức xã, phường, thị trấn; Quy định về phân cấp và quản lý tổ chức bộ máy, biên chế và cán bộ, công chức,

<sup>37</sup> Đến nay 17/19 sở, ngành cấp tỉnh, các huyện, thành phố, các xã, thị trấn có bộ phận một cửa, một cửa điện tử; 139 xã, phường, thị trấn thực hiện cơ chế một cửa điện tử liên thông giữa cấp huyện với cấp xã; tỷ lệ thủ tục hành chính được giải quyết trước và đúng hạn qua bộ phận một cửa bình quân đạt 97,6% (trong đó, cấp tỉnh đạt 99,4%, cấp huyện đạt 93,9%, cấp xã đạt 99,6%).

viên chức Nhà nước tỉnh Bắc Giang; Quyết định ban hành quy định quản lý cán bộ chuyên trách xã, phường, thị trấn.

*7.2. Công tác tiếp dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng:* UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh đã tập trung chỉ đạo với nhiều biện pháp quyết liệt, đồng bộ đối với công tác tiếp dân, giải quyết KNTC. Đã ban hành nhiều văn bản để chỉ đạo việc thực hiện công tác tiếp dân, giải quyết; chỉ đạo tăng cường đối thoại, xử lý kịp thời, dứt điểm các vụ việc khiếu kiện từ cơ sở, nhất là những vụ việc tồn đọng kéo dài, bức xúc trong nhân dân. Hàng tháng, Chủ tịch UBND tỉnh giao ban với Chủ tịch UBND các huyện, thành phố về công tác tiếp dân, giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo; trực tiếp kiểm tra, đôn đốc và bàn biện pháp giải quyết các vụ khiếu kiện tại các huyện, thành phố; thành lập Ban chỉ đạo triển khai, thực hiện Đề án "Tiếp tục tăng cường công tác phổ biến, giáo dục pháp luật về KNTC ở xã, phường, thị trấn giai đoạn 2013 - 2016", thành lập Ban tiếp công dân để nâng cao chất lượng công tác tiếp dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo.

UBND tỉnh đã chỉ đạo triển khai đồng bộ các giải pháp phòng, chống tham nhũng, trong đó lấy phòng ngừa làm trọng tâm với các biện pháp như: Công khai, minh bạch trong hoạt động của các cơ quan, đơn vị, việc luân chuyển, chuyển đổi vị trí công tác đối với công chức, viên chức, thực hiện các quy định về minh bạch tài sản và thu nhập, cải cách hành chính và áp dụng công nghệ trong quản lý, điều hành...

*7.3. Công tác bảo đảm quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn giao thông:* UBND tỉnh đã tập trung chỉ đạo tiếp tục quán triệt, triển khai Chiến lược bảo vệ Tổ quốc, Chiến lược bảo vệ an ninh quốc gia và các Chỉ thị, Nghị quyết của Bộ Chính trị, Ban Bí thư Trung ương trong lĩnh vực quốc phòng, an ninh; Chỉ thị số 05/CT-TTg ngày 21/02/2012 của Thủ tướng Chính phủ về nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác bảo vệ bí mật nhà nước trong tình hình mới; triển khai thực hiện Đề án "Tuyên truyền, phổ biến pháp luật cho người dân nông thôn và đồng bào dân tộc thiểu số tỉnh Bắc Giang"; tham mưu xây dựng Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Trung ương 8 (khóa XI) về "Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới"; chỉ đạo thực hiện diễn tập khu vực phòng thủ cấp tỉnh, cấp huyện.

Chỉ đạo tăng cường công tác giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, đảm bảo an toàn giao thông; công tác quản lý hoạt động xuất nhập cảnh, quản lý cư trú; quản lý người nước ngoài đến lao động trong các doanh nghiệp và ngăn chặn xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc lao động. Chủ động nắm chắc tình hình, chỉ đạo và phối hợp tốt với các cơ quan chức năng kịp thời có biện pháp cô lập, ngăn chặn, xử lý nghiêm các đối tượng có hành vi lợi dụng phản đối Trung Quốc hạ đặt giàn khoan HD 981 trái phép tại vùng biển nước ta để kích động, xúi giục mít tinh, biểu tình, diễu hành trái quy định của pháp luật trên địa bàn.

Chú trọng công tác bảo vệ chính trị nội bộ, bảo vệ bí mật nhà nước; vận động quần chúng nhân dân thu hồi vũ khí vật liệu nổ, đảm bảo an ninh trật tự trong tình hình mới; bảo vệ an toàn các mục tiêu trọng điểm, các đoàn khách quốc tế, lãnh đạo cấp cao của Đảng, Nhà nước đến thăm, làm việc tại địa phương. Chỉ đạo triển khai các Chương trình, mục tiêu quốc gia phòng, chống tội phạm; phòng, chống ma túy; mua bán người, mở các đợt cao điểm tấn công trấn áp tội phạm...

Trong công tác đảm bảo trật tự an toàn giao thông, UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh đã chỉ đạo đẩy mạnh công tác tuyên truyền giáo dục ý thức chấp hành Luật giao thông cho người dân. Hàng tháng, Chủ tịch UBND tỉnh họp giao ban trực tuyến với Chủ tịch UBND các huyện, thành phố về công tác đảm bảo an toàn giao thông; tập trung chỉ đạo quyết liệt các giải pháp đảm bảo an toàn giao thông; chỉ đạo ra quân đồng loạt kiểm soát tải trọng xe...

*7.4. Công tác đối ngoại:* Đã ban hành Quy chế quản lý thống nhất các hoạt động đối ngoại trên địa bàn tỉnh; ban hành Chương trình xúc tiến vận động viện trợ phi chính phủ nước ngoài giai đoạn 2013 - 2017. Thực hiện các chương trình, kế hoạch và chính sách đối với người Việt Nam ở nước ngoài theo quy định. Xây dựng kế hoạch tổng hợp thông tin dữ liệu về người Bắc Giang ở nước ngoài và làm tốt chức năng cầu nối giữa họ và thân nhân ở địa phương; Kế hoạch thực hiện Chương trình hành động của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ về Hội nhập quốc tế. Chỉ đạo tăng cường quảng bá hình ảnh của Bắc Giang để phục vụ công tác thu hút đầu tư...

### **III. Giải pháp về huy động nguồn lực**

UBND tỉnh đã chỉ đạo tập trung cao cải thiện môi trường đầu tư; xây dựng, bổ sung chính sách ưu đãi, khuyến khích đầu tư; nâng cao hiệu quả hoạt động của cơ chế “một cửa” tại các cấp, các ngành, xây dựng kế hoạch nâng hạng năng lực cạnh tranh (PCI) cấp tỉnh; hỗ trợ các nhà đầu tư trong việc triển khai các dự án đã được chấp thuận, môi trường đầu tư được cải thiện thông thoáng, hấp dẫn hơn. Một số cơ chế, chính sách được ban hành như: Quy định trình tự, thủ tục thực hiện các dự án đầu tư bên ngoài các khu công nghiệp; kế hoạch tổng thể xúc tiến đầu tư giai đoạn 2011-2015 và kế hoạch xúc tiến đầu tư hàng năm làm cơ sở cho việc vận động, kêu gọi các dự án đầu tư; ban hành cơ chế đặc thù thu hút đầu tư theo quy hoạch đường Nguyễn Văn Cừ thành phố Bắc Giang...

Để huy động các nguồn lực đầu tư, UBND tỉnh ban hành Quyết định 261/2012/QĐ-UBND ngày 13/8/2012 về quy định cơ chế, chính sách hỗ trợ đầu tư và quản lý khai thác công trình cấp nước sinh hoạt tập trung trên địa bàn nông thôn tỉnh Bắc Giang; lập quỹ đầu tư phát triển, quỹ phát triển đất, quy bảo trì đường bộ...

Trong điều kiện ngân sách tỉnh hạn hẹp trong khi kết cấu hạ tầng kinh tế xã hội của tỉnh còn yếu kém, UBND tỉnh đã chỉ đạo các sở ngành tranh thủ sự giúp đỡ của các bộ ngành Trung ương cũng như các tổ chức quốc tế trong việc xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế xã hội; xây dựng các đề án để triển khai thực hiện như đề án giảm nghèo nhanh và bền vững huyện Sơn Động, đề án đầu tư phát triển kinh tế - xã hội, bảo tồn, tôn tạo các di tích lịch sử tại các xã ATK II huyện Hiệp Hòa; xây dựng các đề án, dự án để tranh thủ nguồn vốn ODA, NGOs...

### **IV. Giải pháp về thông tin, tuyên truyền**

Công tác thông tin, tuyên truyền được tập trung chỉ đạo nhằm thực việc thực hiện các nhiệm vụ chính trị của Trung ương, địa phương. Nâng cao chất lượng các cơ quan báo chí, phát thanh, truyền hình. Các cơ quan thông tin, truyền thông chủ động cung cấp thông tin chính xác, kịp thời về tình hình kinh tế - xã hội của địa

phương, các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước để nhân dân hiểu rõ và tạo được sự đồng thuận trong quá trình tổ chức thực hiện.

## **V. Công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát**

Để đảm bảo việc thực hiện của các cấp, các ngành, UBND tỉnh đã chỉ đạo tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện của các cơ quan, đơn vị, địa phương, trong đó, trọng tâm vào các lĩnh vực “nhạy cảm” như ngân sách, đầu tư XDCB, đất đai, thực hiện chính sách an sinh xã hội, thực hiện các thủ tục hành chính, việc chấp hành chế độ công vụ của cán bộ, công chức... ; đồng thời, đã chỉ đạo các ngành, địa phương tham gia các đoàn kiểm tra, giám sát của HĐND tỉnh trên các lĩnh vực nhằm phát hiện những khuyết điểm, hạn chế, sai phạm trong quá trình tổ chức thực hiện để có biện pháp khắc phục, chấn chỉnh và xử lý kịp thời.

Chỉ đạo tăng cường sự phối hợp với Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức đoàn thể và nhân dân để tranh thủ ý kiến tham gia, phản biện, sự đóng góp của nhân dân để đảm bảo thực hiện có hiệu quả các chương trình, dự án, nhất là các chương trình, dự án có tác động tới nhiều đối tượng.

## **C. HẠN CHẾ, KHUYẾT ĐIỂM VÀ NGUYÊN NHÂN**

### **I. Hạn chế, khuyết điểm**

Bên cạnh những kết quả đã đạt được, trong việc thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm vẫn còn tồn tại, hạn chế, trong 15 chỉ tiêu chủ yếu của kế hoạch 5 năm, giai đoạn 2011-2015, có 12 chỉ tiêu vượt và đạt kế hoạch; 3 chỉ tiêu đạt thấp hơn kế hoạch đề ra là: Tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh (GRDP); tỷ lệ dân số thành thị; tỷ lệ độ che phủ rừng, tỷ lệ dân số thành thị sử dụng nước sạch, tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới. Cụ thể từng lĩnh vực như sau:

#### **1. Về phát triển kinh tế**

Tốc độ tăng trưởng kinh tế chưa có sự bứt phá, nhất là phát triển công nghiệp, dịch vụ; tăng trưởng còn chưa ổn định và vững chắc; chất lượng tăng trưởng vẫn còn nhiều hạn chế và chậm được cải thiện, chủ yếu phát triển theo chiều rộng, giá trị gia tăng thấp, quy mô nền kinh tế còn nhỏ bé. Cơ cấu kinh tế đã có sự chuyển dịch theo hướng tích cực song tốc độ chuyển dịch còn chậm. Khoảng cách về thu nhập bình quân đầu người so với bình quân chung cả nước chậm được thu hẹp<sup>(38)</sup>; năng suất lao động so với các trung tâm phát triển còn thấp.

Sản xuất công nghiệp có sự đóng góp chủ yếu từ khu vực FDI, khu vực doanh nghiệp nhà nước và ngoài quốc doanh có đóng góp hạn chế. Tăng trưởng lĩnh vực nông, lâm nghiệp thủy sản chưa ổn định, còn phụ thuộc nhiều vào thời tiết; sản xuất nông nghiệp cơ bản vẫn là sản xuất nhỏ, chưa gắn kết chặt chẽ với thị trường và công nghiệp chế biến, gặp khó khăn trong tiêu thụ sản phẩm. Việc áp dụng cơ giới hoá trong nông nghiệp chưa nhiều.

Tăng trưởng lĩnh vực dịch vụ còn thấp; các loại hình dịch vụ chất lượng cao như tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, du lịch còn hạn chế. Mặt hàng xuất khẩu của tỉnh chủ yếu là gia công, lắp ráp, giá trị gia tăng không cao. Các loại hình dịch vụ giá trị gia tăng cao như ngân hàng, tài chính... phát triển chậm; chưa phát huy được tiềm năng du lịch trên địa bàn tỉnh.

<sup>38</sup> Năm 2010, GDP bình quân/người của tỉnh bằng 56%, năm 2015 ước bằng 68,7% cả nước.

Công tác quy hoạch còn nhiều bất cập, chất lượng thấp, dẫn đến phải điều chỉnh nhiều lần. Kết cấu hạ tầng giao thông, thủy lợi, điện, hạ tầng các khu, cụm công nghiệp, cấp thoát nước và vệ sinh môi trường trên địa bàn tỉnh còn thiếu đồng bộ, chất lượng thấp, chưa đáp ứng tốt yêu cầu phát triển. Công tác quy hoạch, phát triển đô thị có mặt còn hạn chế; tiến độ đầu tư xây dựng hạ tầng một số khu đô thị, khu dân cư mới còn chậm. Công tác quản lý về đầu tư XDCB nguồn vốn NSNN còn nhiều tồn tại, hiệu quả đầu tư một số công trình chưa cao. Quản lý nhà nước về tài nguyên, môi trường còn hạn chế; tình trạng khai thác khoáng sản trái phép vẫn diễn ra; ô nhiễm môi trường còn xảy ra ở nhiều nơi nhưng chậm có giải pháp hiệu quả để khắc phục. Việc chấp hành cam kết xử lý chất thải ở nhiều doanh nghiệp chưa nghiêm.

Môi trường đầu tư chưa thực sự thông thoáng, hấp dẫn; chất lượng, hiệu quả thu hút đầu tư chưa cao, chưa thu hút được nhiều dự án quy mô lớn. Doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh đa số quy mô nhỏ, khả năng đóng góp cho ngân sách tỉnh chưa nhiều. Các dự án đầu tư nước ngoài chủ yếu tập trung vào lắp ráp, gia công, giá trị gia tăng thấp; đặc biệt chưa thu hút được vào lĩnh vực nông - lâm nghiệp trong khi đây là lĩnh vực thế mạnh của tỉnh. Đầu tư nước ngoài hiện tập trung chủ yếu tại địa bàn có điều kiện thuận lợi về cơ sở hạ tầng, nguồn nhân lực. Nhiều dự án không triển khai được phải thu hồi, báo cáo hiệu quả sản xuất kinh doanh thấp. Tỷ lệ vốn thực hiện thấp so với vốn đăng ký. Tác động lan tỏa hạn chế, hầu như chưa có sự hợp tác giữa doanh nghiệp đầu tư nước ngoài và doanh nghiệp địa phương trong sản xuất sản phẩm hỗ trợ, dịch vụ, chuyển giao khoa học công nghệ, trình độ quản trị.

Các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh chủ yếu là doanh nghiệp nhỏ và vừa, năng lực quản trị, khả năng cạnh tranh, quy mô vốn thấp. Tỷ lệ doanh nghiệp hoạt động có hiệu quả chỉ chiếm khoảng 40%.

## **2. Về phát triển văn hóa - xã hội**

Chất lượng giáo dục toàn diện chưa thật sự vững chắc; còn tình trạng “bệnh thành tích trong giáo dục”, “lạm thu”, dạy thêm, học thêm không đúng quy định còn xảy ra ở một số đơn vị, gây bức xúc trong nhân dân. Giáo dục đạo đức, lối sống, kỹ năng sống còn hạn chế, chưa giải quyết tốt mối quan hệ giữa dạy chữ với dạy người, dạy nghề. Các cơ sở dạy nghề đào tạo trình độ cao đẳng nghề, trình độ trung cấp nghề có quy mô tuyển sinh nhỏ, chủ yếu các cơ sở dạy nghề tuyển sinh đào tạo nghề trình độ sơ cấp và dạy nghề dưới 03 tháng; việc đổi mới để nâng cao chất lượng, hiệu quả chương trình đào tạo nghề còn lúng túng.

Hệ thống các cơ sở y tế phát triển chưa cân đối giữa các vùng; mạng lưới y tế dự phòng tuyến huyện còn có mặt hạn chế. Tinh thần phục vụ người bệnh của một bộ phận nhân viên y tế chưa cao. Tỷ lệ sinh con thứ 3 trở lên đang còn ở mức cao; tỷ số giới tính nam/nữ khi sinh vẫn ở mức cao. Vấn đề vệ sinh an toàn thực phẩm còn nhiều vi phạm, tiềm ẩn những yếu tố dẫn đến mất an toàn, ảnh hưởng không tốt đến sức khỏe nhân dân<sup>(39)</sup>.

Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá” ở nhiều nơi chưa có nhiều đổi mới, sáng tạo để thu hút đông đảo nhân dân tham gia; việc công nhận

<sup>39</sup> Số ca mắc trong các vụ ngộ độc thực phẩm năm 2011 là 8,3 ca/100.000 dân, ước năm 2014 là 11,8/100.000 dân.



các danh hiệu văn hóa ở một số địa phương còn biểu hiện hình thức, chạy theo số lượng. Chất lượng, hiệu quả phong trào xây dựng cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp văn hoá chưa cao. Đời sống văn hoá, tinh thần của công nhân, người lao động ở các khu, cụm công nghiệp chưa được quan tâm đúng mức, còn nghèo nàn.

Hoạt động nghiên cứu, ứng dụng khoa học - công nghệ kết quả còn hạn chế, chưa có nhiều đóng góp vào phát triển kinh tế - xã hội. Tỉnh chưa xây dựng được đội ngũ chuyên gia; chưa có tập thể khoa học mạnh, có khả năng giải quyết những vấn đề cấp bách trong phát triển kinh tế-xã hội địa phương.

Chế độ, chính sách đối với người lao động trong nhiều doanh nghiệp chưa được thực hiện tốt; tình trạng nợ đọng, chậm đóng bảo hiểm xã hội cho người lao động còn tương đối phổ biến, dẫn đến tình trạng đình công, lãn công, gây mất ổn định an ninh trật tự.

Giảm nghèo ở một số xã khó khăn chưa thực sự bền vững; nguy cơ tái nghèo còn cao. Việc lồng ghép các chương trình phát triển kinh tế - xã hội để thực hiện mục tiêu giảm nghèo ở một số địa phương còn hạn chế, chưa có nhiều mô hình hiệu quả về giảm nghèo phù hợp với từng vùng và tập quán sản xuất, canh tác của người dân. Hiệu quả một số chương trình, chính sách hỗ trợ vùng dân tộc còn thấp. Đời sống của một bộ phận nhân dân nông thôn, miền núi còn khó khăn.

### **3. Công tác nội chính**

Hiệu quả quản lý, điều hành của chính quyền các cấp trên một số lĩnh vực còn hạn chế: Việc quản lý và thực hiện theo quy hoạch có lúc, có nơi chưa nghiêm. Còn xảy ra sai phạm trong quản lý tài chính, ngân sách; quản lý đầu tư, xây dựng cơ bản. Trình độ, năng lực, tính tiên phong, gương mẫu, ý thức trách nhiệm phục vụ nhân dân của một bộ phận cán bộ, công chức còn thấp. Việc thực hiện cơ chế “một cửa” ở một số địa phương còn biểu hiện hình thức. Kỷ cương, kỷ luật hành chính ở một số nơi chưa nghiêm. Việc tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật cho nhân dân chưa thật sự hiệu quả.

Một số tệ nạn xã hội có chiều hướng gia tăng; tình hình an ninh trật tự trên một số mặt còn diễn biến phức tạp, tiềm ẩn những nhân tố có thể dẫn đến mất ổn định. Phạm pháp hình sự còn diễn biến phức tạp, khó lường; tội phạm nghiêm trọng có chiều hướng gia tăng, tệ nạn xã hội chưa giảm, nhất là tình trạng vận chuyển, buôn bán, sử dụng ma tuý, đánh bạc, mại dâm. Chất lượng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc ở nhiều nơi còn hạn chế. Tỷ lệ đảng viên trong lực lượng dân quân nòng cốt còn thấp. Xây dựng và phát triển lực lượng tự vệ trong các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài chưa đạt yêu cầu đề ra. Cải cách tư pháp chuyển biến chưa rõ nét; chất lượng công tác chuyên môn của các cơ quan tư pháp chuyển biến chậm, chưa theo kịp với yêu cầu cải cách tư pháp. Tình hình khiếu kiện ở một số nơi còn phức tạp, khiếu kiện đông người, đơn thư vượt cấp chưa giảm.

## **II. Nguyên nhân**

### **1. Nguyên nhân khách quan**

Trong những năm đầu thực hiện, kinh tế thế giới có nhiều diễn biến phức tạp, tác động bất lợi đến tình hình kinh tế - xã hội trong nước và trong tỉnh; chính sách kinh tế vĩ mô còn có bất cập. Khó khăn về thị trường tiêu thụ sản phẩm, tiếp cận

vốn, mở rộng, nâng cao hiệu quả sản xuất đã ảnh hưởng đến sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp trong tỉnh.

Huy động nguồn lực gặp nhiều khó khăn; nguồn thu ngân sách tỉnh hạn hẹp, ảnh hưởng đến khả năng đầu tư của tỉnh đối với những lĩnh vực, công trình có thể tạo sự phát triển bứt phá của địa phương. Tình hình kinh tế thế giới, trong nước gặp nhiều khó khăn, tác động bất lợi đến tăng trưởng kinh tế của tỉnh.

## **2. Nguyên nhân chủ quan**

Sự phối hợp của một số ngành trong quản lý nhà nước chưa chặt chẽ. Chưa kịp thời điều chỉnh, bổ sung một số cơ chế, chính sách của tỉnh cho phù hợp. Công tác quản lý, điều hành của một số đơn vị, địa phương có việc còn hạn chế; tổ chức thực hiện và tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc trên một số lĩnh vực chưa kịp thời; chỉ đạo thực hiện các chương trình phát triển kinh tế - xã hội trọng tâm chưa quyết liệt. Việc điều hành triển khai thực hiện kế hoạch nhiệm vụ chậm, hiệu quả chưa cao.

Trong sản xuất công nghiệp, khu vực FDI chiếm tỷ trọng lớn, do vậy khi có tác động từ bên ngoài ảnh hưởng lớn đến tăng trưởng ngành công nghiệp và tăng trưởng kinh tế chung của tỉnh.

Công tác xây dựng quy hoạch, triển khai quản lý và thực hiện quy hoạch đang là khâu yếu trên nhiều lĩnh vực. Công tác dự báo chưa đáp ứng kịp yêu cầu phát triển trong tình hình mới.

Một số ngành, địa phương nhận thức chưa đầy đủ trách nhiệm của mình, nên việc đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác chỉ đạo, điều hành thực hiện cơ chế, chính sách chưa kiên quyết, hiệu lực thấp.

Một bộ phận cán bộ công chức năng lực và trình độ chuyên môn còn yếu. Một số còn có thái độ quan liêu, cửa quyền, sách nhiễu, sa sút phẩm chất đạo đức... làm giảm lòng tin đối với doanh nghiệp và nhân dân, dẫn đến chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh, chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công thấp, ảnh hưởng đến môi trường đầu tư.

## **Phần thứ hai**

### **KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI 5 NĂM, GIAI ĐOẠN 2016 - 2020**

#### **A. DỰ BÁO TÌNH HÌNH GIAI ĐOẠN 2016-2020**

Trong giai đoạn 5 năm tới, hòa bình, hợp tác, ổn định chính trị là xu thế chủ đạo, nhưng xung đột sắc tộc, tôn giáo, chiến tranh cục bộ, can thiệp, lật đổ, khủng bố, tranh chấp chủ quyền lãnh thổ vẫn diễn ra gay gắt; các nước lớn không ngừng tạo dựng vai trò ảnh hưởng, chi phối của mình đối với thế giới; lợi ích quốc gia, dân tộc là nguyên tắc, mục tiêu chi phối mọi quan hệ đối ngoại của các nước.

Toàn cầu hoá, hội nhập kinh tế quốc tế, tự do hoá thương mại, các cơ chế hợp tác song phương và đa phương vẫn diễn ra mạnh mẽ. Cuộc cách mạng khoa học - kỹ thuật tiếp tục là động lực quan trọng cho sự phát triển của kinh tế thế giới. Trong

thời gian tới, một số nền kinh tế lớn tiếp tục chi phối sự phát triển của kinh tế thế giới; các quốc gia hình thành "cuộc đua" về cơ chế, chính sách để thu hút đầu tư. Các nền kinh tế nhỏ như nước ta sẽ chịu tác động rất lớn của các xu thế trên.

Bên cạnh hội nhập kinh tế quốc tế, quá trình toàn cầu hóa sẽ dẫn đến việc giao lưu về văn hóa, hợp tác về quốc phòng, an ninh và giải quyết các vấn đề mang tính toàn cầu là xu thế tất yếu.

Ở trong nước, nền kinh tế đang có dấu hiệu phục hồi nhanh với tốc độ tăng trưởng kinh tế cao hơn trong những năm gần đây; nước ta hội nhập ngày càng sâu, rộng vào nền kinh tế thế giới với việc hình thành cộng đồng ASEAN, gia nhập hoàn toàn vào tổ chức thương mại thế giới (WTO); tham gia Hiệp định thương mại tự do song phương và đa phương như Hiệp định thương mại tự do Việt Nam - Hàn Quốc; Hiệp định đối tác kinh tế xuyên Thái Bình Dương (TPP), Hiệp định khung đối tác toàn diện và hiệp định thương mại tự do Việt Nam - EU... Môi trường đầu tư, kinh doanh của cả nước đang được cải cải thiện, hướng tới đạt mức trung bình của nhóm nước ASEAN-4 trên một số chỉ tiêu chủ yếu theo thông lệ quốc tế.

Ở trong tỉnh, kết quả đạt được trên các lĩnh vực trong giai đoạn vừa qua tạo tiền đề vững chắc để phát triển trong giai đoạn tới. Các xu thế, tình hình trên có những tác động thuận lợi song cũng có những khó khăn, thách thức đến nền kinh tế - xã hội của tỉnh, cụ thể như sau:

### **I. Thuận lợi**

Cho phép tỉnh có cơ hội khai thác các lợi thế, đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng hiệu quả hơn.

Thị trường được mở rộng, các sản phẩm hàng hóa của tỉnh có cơ hội tham gia ngày càng lớn vào thị trường thế giới; tỉnh có cơ hội thu hút các dòng vốn đầu tư trực tiếp, gián tiếp từ nước ngoài của các tập đoàn kinh tế hàng đầu thế giới.

Với sự hội nhập ngày càng sâu vào nền kinh tế thế giới, chúng ta có cơ hội tiếp thu tiến bộ khoa học, công nghệ, kỹ thuật tiên tiến, thay thế dần công nghệ lạc hậu của các doanh nghiệp địa phương; các doanh nghiệp có cơ hội tiếp cận, học hỏi, đổi mới trình độ quản lý và tổ chức sản xuất để nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm theo các tiêu chuẩn quốc tế, hiệu quả sản xuất, kinh doanh được nâng lên.

Quá trình hội nhập kinh tế quốc tế giúp cho phép lực lượng lao động của tỉnh tham gia vào quá trình phân công của thị trường lao động thế giới, góp phần giải quyết việc làm, tăng thu nhập, cải thiện trình độ lao động.

Tham gia hội nhập kinh tế quốc tế thúc đẩy quá trình đổi mới cơ chế, chính sách, cải cách hành chính đồng bộ hơn, hiệu quả hơn.

Quá trình toàn cầu hóa tạo điều kiện tiếp thu những tinh hoa văn hóa thế giới, hợp tác về quốc phòng, an ninh vì mục đích hòa bình; thế giới cùng bắt tay, chia sẻ, giải quyết có hiệu quả hơn các vấn đề mang tính toàn cầu như biến đổi khí hậu, dịch bệnh, đói nghèo...

Sự ổn định kinh tế vĩ mô, kinh tế trong nước phục hồi, góp phần quan trọng vào thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, đặc biệt là thúc đẩy phát triển sản xuất, kinh doanh của các doanh nghiệp.

## **II. Khó khăn, thách thức**

Việc hội nhập ngày càng sâu, rộng vào kinh tế thế giới trong điều kiện sức cạnh tranh nền kinh tế còn thấp sẽ phải chịu nhiều áp lực trong quá trình đàm phán, thực hiện các liên doanh, liên kết sản xuất cũng như quá trình đàm phán thu hút đầu tư.

Sự cạnh tranh ngay ở thị trường trong nước ngày càng tăng, trong khi sản phẩm sản xuất trong nước sức cạnh tranh thấp, dẫn đến nguy cơ kìm hãm sản xuất trong nước; các doanh nghiệp, nhất là các doanh nghiệp sản xuất trình độ thấp sẽ gặp rất nhiều khó khăn.

Việc thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài dẫn đến nguy cơ nước ta trở thành nơi nhận gia công giá trị thấp cho thế giới, việc thu hút FDI để chuyển giao khoa học - công nghệ cho các doanh nghiệp trong nước sẽ chậm được thực hiện.

Việc khai thác tài nguyên thô dẫn đến nguy cơ cạn kiệt tài nguyên, gây ô nhiễm môi trường ngày càng gia tăng.

Sự phát triển dẫn đến việc phân hóa giàu, nghèo, phân tầng xã hội ngày càng gia tăng, tác động đến sự ổn định xã hội.

Hội nhập kinh tế quốc tế và toàn cầu hóa đặt ra những vấn đề mới trong việc bảo vệ môi trường, bảo vệ an ninh, giữ gìn bản sắc văn hóa và truyền thống văn hóa tốt đẹp, chống lại lối sống thực dụng, chạy theo đồng tiền. Nếu chúng ta không có những giải pháp hiệu quả nhằm hạn chế nhập khẩu công nghệ lạc hậu, xả thải ... sẽ dẫn đến môi trường bị hủy hoại; các thế lực thù địch thực hiện các hoạt động diễn biến hòa bình, chống phá, chuyên hóa về tư tưởng trong đội ngũ cán bộ, đảng viên nhằm lật đổ chế độ chính trị.

## **III. Cơ sở xác định các mục tiêu phát triển**

- Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội cả nước giai đoạn 2011-2020;
- Kết luận số 26-KL/TW ngày 02/8/2012 của Bộ Chính trị (khóa XI) về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 37-NQ/TW ngày 01/7/2004 của Bộ Chính trị khóa IX nhằm đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng trung du và miền núi Bắc Bộ đến năm 2020;
- Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt;
- Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVIII;
- Kết quả thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm, giai đoạn 2011-2015;
- Dự báo tình hình, xu thế phát triển của thế giới, trong nước và của tỉnh trong thời gian tới; khả năng huy động các nguồn lực phát triển và dự báo khả năng phát triển của các ngành, lĩnh vực.

## **IV. Dự báo tăng trưởng các lĩnh vực, cân đối nguồn lực giai đoạn 2016 - 2020**

### **1. Lĩnh vực công nghiệp - xây dựng**

- Về công nghiệp: Dự báo, trong giai đoạn 2016-2020 một số dự án trong các khu, cụm công nghiệp và một số dự án lớn trên địa bàn sẽ có đóng góp vào tăng

trường ngành công nghiệp và tăng trưởng tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh (GRDP) như sau:

(1) Các khu công nghiệp: Trong giai đoạn 2011-2015, tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất (giá 2010) tăng bình quân đạt 40,4%. Dự báo trong giai đoạn 2016-2020, một số doanh nghiệp nước ngoài lớn vẫn sản xuất ổn định như Công ty Fuhong, Công ty TNHH Hosiden, Công ty SI FLEX, Công ty Smart Shirt, các doanh nghiệp lắp ráp linh kiện điện tử trong khu công nghiệp Vân Trung... Bên cạnh đó, dự kiến trong giai đoạn tới, KCN Quang Châu, Vân Trung, Song Khê - Nội Hoàng hoàn thành công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng, đầu tư hạ tầng phần diện tích còn lại; đồng thời, sẽ triển khai đầu tư xây dựng KCN Châu Minh - Mai Đình và sẽ thu hút thêm được một số dự án sản xuất sản phẩm phụ trợ cung cấp cho Tập đoàn Samsung ở Bắc Ninh, Thái Nguyên. Dự tính, giá trị sản xuất của các doanh nghiệp trong các khu công nghiệp đến năm 2020 (giá 2010) ước đạt khoảng 80.800 tỷ đồng, tăng bình quân giai đoạn 2016-2020 khoảng 23%/năm.

(2) Các cụm công nghiệp của các huyện, thành phố: Đến năm 2020 toàn tỉnh có 36 cụm công nghiệp, diện tích 683 ha, tăng 111 ha so với năm 2015. Trong giai đoạn 2016-2020 một số cụm công nghiệp trên địa bàn các huyện, thành phố sẽ có những nhà đầu tư lớn tham gia vào sản xuất linh kiện điện tử phụ trợ và sản phẩm may mặc xuất khẩu như: Công ty Park's đầu tư xây dựng cụm công nghiệp Hợp Thịnh-Hiệp Hòa; Công ty Khải Thần đầu tư xây dựng ở huyện Lục Nam, công ty may ở Yên Dũng, Lạng Giang,... Đến năm 2020, giá trị sản xuất của các cụm công nghiệp tiếp tục có đóng góp quan trọng vào tăng trưởng của khu vực này và đạt khoảng 23.600 tỷ đồng, tăng bình quân 22%/năm.

Dự báo tổng giá trị gia tăng của ngành công nghiệp đến năm 2020 khoảng 23.000 - 24.250 tỷ đồng tăng 15,5-16,5%; đóng góp 5,7-6,1 điểm phần trăm trong tăng trưởng GRDP chung của tỉnh.

- Về xây dựng: Tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội giai đoạn 2016-2020 dự báo sẽ đạt khoảng 230.000 tỷ đồng, tăng bình quân 16,4% /năm. Đây là yếu tố chủ yếu, trực tiếp đóng góp vào tốc độ tăng trưởng giá trị gia tăng ngành xây dựng.

Cùng với quá trình phát triển kinh tế, quá trình đô thị hóa sẽ được đẩy nhanh hơn với sự hình thành, phát triển các khu đô thị mới, khu dân cư mới, khu nhà ở và đầu tư xây dựng trong dân cư dự kiến tiếp tục tăng. Trong giai đoạn 2016-2020, sẽ tập trung thu hút nguồn lực đầu tư kết cấu hạ tầng thành phố Bắc Giang để hướng tới cơ bản đạt tiêu chí đô thị loại I vào năm 2020; đầu tư hạ tầng thị trấn Chũ, Thắng để hướng tới nâng cấp lên thị xã sau năm 2020.

Bên cạnh đó, đầu tư trong khu vực dân cư tiếp tục tăng; tiếp tục thu hút đầu tư hạ tầng các khu, cụm công nghiệp, hạ tầng du lịch...; các doanh nghiệp tiếp tục đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ việc mở rộng và phát triển sản xuất.

Dự kiến giá trị sản xuất lĩnh vực xây dựng tăng bình quân giai đoạn 2016-2020 đạt 17%/năm; tốc độ tăng trưởng giá trị gia tăng của ngành xây dựng tăng từ 8-9%/năm, đóng góp 0,7-0,8 điểm phần trăm trong GRDP chung của tỉnh.

Dự báo tăng trưởng của lĩnh vực Công nghiệp-Xây dựng là 14-15%; đóng góp 6,4-6,9 điểm phần trăm trong tăng trưởng GRDP chung của tỉnh.

## **2. Lĩnh vực dịch vụ**

Lĩnh vực dịch vụ phát triển ổn định cùng với sự phục hồi của thị trường hàng hóa trong nước và thế giới. Đồng thời sự phát triển của ngành công nghiệp sẽ kích thích và kéo theo sự phát triển của lĩnh vực dịch vụ. Phát triển hợp lý hệ thống phân phối trên thị trường bán lẻ, nhất là đối với các mặt hàng quan trọng, thiết yếu. Trong giai đoạn 2016 - 2020, cần phải tạo lập môi trường thuận lợi và sự đầu tư thoả đáng nhằm phát triển mạnh khu vực này; lựa chọn, ưu tiên phát triển các thị trường dịch vụ tiềm năng như: bất động sản, viễn thông và công nghệ thông tin, khoa học - công nghệ; dịch vụ tài chính - tiền tệ; dịch vụ vận tải, kho bãi; đặc biệt quan tâm thu hút đầu tư khai thác tiềm năng du lịch.

Lĩnh vực dịch vụ tiếp tục phát triển với một số điểm nhấn là việc thu hút đầu tư hình thành khu trung chuyên tại Đồng Sơn thành phố Bắc Giang với trọng tâm là dịch vụ logistics; hệ thống đường giao thông một số tuyến mới sẽ phát huy hiệu quả việc vận chuyển, luân chuyển hàng hóa; ngoài ra một số doanh nghiệp lớn hoạt động trong lĩnh vực thương mại, dịch vụ đi vào hoạt động như: Khách sạn Mường Thanh, Big C, Co.op.Mart, Hapro, mặt hàng may xuất khẩu, hàng điện tử, viễn thông, doanh nghiệp chế biến nông, lâm sản tiếp tục được duy trì và mở rộng thêm được thị trường mới; kim ngạch xuất khẩu tăng bình quân dự kiến đạt 21,5%/năm. Bên cạnh đó, tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng xã hội tăng bình quân khoảng 15,7% sẽ có đóng góp quan trọng vào tăng trưởng lĩnh vực dịch vụ giai đoạn tới. Dự báo tăng trưởng giá trị gia tăng ngành dịch vụ là 8,5-9,5%; đóng góp 3,0-3,3 điểm phần trăm vào GRDP chung của tỉnh.

## **3. Lĩnh vực nông, lâm nghiệp và thủy sản**

- *Về trồng trọt:* Trong giai đoạn 2016-2020, tiếp tục đẩy mạnh thực hiện dồn điền, đổi thửa, đưa các giống cây mới vào sản xuất, chuyển đổi cơ cấu sản xuất theo hướng nâng cao giá trị sản phẩm, hướng tới đạt tiêu chuẩn xuất khẩu.

Thực hiện mở rộng diện tích cây ăn quả, nhất là cây vải an toàn theo chuẩn VietGap, GlobalGap; cam, bưởi Diễn sẽ được mở rộng diện tích và cho thu nhập cao; mở rộng diện tích sản xuất rau chế biến, rau an toàn (*giá trị sản xuất cây ăn quả chiếm khoảng 25-30% tổng giá trị sản xuất ngành trồng trọt*).

- *Về chăn nuôi, thủy sản:* Ngành chăn nuôi tiếp tục duy trì và tăng tổng đàn, cơ cấu, tổ chức lại sản xuất, bảo đảm an toàn vệ sinh thực phẩm, nâng cao giá trị gia tăng, hướng tới đạt các tiêu chuẩn xuất khẩu.

Sản xuất thủy sản tiếp tục duy trì ổn định diện tích khoảng 12.500 ha, trong đó, mở rộng diện tích thâm canh và chuyên canh, cơ cấu lại giống, tổ chức lại sản xuất theo hướng giảm chi phí, nâng cao giá trị gia tăng. Dự kiến trong giai đoạn 2016-2020, ngành thủy sản tiếp tục duy trì được sự phát triển ổn định.

- *Về sản xuất lâm nghiệp:* Sản xuất lâm nghiệp duy trì được sự phát triển ổn định với việc ổn định diện tích trồng rừng kinh tế khoảng trên 110 nghìn ha. Trong tổ chức sản xuất, thực hiện đưa các giống mới có năng suất, chất lượng vào sản

xuất; đồng thời, phát triển diện tích cây gỗ lớn, nuôi trồng các cây, con dưới tán rừng như nuôi ong, trồng cây ba kích... để nâng cao giá trị sản xuất lâm nghiệp.

Dự báo giai đoạn 5 năm tới, sản xuất nông nghiệp sẽ tiếp tục phải đối mặt với một số khó khăn; việc chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi chưa thể thực hiện ngay trong toàn tỉnh. Bên cạnh đó, những diễn biến bất thường của thời tiết, cùng với phát sinh các loại dịch bệnh mới trên cây trồng, vật nuôi tiếp tục sẽ là những thách thức lớn... Vì vậy, 5 năm tới, sản xuất nông nghiệp chưa có đột phá trong phát triển và dự kiến tốc độ tăng trưởng giá trị gia tăng khu vực này chỉ đạt khoảng 3-3,5%/năm và đóng góp khoảng 0,6-0,7 điểm phần trăm vào GRDP chung của tỉnh.

#### **4. Huy động nguồn lực cho đầu tư phát triển**

##### **4.1. Cân đối vốn đầu tư phát triển**

Trên cơ sở cân đối tích lũy tiêu dùng, đồng thời triển khai đồng bộ các giải pháp để thu hút nguồn vốn trong và ngoài nước cho đầu tư phát triển. Để đảm bảo tốc độ tăng trưởng kinh tế đạt khoảng 10%/năm, trong 5 năm tới cần huy động khoảng 230 nghìn tỷ đồng, bình quân mỗi năm phải huy động khoảng 46 nghìn tỷ đồng. Trong đó, dự báo huy động các nguồn vốn như sau: Dự kiến vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước (gồm cả vốn trái phiếu Chính phủ, vốn tín dụng đầu tư nhà nước) khoảng 18.500 tỷ đồng; vốn đầu tư của các doanh nghiệp trên 64.400 tỷ đồng; vốn đầu tư khu vực dân cư và doanh nghiệp tư nhân khoảng 116.800 tỷ đồng; vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) gần 31.600 tỷ đồng.

##### **4.2. Cân đối lao động - việc làm**

Đến năm 2020, tổng số người trong độ tuổi lao động khoảng 1,19 triệu người; số lao động tham gia nền kinh tế quốc dân là 1,17 triệu người; tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt khoảng 70%; số lao động được giải quyết việc làm mới bình quân khoảng 29 nghìn người/năm. Tỷ lệ thất nghiệp thành thị khoảng 3,1%; tỷ lệ sử dụng thời gian lao động ở khu vực nông thôn khoảng 93,3%. Cơ cấu lao động lĩnh vực công nghiệp - xây dựng chiếm khoảng 46,5%; lĩnh vực dịch vụ khoảng 22,1%; lĩnh vực nông, lâm nghiệp và thủy sản khoảng 31,4%.

##### **4.3. Cân đối thu - chi ngân sách**

Phấn đấu đến năm 2020, thu ngân sách trên địa bàn đạt khoảng 5.200 tỷ đồng, đảm bảo nguồn lực thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, nhất là ưu tiên cho mục tiêu tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế. Chi ngân sách địa phương dự kiến tăng bình quân 16%/năm; đảm bảo mức chi thường xuyên trong thời kỳ ổn định ngân sách 5 năm, giai đoạn 2016-2020 và dự kiến chi đầu tư phát triển chiếm 30-35% tổng chi ngân sách.

#### **V. Mục tiêu giai đoạn 2016-2020**

##### **1. Mục tiêu tổng quát**

Phát huy mọi tiềm năng, lợi thế của tỉnh, phấn đấu đưa Bắc Giang phát triển toàn diện về kinh tế - xã hội; bảo đảm vững chắc quốc phòng, an ninh; có tốc độ tăng trưởng kinh tế cao hơn tốc độ chung của cả nước, có cơ cấu kinh tế hợp lý, xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng từng bước đồng bộ, trọng tâm là hạ tầng giao thông, công nghiệp, đô thị, dịch vụ, nông nghiệp, nông thôn. Các lĩnh

vực giáo dục, y tế, văn hóa, xã hội phát triển toàn diện thuộc nhóm tiên tiến của cả nước. Đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân được cải thiện rõ rệt, có mức thu nhập bình quân đầu người nằm trong các tỉnh đứng đầu khu vực của vùng Trung du và miền núi phía Bắc và bằng bình quân cả nước; ví thể, hình ảnh tỉnh Bắc Giang được nâng lên tầm cao mới.

## **2. Chỉ tiêu chủ yếu đến năm 2020**

### *\* Về phát triển kinh tế:*

(1) Tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm của tỉnh (GRDP) bình quân hằng năm đạt từ 10-11%. Trong đó, công nghiệp - xây dựng đạt 14-15%/năm; nông, lâm nghiệp và thủy sản đạt 3-3,5%/năm; dịch vụ đạt 8,5-9,5%/năm.

Cơ cấu kinh tế: Công nghiệp - xây dựng: 42 - 43%; Dịch vụ: 38-39%; Nông, lâm nghiệp, thủy sản: 18-20%.

(2) GRDP bình quân đầu người năm 2020 đạt 3.000 - 3.200 USD.

(3) Thu ngân sách trên địa bàn năm 2020 đạt trên 5.200 tỷ đồng.

(4) Huy động vốn đầu tư phát triển toàn xã hội giai đoạn 2016-2020 đạt khoảng 230 nghìn tỷ đồng.

(5) Kim ngạch xuất khẩu năm 2020 đạt 6,5 tỷ USD.

(6) Giá trị sản xuất trên 1ha đất sản xuất nông nghiệp năm 2020 đạt khoảng 110-120 triệu đồng.

(7) Tỷ lệ dân số đô thị từ 22-23%.

(8) Khách du lịch đến tỉnh năm 2020 đạt trên 01 triệu lượt người.

(9) Tỷ lệ xã đạt tiêu chuẩn nông thôn mới khoảng 35 - 40%.

### *\* Về phát triển văn hóa - xã hội*

(10) Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia trên 90%.

(11) Tỷ lệ xã, phường, thị trấn đạt tiêu chí quốc gia về y tế 100%. Số giường bệnh/vạn dân (không tính trạm y tế cấp xã) trên 25 giường. Tỷ lệ người dân có thẻ bảo hiểm y tế đạt trên 80% dân số.

(12) Tỷ lệ gia đình, cơ quan, đơn vị đạt tiêu chuẩn gia đình, cơ quan văn hóa là 85%. Tỷ lệ làng, bản, khu phố đạt danh hiệu làng, bản, khu phố văn hóa là 65 - 70%. Tỷ lệ xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới; phường, thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị đạt 35 - 40%.

(13) Tỷ lệ hộ nghèo giảm bình quân 2%/năm. Tỷ lệ hộ nghèo ở các xã đặc biệt khó khăn giảm bình quân 4%/năm.

(14) Tạo việc làm tăng thêm bình quân mỗi năm 29.000 - 30.000 lao động. Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 70%.

### *\* Về môi trường:*

(15) Tỷ lệ dân số thành thị được cung cấp nước sạch đạt trên 90%. Tỷ lệ dân số nông thôn được cung cấp nước hợp vệ sinh đạt 95%.



(16) Tỷ lệ thu gom chất thải rắn năm 2020 đạt 70%, tỷ lệ thu gom được xử lý đạt 98%; tỷ lệ xử lý triệt để cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng đạt 100%.

(17) Tỷ lệ độ che phủ rừng (không tính diện tích cây ăn quả) đạt 38%.

## **B. MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN CÁC NGÀNH, LĨNH VỰC**

### **I. Về phát triển kinh tế**

#### **1. Phát triển sản xuất công nghiệp, xây dựng**

##### *1.1. Mục tiêu*

Duy trì tốc độ tăng trưởng công nghiệp ở mức cao, theo hướng bền vững, để công nghiệp tiếp tục là động lực chính cho tăng trưởng kinh tế; tập trung phát triển các sản phẩm chủ lực, chuyển dịch theo hướng phát triển theo chiều sâu. Huy động và sử dụng có hiệu quả nguồn vốn đầu tư phát triển, xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội. Tốc độ tăng trưởng GRDP lĩnh vực công nghiệp, xây dựng bình quân đạt 14-15%/năm, trong đó công nghiệp đạt 15,5-16,5%/năm, xây dựng đạt 8-9%/năm; giá trị sản xuất công nghiệp (giá 2010) năm 2020 đạt trên 121.500 tỷ đồng, tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất bình quân đạt 22,5%/năm.

##### *1.2. Nhiệm vụ chủ yếu*

- Phát triển công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp phụ trợ tại các khu công nghiệp thuộc các lĩnh vực điện tử và các loại linh kiện, cơ khí chính xác phục vụ sản xuất ô tô, xe máy, tham gia chuỗi giá trị toàn cầu.

- Phát triển ngành dệt, may theo hướng hiện đại, mở rộng quy mô, đa dạng hóa, nâng cao chất lượng sản phẩm. Thu hút các dự án đầu tư ngành may mặc vào khu vực nông thôn, các địa bàn có lợi thế về lao động để giải quyết việc làm và chuyển dịch cơ cấu lao động tại chỗ. Phát triển công nghiệp dệt, các doanh nghiệp sản xuất công nghiệp phụ trợ cho ngành dệt và may mặc tại các khu, cụm công nghiệp để tạo ra chuỗi giá trị trong sản xuất và bảo đảm vấn đề môi trường.

Bên cạnh việc đẩy mạnh xuất khẩu sản phẩm may mặc, phát triển một số dự án sản xuất sản phẩm may mặc cung cấp cho thị trường trong nước.

- Phát triển công nghiệp khai khoáng, hóa chất, điện, trong đó, trọng tâm là thực hiện khai thác cát, sỏi theo quy hoạch đã được phê duyệt gắn với việc đảm bảo phòng, chống lụt bão và bảo vệ môi trường; khai thác than, đồng, sắt, vàng, vật liệu xây dựng, nguyên liệu sản xuất xi măng...

Đa dạng hóa sản phẩm công nghiệp hóa chất trên cơ sở tập trung khai thác có hiệu quả công suất nhà máy đạm với 50 vạn tấn/năm đối với sản phẩm đạm và các sản phẩm đi kèm như khí ni tơ, điện, nhựa trên cơ sở đổi mới dây chuyền công nghệ sản xuất tiên tiến.

Duy trì công suất nhà máy Nhiệt điện Sơn Động gắn với việc xử lý môi trường. Tạo điều kiện để Tập đoàn An Khánh triển khai đầu tư xây dựng nhà máy Nhiệt điện Lục Nam; phát triển ngành năng lượng mới như năng lượng mặt trời.

- Phát triển công nghiệp phục vụ nông nghiệp, nông thôn, trọng tâm là phát triển công nghiệp chế biến, bảo quản hoa quả (vải thiều, quả có múi), rau, nấm, chè, mỳ, rượu, chế biến lâm sản, sản xuất thức ăn chăn nuôi, sản phẩm chăn

nuôi (gà, lợn); phân bón, thuốc bảo vệ thực vật; công nghiệp bao bì, đóng gói, cơ khí nhỏ.

- Phát triển tiêu thủ công nghiệp: Xây dựng các cụm công nghiệp, làng nghề trên cơ sở quy hoạch phát triển cụm công nghiệp của các huyện, thành phố; phát triển làng nghề gắn với bảo tồn và giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc. Thực hiện hỗ trợ để lưu giữ nghề ở quy mô nhỏ phục vụ công tác bảo tồn và phát triển du lịch đối với một số ngành nghề truyền thống lâu đời.

Khuyến khích đầu tư, đổi mới công nghệ để thay thế từng bước công nghệ thủ công truyền thống đối với các làng nghề chế biến nông sản. Di dời các cơ sở sản xuất gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng trong khu dân cư đến các cụm công nghiệp, làng nghề. Không mở rộng một số làng nghề chế biến nông sản gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng.

Duy trì và phát triển làng nghề mây tre, đan, mộc xuất khẩu. Khôi phục, mở rộng thị trường phát triển mô hình “mỗi làng một sản phẩm” kết hợp với phát triển nghề mới.

Tập trung thu hút đầu tư vào các khu công nghiệp; phấn đấu đến năm 2020, lấp đầy 70-80% Khu công nghiệp Quang Châu. Đôn đốc chủ đầu tư hoàn thiện đầu tư hạ tầng và tạo điều kiện để đầu tư mở rộng khoảng 100 ha tại Khu công nghiệp Vân Trung; hoàn thành đầu tư hạ tầng Khu công nghiệp Song Khê - Nội Hoàng vào năm 2017. Tạo điều kiện để nhà đầu tư sớm triển khai đầu tư xây dựng hạ tầng Khu công nghiệp Châu Minh - Mai Đình; thu hút nhà đầu tư xây dựng hạ tầng Khu công nghiệp tại xã Tăng Tiến, huyện Việt Yên. Thực hiện ưu đãi thu hút tập đoàn hàng đầu thế giới như Samsung, Canon, Nokia... vào đầu tư tại tỉnh, tạo bước đột phá phát triển công nghiệp điện tử, cơ khí.

Thực hiện điều chỉnh, bổ sung quy hoạch phát triển các cụm công nghiệp; đầu tư hoàn thiện hạ tầng các cụm công nghiệp hiện có; hoàn thành quy hoạch xây dựng các cụm công nghiệp Yên Lư (Yên Dũng), Mỹ An (Lục Ngạn), Hợp Thịnh - Đại Thành (Hiệp Hòa) để thu hút đầu tư.

Xây dựng cơ chế, chính sách đặc thù thu hút doanh nghiệp lớn, đặc biệt là doanh nghiệp FDI và doanh nghiệp trong nước có khả năng tham gia công nghiệp hỗ trợ để sản xuất sản phẩm điện tử, cơ khí (hỗ trợ giải phóng mặt bằng, xây dựng hạ tầng KCN, phát triển kết cấu hạ tầng giao thông kết nối bên ngoài, khu hải quan, khu xử lý chất thải, xây dựng nhà ở xã hội... ở thành phố Bắc Giang, thị trấn Thắng).

- Rà soát, điều chỉnh bổ sung các quy hoạch vùng, quy hoạch chung, phát triển hệ thống đô thị theo quy hoạch. Khai thác, sử dụng hiệu quả nguồn tài nguyên khoáng sản làm vật liệu xây dựng, phát triển vật liệu xây không nung, ưu tiên phát triển vật liệu địa phương.

Hoàn thiện, nâng cao chất lượng tổ chức bộ máy quản lý nhà nước về đầu tư công các cấp (đổi mới mô hình tổ chức quản lý dự án đầu tư xây dựng, phát triển đô thị theo hướng chuyên nghiệp hóa thông qua việc áp dụng mô hình ban quản lý dự án chuyên ngành, ban quản lý dự án khu vực). Tập trung quản lý có hiệu quả các dự án trọng điểm, các chương trình, dự án sử dụng vốn nhà nước.

Đẩy mạnh xã hội hóa để thu hút các nguồn lực cho đầu tư phát triển đặc biệt thúc đẩy thực hiện hình thức hợp tác công tư (PPP); xây dựng, cung cấp thông tin đầy đủ về danh mục các dự án đầu tư theo hình thức PPP để xúc tiến đầu tư và các chính sách có liên quan.

## **2. Phát triển nông, lâm nghiệp và thủy sản và xây dựng nông thôn mới**

### *2.1. Mục tiêu*

Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản để đảm bảo phát triển cân đối và ổn định xã hội; thực hiện tái cơ cấu sản xuất nông nghiệp, phát triển các sản phẩm chủ lực. Tốc độ tăng trưởng GRDP ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản đạt 3-3,5%/năm; giá trị sản xuất (giá 2010) năm 2020 đạt trên 24.800 tỷ đồng, tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất bình quân đạt 7,5%/năm. Đến năm 2020, sản lượng lương thực có hạt đạt 660 nghìn tấn; đàn lợn 1,3 triệu con, đàn gia cầm 18 triệu con, trong đó đàn gà 15,5 triệu con; cơ cấu nội bộ ngành chuyển dịch theo hướng tăng tỷ trọng chăn nuôi, lĩnh vực trồng trọt chiếm 45,8%, chăn nuôi chiếm 50%, dịch vụ nông nghiệp chiếm 4,2%; sản lượng thủy sản đạt khoảng 35.000 tấn; bình quân mỗi năm trồng khoảng 5.000 ha rừng; tỷ lệ xã đạt tiêu chí nông thôn mới chiếm 35-40% và có từ 1-2 huyện đạt huyện nông thôn mới.

### *2.2. Nhiệm vụ chủ yếu*

Phát triển nông nghiệp theo hướng hiện đại, hiệu quả, bền vững, sản xuất theo hướng thâm canh, chuyên canh công nghệ cao gắn với việc đảm bảo các tiêu chuẩn vệ sinh an toàn thực phẩm và môi trường,... có khả năng cạnh tranh cao ở thị trường trong nước và hướng tới xuất khẩu; nâng cao giá trị trong sản xuất nông nghiệp, tạo ra chuỗi giá trị về sản xuất, chế biến, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp. Quy hoạch vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tỉnh Bắc Giang đến năm 2025, định hướng đến năm 2030. Tập trung vào một số sản phẩm chủ yếu gồm:

- Phát triển Vải thiều (trọng tâm là vải thiều Lục Ngạn) và cây ăn quả (trọng tâm là cây có múi) theo hướng ổn định diện tích vải thiều khoảng 30.000 ha (trong đó, diện tích vải sớm khoảng 6.000 ha), nâng diện tích sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP, GlobalGAP lên 15.000 ha; thực hiện chuyển diện tích vải giống chất lượng thấp sang sử dụng giống chất lượng cao. Phát triển cây có múi (bưởi, cam) với diện tích khoảng 1.500 ha.

Thị trường tiêu thụ tập trung vào thị trường trong nước, các đô thị lớn và xuất khẩu gắn với phát triển công nghiệp bảo quản, chế biến. Khuyến khích hình thành các hiệp hội, hợp tác xã, tổ hợp tác, trang trại từ khâu tổ chức sản xuất, chế biến, tiêu thụ, hình thành chuỗi liên kết sản xuất, nâng cao giá trị sản phẩm.

Từng bước xây dựng cụm liên kết sản xuất hoa quả tại huyện Lục Ngạn với trọng tâm là sản phẩm vải thiều và cây có múi.

- Phát triển sản xuất cây rau, đậu các loại, tập trung ở các huyện Lạng Giang, Yên Dũng, Lục Nam, Tân Yên, Hiệp Hòa với diện tích khoảng 25.000 ha, sản lượng 415 nghìn tấn, trong đó diện tích rau chế biến khoảng 2.600 ha, rau an toàn 5.400 ha, sản lượng rau chế biến, rau an toàn khoảng 160 nghìn tấn.

Thực hiện đồn điền, đổi thửa, xây dựng cánh đồng mẫu, áp dụng khoa học – công nghệ và cơ giới hóa vào sản xuất nhằm tăng năng suất, chất lượng sản phẩm

nông sản; chú trọng các khâu sau thu hoạch như bảo quản, chế biến, đặc biệt chế biến sâu nhằm nâng cao giá trị gia tăng, tạo ra vùng chuyên canh rau sạch đạt tiêu chuẩn vệ sinh, an toàn thực phẩm công nghệ cao để cung cấp cho vùng Thủ đô.

Phát triển và hình thành vùng sản xuất nấm tập trung tại các huyện Lạng Giang, Yên Dũng, tận dụng các nguyên liệu từ sản phẩm trồng trọt để sản xuất.

- Phát triển lâm nghiệp nhằm tăng giá trị kinh tế và tăng năng lực, hiệu quả bảo vệ môi trường, đa dạng sinh học, tạo việc làm nâng cao thu nhập cho người dân làm nghề rừng; quản lý, bảo vệ, sử dụng bền vững diện tích rừng tự nhiên, thay thế các diện tích rừng nghèo kiệt bằng rừng trồng có năng suất cao, đáp ứng tiêu chí bền vững. Giải quyết hiệu quả tình trạng tranh chấp đất lâm nghiệp.

Tập trung trồng rừng kinh tế với quy mô bình quân đạt khoảng 5.000 ha/năm và trồng cây dược liệu dưới tán rừng; sử dụng các giống cây phát triển nhanh song phải đảm bảo chất lượng gỗ cao. Từng bước chuyển từ trồng rừng kinh tế sang trồng các loại cây gỗ lớn như lim, dổi, lát.

Quan tâm đầu tư trồng rừng tại các khu rừng phòng hộ, rừng đặc dụng và bổ sung trồng cây dược liệu dưới tán rừng ở những nơi có điều kiện, trồng cây phân tán với trọng tâm là các cây lấy gỗ.

Tổ chức thực hiện Quy hoạch 3 loại rừng tỉnh Bắc Giang, đảm bảo phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của tỉnh. Quy mô diện tích đất lâm nghiệp 153.739 ha. Cơ cấu 3 loại rừng: diện tích rừng đặc dụng là 13.303 ha, rừng phòng hộ 20.708 ha và rừng sản xuất 119.728 ha. Tạo điều kiện để phát triển cụm công nghiệp Mỹ An huyện Lục Ngạn thành cụm phát triển sản xuất, chế biến gỗ.

- Phát triển sản phẩm chăn nuôi theo hướng tăng tỷ trọng gia cầm (gà đồi) và lợn thịt. Đàn gia cầm khuyến khích tăng sản lượng và chất lượng, tập trung phát triển gà thả vườn, thả đồi có kiểm soát. Đối với đàn lợn tăng tổng đàn kết hợp với tăng quay vòng, tăng quy mô đàn lợn cao sản, cải thiện nâng cao năng suất sinh sản đàn lợn nái, tăng số lượng và khối lượng lợn xuất chuồng để duy trì mức tăng trưởng về sản lượng thịt lợn hơi.

Nâng quy mô tổng đàn gà khoảng 15,5 triệu con tập trung tại huyện Yên Thế, Lạng Giang, Tân Yên gắn với nâng cao chất lượng từ gà giống đến gà thương phẩm trên cơ sở thực hiện quy trình chăn nuôi đạt các tiêu chuẩn chất lượng đảm bảo cung cấp cho các siêu thị cao cấp tại Hà Nội, một số tỉnh trong khu vực và hướng tới xuất khẩu. Nâng tỷ trọng chăn nuôi theo quy mô trang trại, gia trại và an toàn sinh học đạt 35% tổng đàn. Từng bước xây dựng Cụm tương hỗ gà đồi Yên Thế với quy mô từ 6-8 triệu con.

Nâng quy mô tổng đàn lợn khoảng 1,3 triệu con tập trung ở các huyện Hiệp Hòa, Tân Yên, Lục Nam, Lạng Giang, Sơn Động..., thực hiện chăn nuôi theo mô hình trang trại, hướng nạc, chăn nuôi an toàn gắn liền chế biến ra sản phẩm thương hiệu xuất khẩu dựa trên cơ sở phát triển chế biến thức ăn, giống và làm tốt công tác phòng, chống dịch bệnh, tìm kiếm thị trường. Tỷ trọng chăn nuôi theo quy mô trang trại, gia trại và an toàn sinh học đạt 30% tổng đàn.

Duy trì đàn trâu khoảng 55 nghìn con, đàn bò khoảng 125 nghìn con; hỗ trợ đầu tư các cơ sở sản xuất giống vật nuôi trên địa bàn tỉnh. Thu hút các doanh nghiệp đầu tư phát triển chăn nuôi gắn với chế biến về khu vực nông thôn.

- Mở rộng diện tích nuôi thủy sản lên khoảng 12.500 ha vào năm 2020 tập trung tại các huyện Việt Yên, Tân Yên, Hiệp Hòa, Yên Dũng, Lạng Giang, Lục Nam... với các loại giống tốt, sản phẩm đạt tiêu chuẩn an toàn vệ sinh thực phẩm. Trong đó, diện tích nuôi chuyên canh đạt 5.800 ha, diện tích nuôi kết hợp ruộng trũng là 2.700 ha; nuôi mặt nước lớn 4.000 ha. Trong diện tích nuôi thủy sản chuyên canh, diện tích nuôi thâm canh đạt 1.400 ha, bán thâm canh 2.700 ha; diện tích nuôi an toàn sinh học 700 ha. Sản lượng thủy sản đến năm 2020 đạt 35.000 tấn; trong đó sản lượng thủy sản nuôi là 33.500 tấn, sản lượng thủy sản khai thác là 1.500 tấn.

Tiếp tục hoàn thiện cơ sở hạ tầng của Trung tâm giống thủy sản cấp I để cung cấp giống cho nhu cầu trong tỉnh và các tỉnh lân cận; nâng cao chất lượng, năng lực sản xuất giống của các cơ sở sản xuất giống trên địa bàn tỉnh. Chỉ đạo, định hướng nuôi các giống thủy sản có giá trị kinh tế cao, đối tượng nuôi mới theo mục tiêu đã xác định.

Tăng cơ cấu các loài thủy sản có giá trị và hiệu quả kinh tế cao, tập trung vào nuôi đối tượng hàng hóa chủ lực là rô phi đơn tính, chép lai, trắm cỏ, chim, cá nước lạnh và các loài thủy đặc sản như: ba ba, vược, lăng, diêu hồng...

Xây dựng các mô hình nuôi thâm canh theo hướng an toàn sinh học, tiêu chuẩn VietGap, nuôi công nghệ cao phòng trị bệnh thủy sản, bảo vệ môi trường, tăng cường liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị sản phẩm, truy xuất nguồn gốc sản phẩm trong nuôi trồng thủy sản.

- Tiếp tục phát triển các sản phẩm nông sản có lợi thế, các sản phẩm truyền thống ở các địa bàn có điều kiện như lạc với diện tích khoảng 12.500 ha (trong đó trọng tâm là lạc Tân Yên); chè Yên Thế, quy mô khoảng 500-600 ha với các sản phẩm chè sạch chất lượng cao; lúa chất lượng cao với diện tích khoảng 35 nghìn ha, tập trung tại huyện Yên Dũng, Lạng Giang, Hiệp Hòa, Tân Yên... Bên cạnh đó, tiếp tục phát triển các sản phẩm trồng trọt khác như cam, bưởi, na, dứa... gắn với xây dựng thương hiệu.

Ban hành cơ chế, chính sách để hỗ trợ phát triển đối với từng sản phẩm. Các huyện, thành phố căn cứ tình hình thực tế xác định sản phẩm nông sản chủ lực của địa phương mình để có định hướng phát triển và chính sách hỗ trợ cụ thể.

- Huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực để xây dựng nông thôn mới, chú trọng phát triển các mô hình sản xuất có hiệu quả, nâng cao thu nhập cho người nông dân. Gắn xây dựng nông thôn mới với bảo tồn, giữ gìn và phát huy những nét đẹp văn hóa truyền thống của từng địa phương.

### **3. Phát triển dịch vụ**

#### **3.1. Mục tiêu**

Phát triển đa dạng các loại hình dịch vụ và nâng cao chất lượng, trình độ phát triển phù hợp với sự phát triển của kinh tế thị trường, nhu cầu của xã hội. Đồng thời, phát triển cả dịch vụ kinh tế và dịch vụ xã hội. Tốc độ tăng trưởng GRDP đạt 8,5-9,5%/năm; tổng mức lưu chuyển bán lẻ hàng hóa và tiêu dùng dịch vụ xã hội năm 2020 đạt 34.800 tỷ đồng, tốc độ tăng trưởng bình quân đạt 15,7%/năm; kim ngạch xuất khẩu đạt 6,5 tỷ USD, tăng trưởng bình quân đạt 21,5%/năm; khách du lịch đến tỉnh đạt 01 triệu lượt vào năm 2020.

### 3.2. Nhiệm vụ chủ yếu

- Phát triển dịch vụ vận tải, dịch vụ logistics để tận dụng vị trí là vùng trung chuyển và “cửa ngõ kép” của khu vực. Hoàn thành quy hoạch và thu hút đầu tư xây dựng cảng cạn tại Đồng Sơn với đầy đủ các chức năng hải quan, thuế, dịch vụ vận chuyển, xếp dỡ, đóng gói... từng bước xây dựng Bắc Giang trở thành trung tâm dịch vụ logistics của khu vực.

Xây dựng kết cấu hạ tầng giao thông với hệ thống các bến xe, kho bãi, phát triển vận tải hàng hóa, hành khách; xây dựng hệ thống các cảng đường thủy với hạ tầng kết nối đồng bộ như bộ phận bốc xếp hàng hóa, cầu cảng, đường dẫn để nâng cao hiệu quả khai thác, sử dụng loại hình vận tải đường thủy.

- Dịch vụ du lịch: Phát triển du lịch hướng tới mục tiêu là lĩnh vực đột phá phát triển dịch vụ của tỉnh sau năm 2020. Tập trung hoàn thành sân golf, dịch vụ Yên Dũng; khu du lịch tâm linh, sinh thái Tây Yên Tử, Thiền viện Trúc lâm Phượng Hoàng, Chùa Vĩnh Nghiêm, Bồ Đà, di tích lịch sử chiến thắng Xương Giang, di tích Những địa điểm khởi nghĩa Yên Thế, Khu du lịch Suối Mỡ; quy hoạch và kêu gọi đầu tư vào khu hồ Cẩm Sơn, núi Nham Biền... thành các khu vui chơi, nghỉ dưỡng. Mở thêm một số điểm vui chơi, giải trí ở thành phố Bắc Giang và các thị trấn.

Phối hợp với các tỉnh để xây dựng các tour, tuyến du lịch văn hóa, lịch sử, tâm linh, sinh thái chủ yếu sau:

*Tuyến Hà Nội - Bắc Giang - Lạng Sơn - Hà Nội:* Tập trung xây dựng sản phẩm du lịch văn hóa, lịch sử bằng hợp tác với Hà Nội, Lạng Sơn thăm đình, chùa như Bồ Đà, Chùa Quang phúc, cây Giã Hương, làng quan họ, hát lượn, ca trù, chèo, dân ca các dân tộc thiểu số..., làng nghề truyền thống và kết hợp mua sắm hàng hóa nông sản, nhất là tại khu dịch vụ tổng hợp thành phố Bắc Giang.

*Tuyến Hà Nội - thành phố Bắc Giang - Quảng Ninh - Hà Nội:* Tập trung xây dựng sản phẩm du lịch văn hóa, lịch sử, tâm linh bằng hợp tác với Hà Nội, Quảng Ninh (đọc đường tỉnh 293), tạo tour hoàn chỉnh với điểm nhấn là Thiền viện Trúc lâm Phượng Hoàng, chùa Vĩnh Nghiêm, khu du lịch sinh thái Suối Mỡ, khu du lịch sinh thái, tâm linh Tây Yên Tử và điểm kết thúc tại khu di tích lịch sử Phật giáo quốc gia Yên Tử, Quảng Ninh gắn với khu sân golf tại xã Chu Điện huyện Lục Nam

*Tuyến Hà Nội - thành phố Bắc Giang hay Thăng - Yên Thế:* Phát triển tuyến du lịch văn, hóa lịch sử truyền thống tuyến Hà Nội -Bắc Giang, chú trọng di tích lịch sử đặc biệt quốc gia Những điểm khởi nghĩa Yên Thế (Đền Phồn Xương) và An toàn khu II Hiệp Hòa, di tích lịch sử chiến thắng Xương Giang cùng một số đình, chùa liên quan để hưởng thụ văn hóa, lịch sử và ẩm thực địa phương.

*Tuyến Hà Nội - Bắc Giang - Lục Ngạn - Sơn Động:* Phát triển tuyến du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, vui chơi giải trí gắn với khu sân Golf Yên Dũng, khu sinh thái Suối Mỡ, suối Nước Vàng, khu hồ Cẩm Sơn, khu Đồng Thông, khu Khe Rõ, du thuyền sông Thương, ẩm thực..., tạo ra thị trường hấp dẫn về chất lượng, giá cả và chất lượng.

*Tuyến Hà Nội - Thái Nguyên - Bắc Giang - Quảng Ninh - Hải Dương - Hà Nội:* Phát triển du lịch truyền thống lịch sử, văn hóa tâm linh, sinh thái, vui chơi giải trí...

- Dịch vụ nhà hàng, khách sạn: Tạo điều kiện thuận lợi phát triển dịch vụ khách sạn, nhà hàng, khu nghỉ dưỡng đáp ứng nhu cầu của nhân dân trong tỉnh và khách du lịch. Tại thành phố Bắc Giang, các thị trấn khi thực hiện quy hoạch khu đô thị, khu dân cư mới cần bố trí khu vực quy hoạch phát triển khách sạn, nhà hàng.

- Dịch vụ bán buôn, bán lẻ: Phát triển các trung tâm thương mại, siêu thị, hình thành các khu dịch vụ tập trung, hệ thống các chợ khu vực nông thôn, hệ thống chuỗi bán buôn, bán lẻ.

Xây dựng các chợ đầu mối, chợ bán lẻ, hệ thống kho bãi, trọng tâm là ở thành phố Bắc Giang, các thị trấn trung tâm của huyện. Xây dựng khu dịch vụ tổng hợp 35 ha tại xã Tân Dĩnh (khu vực quy hoạch chợ đầu mối); ưu tiên thu hút doanh nghiệp lớn vào đầu tư, hình thành chuỗi siêu thị, chuỗi bán buôn, bán lẻ; xây dựng chợ trung tâm tại thị trấn Thăng, Chũ.

- Phát triển các dịch vụ tài chính, ngân hàng theo hướng tăng tỷ trọng đóng góp của các ngành này vào tăng trưởng kinh tế của tỉnh. Thực hiện nâng cao chất lượng, hiệu quả gắn với tái cơ cấu hệ thống ngân hàng.

Tạo điều kiện mở rộng các loại hình dịch vụ bảo hiểm, hệ thống ngân hàng, mạng lưới các chi nhánh ở thành phố Bắc Giang và các huyện; đa dạng các loại hình dịch vụ tín dụng. Đẩy mạnh huy động vốn bằng nhiều hình thức và tới nhiều đối tượng khách hàng. Kế hoạch tăng trưởng tín dụng phải gắn chặt với nhu cầu của các doanh nghiệp và nhân dân trên địa bàn tỉnh, phân đầu tăng trưởng dư nợ tín dụng bình quân đạt 11-13%/năm.

Tập trung thu hút đầu tư xây dựng khu tài chính, khách sạn, siêu thị cao cấp dọc đường Nguyễn Văn Cừ, khu đô thị cao tầng Tây Nam, khu đô thị và khu liên hợp thể thao phía Nam thành phố Bắc Giang.

- Dịch vụ bưu chính, viễn thông: Phát triển bưu chính, viễn thông từng bước trở thành ngành kinh tế mũi nhọn, đi trước một bước, làm động lực để phát triển. Đồng thời, phát triển theo hướng nâng cao chất lượng các loại hình dịch vụ.

- Tiếp tục phát triển các loại hình dịch vụ khác như giáo dục - đào tạo, y tế, chăm sóc sức khỏe nhân dân, khoa học - công nghệ... Đồng thời, ban hành cơ chế, chính sách hỗ trợ về tiền thuê đất, giải phóng mặt bằng... để thúc đẩy phát triển.

Hình thành và phát triển thị trường bất động sản, trước mắt tập trung vào đô thị lớn và thị trường bình dân nhằm ổn định xã hội và khai thác, sử dụng hiệu quả đất, thị trường tiềm năng. Xây dựng cơ chế để thu hút đầu tư phát triển các khu đô thị, khu dân cư tại thành phố Bắc Giang và khu vực trung tâm các huyện.

Tiếp tục duy trì các sản phẩm xuất khẩu lợi thế cạnh tranh, nâng dần tỷ trọng các sản phẩm xuất khẩu qua chế biến sâu, sản phẩm có hàm lượng công nghệ cao, có giá trị gia tăng cao gắn với các loại hình dịch vụ hỗ trợ xuất khẩu như logistic, tài chính, ngân hàng...

Hình thành chuỗi các mặt hàng xuất khẩu chủ lực như điện tử, hàng may mặc, nông sản qua chế biến, hàng thủ công mỹ nghệ... để khai thác và tận dụng các quan hệ liên kết trên địa bàn tỉnh với thị trường các nước. Bên cạnh đó tạo điều kiện, mở rộng thị trường xuất khẩu một số sản phẩm làng nghề truyền thống có thương hiệu. Tiếp tục giữ vững các thị trường xuất khẩu truyền thống, phát triển một số thị trường

mới như Châu Mỹ (đặc biệt là các nước Mỹ Latinh), Châu Phi (chú trọng vào thị trường Nam Phi, Ai Cập), Châu Đại Dương (đặc biệt là thị trường Australia)...

#### **4. Đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng**

##### *4.1. Mục tiêu*

Xây dựng, phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, từng bước hiện đại, đáp ứng yêu cầu phát triển của tỉnh và công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước; thực hiện phân kỳ đầu tư, ưu tiên những dự án quan trọng, tạo sự đột phá trong phát triển kinh tế-xã hội; tăng cường quản lý, khai thác, bảo trì tốt hệ thống hạ tầng.

Phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng phải kết hợp chặt chẽ với bảo đảm quốc phòng, an ninh; bảo đảm an sinh xã hội; từng bước thu hẹp khoảng cách phát triển giữa các khu vực; gắn với tiết kiệm đất canh tác, bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu.

##### *4.2. Nhiệm vụ chủ yếu*

###### *+ Hạ tầng giao thông:*

Đầu tư xây dựng hệ thống giao thông vận tải đồng bộ, hiện đại theo các hướng tuyến gồm cả mạng lưới giao thông đối ngoại (hệ thống đường cao tốc, quốc lộ) và hệ thống các tuyến trục ngang của tỉnh, kết nối giữa các khu vực trong tỉnh và các tỉnh lân cận. Ưu tiên xây dựng hệ thống đường tỉnh tạo động lực phát triển. Phấn đấu đến năm 2020, cơ bản cứng hóa các tuyến đường tỉnh, tỷ lệ cứng hóa giao thông nông thôn đạt 80%. Tập trung vào một số tuyến chính sau:

- Phối hợp hoàn thành đầu tư xây dựng đường cao tốc Hà Nội - Lạng Sơn, đồng thời, xây dựng hệ thống đường gom, các nút giao để kết nối được thuận lợi vào đường cao tốc; cải tạo quốc lộ 1 đoạn nút giao với quốc lộ 31 - Cầu Lường, quốc lộ 31 đoạn Bắc Giang - Chũ; quốc lộ 37 đoạn Chí Linh - Kép và đoạn Đình Trám - thị trấn Thắng - Phở Yên, tỉnh Thái Nguyên, hoàn thành xây dựng quốc lộ 17B đoạn nối từ ĐT398 với QL.18, triển khai xây dựng tuyến tránh thành phố; triển khai cải tạo quốc lộ 279, xây dựng đường vành đai IV vùng Thủ đô Hà Nội.

Hoàn thành đầu tư xây dựng đường tỉnh 293, 295, 295B; khởi công xây dựng đường tỉnh 289 kết nối Lạng Sơn với đường tỉnh 293; thực hiện nâng cấp một số tuyến đường huyện quan trọng lên đường tỉnh, mở mới một số tuyến nhằm tạo ra không gian phát triển mới và tăng tính kết nối giữa các khu vực trong tỉnh và với các tỉnh trong vùng.

- Đầu tư xây dựng 02 cầu qua sông Thương tại khu vực xã Đồng Sơn và cảng Á Lữ; đầu tư cảng Đồng Sơn, Quang Châu để nâng cao năng lực vận tải đường thủy.

- Tiếp tục đầu tư xây dựng, nâng cấp hệ thống đường giao thông nông thôn, miền núi, tạo ra mạng lưới giao thông thông suốt, trọng tâm là đầu tư xây dựng, nâng cấp đường tới trung tâm xã, đường liên xã, đảm bảo đi được bốn mùa, quan tâm đầu tư đường giao thông thôn, bản, gắn đầu tư với nhiệm vụ bảo đảm quốc phòng, an ninh, trật tự xã hội.

- Từng bước nâng cấp, hoàn thiện mạng lưới giao thông đường thủy đối với sông Thương, sông Cầu, sông Lục Nam; đồng thời nâng cấp đồng bộ các hạ tầng kết nối như đường dẫn với đường bộ để nâng cao hiệu quả khai thác, sử dụng loại



hình giao thông này. Tiếp tục xây dựng, nâng cấp và mở rộng các cảng trên sông Thương, sông Cầu, Sông Lục Nam và khẩn trương xây dựng hệ thống bến xe, bãi đỗ xe chính, các trạm dừng nghỉ, trạm đăng kiểm, trung tâm cứu hộ giao thông... đồng thời đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác khai thác, quản lý.

Phối hợp hoàn thiện cải tạo hệ thống đường sắt, nhất là đường sắt Hà Nội - Đồng Đăng đoạn qua tỉnh với các nhà ga quan trọng ở Bắc Giang, Kép.

*+ Hạ tầng thủy lợi, đê điều và cấp thoát, nước*

Đầu tư nâng cấp, xây dựng hệ thống đê điều, công trình thủy lợi, cấp, thoát nước, đồng bộ, vững chắc, trước tiên là các công trình trọng điểm, phục vụ sản xuất, sinh hoạt của nhân dân.

- Tiếp tục phát triển hạ tầng đồng bộ phục vụ các vùng sản xuất hàng hóa tập trung trong nông nghiệp, trong đó, tập trung nguồn lực đầu tư xây dựng Trạm bơm Trúc Núi và kênh xã Tiên Sơn, huyện Việt Yên; trạm bơm Cống Đàm xã Đồng Sơn, thành phố Bắc Giang; trạm bơm Cẩm Bào huyện Hiệp Hòa; hệ thống kênh thuộc Hệ thống thủy lợi Sông Cầu; hệ thống thủy lợi Cầu Sơn - Cẩm Sơn. Cải tạo, nâng cấp hệ thống đê thuộc các huyện Lục Nam, Tân Yên, Thành phố Bắc Giang, Hiệp Hòa.

Đầu tư cải tạo, nâng cấp hệ thống các hồ chứa, đảm bảo cung cấp nước cho sản xuất, sinh hoạt và an toàn trong phòng, chống bão lụt.

- Tập trung hoàn thành nhà máy nước số 2 thành phố Bắc Giang để đảm bảo cung cấp nước sạch cho nhân dân thành phố, vùng phụ cận và các khu công nghiệp.

Rà soát, đánh giá hiệu quả đầu tư của từng công trình cấp nước sinh hoạt tập trung khu vực nông thôn để có biện pháp khắc phục, nâng cao hiệu quả sử dụng các công trình, nâng cao tỷ lệ dân cư nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh.

*+ Phát triển hạ tầng cấp điện*

- Tạo điều kiện xây dựng lưới điện cao và trung thế, các trạm biến áp theo quy hoạch, bảo đảm cung cấp đủ điện có chất lượng đáp ứng nhu cầu sản xuất của các doanh nghiệp và điện sinh hoạt của người dân.

- Đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án cấp điện nông thôn giai đoạn 2013-2020; hoàn thành bàn giao lưới điện hạ áp cho ngành điện quản lý. Cải tạo, nâng cấp hệ thống đường dây lưới điện hạ thế để đáp ứng nhu cầu dùng điện, sử dụng điện tiết kiệm. Vận hành đúng quy trình nhằm nâng cao hiệu quả, tính an toàn trong sử dụng, phục vụ phát triển KT-XH và bảo đảm quốc phòng, an ninh.

*+ Hạ tầng viễn thông và công nghệ thông tin*

Xây dựng hạ tầng viễn thông, công nghệ thông tin từng bước hiện đại, đồng bộ, phục vụ kịp thời cho phát triển KT-XH, đảm bảo an ninh, quốc phòng và trật tự an toàn xã hội, phù hợp với sự phát triển hạ tầng viễn thông cả nước.

Phấn đấu đến năm 2020, phủ sóng thông tin di động đến 100% khu vực dân cư trên địa bàn tỉnh. Ngầm hóa 30-35% hạ tầng mạng cáp viễn thông, cáp truyền hình hiện tại trên địa bàn toàn tỉnh. Ngầm hóa 100% hạ tầng mạng cáp viễn thông, cáp truyền hình tại khu vực các tuyến đường, phố, khu đô thị, khu công nghiệp xây dựng mới (ngầm đến hộp cáp).

Phát triển hạ tầng công nghệ thông tin trong các đơn vị cơ quan Nhà nước, hướng tới mục tiêu hoàn thành việc xây dựng chính quyền điện tử vào năm 2020.

Xây dựng Trung tâm tích hợp dữ liệu của tỉnh đạt tiêu chuẩn quốc gia; triển khai quy hoạch hạ tầng viễn thông thụ động dùng chung. Xây dựng hạ tầng, cơ sở dữ liệu, hệ thống ứng dụng cho ngành giáo dục và hệ thống thông tin hỗ trợ khám và điều trị trong y tế và một số ngành khác; chú trọng phát triển thương mại điện tử.

## **5. Phát triển đô thị**

### *5.1. Mục tiêu*

Xây dựng hệ thống đô thị từng bước đồng bộ, hiện đại, đảm nhiệm tốt chức năng trung tâm, động lực cho sự phát triển kinh tế - xã hội; xây dựng văn minh, văn hóa đô thị. Phát triển hệ thống đô thị theo mô hình phân tán, đa cực dọc theo các trục hành lang giao thông, các trung tâm công nghiệp, thương mại, dịch vụ, các vùng phát triển nông - lâm nghiệp hàng hóa tập trung; phát triển đô thị tương đối đồng đều để tạo sự cân bằng trong phát triển và cung cấp dịch vụ, hỗ trợ khu vực nông thôn; lựa chọn đô thị có tiềm năng lợi thế để tập trung đầu tư trở thành đô thị động lực trung tâm của một tiểu vùng, là đầu tàu tăng trưởng kinh tế.

### *5.2. Nhiệm vụ chủ yếu*

Huy động nguồn lực cho phát triển hạ tầng đô thị; tập trung đầu tư phát triển thành phố Bắc Giang tiệm cận các tiêu chí đô thị loại I vào năm 2018; chuẩn bị các điều kiện để nâng cấp thị trấn Thắng, Chũ lên đô thị loại III và thành lập thị xã sau năm 2020; xây dựng thị trấn Đồi Ngô thành đô thị loại IV.

Triển khai thực hiện các thủ tục để đề nghị thành lập thị trấn và công nhận các khu đô thị loại V gồm: Mỏ Trạng, Bách Nhân, Phương Sơn, Phố Kim; thực hiện điều chỉnh, mở rộng địa giới hành chính thành phố Bắc Giang và một số thị trấn; đôn đốc đẩy nhanh tiến độ đầu tư xây dựng các khu đô thị, khu dân cư, nhà ở đã thực hiện giao chủ đầu tư. Ban hành chính sách để thu hút đầu tư các khu đô thị, khu dân cư mới để tăng nhanh tỷ lệ dân số đô thị, phấn đấu đến năm 2020, tỷ lệ dân số đô thị chiếm khoảng 22-23% dân số toàn tỉnh. Đến năm 2020, trên địa bàn tỉnh có 21 đô thị, trong đó có 01 đô thị loại I; 03 đô thị loại IV và 17 đô thị loại V. Tập trung phát triển các đô thị trọng tâm:

+ Thành phố Bắc Giang: Tiếp tục hoàn thiện hệ thống giao thông chính, trước hết là các trục chính, tuyến vành đai Đông Bắc và vành đai phía Tây, các đoạn kết nối quan trọng và hình thành tuyến đường dọc đê sông Thương, mạng lưới nội đô.

Tập trung huy động nguồn lực xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đô thị phía Nam thành phố Bắc Giang. Triển khai đầu tư đường giao thông, hệ thống thu gom và xử lý nước thải đô thị thành phố Bắc Giang thuộc chương trình phát triển các đô thị dọc hành lang tiểu vùng sông Mê Kông (GMS) lần 2 - dự án thành phần tỉnh Bắc Giang.

+ Đối với thị trấn Chũ (Lục Ngạn), Thắng (Hiệp Hòa): Tiếp tục quy hoạch, đầu tư xây dựng, nâng cấp hệ thống giao thông chính, trước hết là các trục chính, các đường kết nối quan trọng và tuyến chính nội thị, hướng tới đạt tiêu chuẩn đô thị loại III và nâng cấp lên thị xã sau năm 2020.

## **6. Về tài nguyên, khoáng sản, bảo vệ môi trường**

### *6.1. Mục tiêu*

Khai thác, sử dụng hiệu quả, bền vững tài nguyên, trong đó, trọng tâm là tài nguyên đất, nước... Làm tốt công tác chủ động bảo vệ môi trường, khắc phục và xử

lý có hiệu quả các cơ sở gây ô nhiễm môi trường. Thực hiện hiệu quả chương trình mục tiêu hỗ trợ ứng phó biến đổi khí hậu trên địa bàn.

Phấn đấu đến năm 2020, tỷ lệ dân số thành thị được cung cấp nước sạch đạt trên 90%; tỷ lệ dân số nông thôn được cung cấp nước hợp vệ sinh đạt 95%, tỷ lệ thu gom chất thải rắn đạt 70%, tỷ lệ thu gom được xử lý đạt 98%; mỗi huyện, thành phố có ít nhất 01 khu xử lý rác thải tập trung hợp vệ sinh, có 145 xã có mô hình thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải hoạt động có hiệu quả; tỷ lệ xử lý triệt để cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng đạt 100%, tỷ lệ độ che phủ rừng đạt 38%; tất cả các KCN đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn.

## 6.2. Nhiệm vụ chủ yếu

Hoàn thành lập quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và lập kế hoạch sử dụng đất kỳ đầu (2021-2026) các cấp và hệ thống cơ sở dữ liệu đất đai, công tác đo đạc bản đồ địa chính toàn tỉnh. Hoàn thành dồn điền, đổi thửa và thực hiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sau dồn điền, đổi thửa.

Xây dựng các quy định, quản lý tài nguyên và môi trường để cụ thể hoá các chính sách, pháp luật về tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh. Tăng cường công tác quản lý, sử dụng đất theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt, đảm bảo sử dụng đất hợp lý, hiệu quả.

Công khai thông tin về đất đai để tạo thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân tiếp cận quỹ đất phục vụ nhu cầu sản xuất, kinh doanh. Làm tốt công tác giải phóng mặt bằng và tái định cư để đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án nhằm thúc đẩy thu hút đầu tư.

Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát hoạt động của các doanh nghiệp khai thác khoáng sản sau cấp phép khai thác khoáng sản, công tác bảo vệ môi trường tại các doanh nghiệp, xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm.

Xây dựng, cải tạo các công trình cấp nước sạch tập trung tại các đô thị, khu dân cư nông thôn, trong đó tiếp tục triển khai tốt cơ chế xã hội hóa; quan tâm tuyên truyền, hỗ trợ người dân đầu tư công trình cấp nước phân tán đảm bảo hợp vệ sinh.

Hoàn thành xử lý các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng theo Quyết định số 64/2003/QĐ-TTg ngày 22/4/2003 và Quyết định 1788/2013/QĐ-TTg ngày 01/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ và di dời các cơ sở sản xuất gây ô nhiễm môi trường ra khỏi khu đông dân cư.

Triển khai xây dựng quy hoạch nghĩa trang toàn tỉnh trong năm 2016; phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư tiến hành kêu gọi xã hội hóa để đầu tư xây dựng Nghĩa trang nhân dân tỉnh Bắc Giang.

Xây dựng cơ chế chính sách hỗ trợ, thu gom, xử lý rác thải (xây dựng đơn giá thu, đơn giá trả cho nhà đầu tư để kêu gọi nhà đầu tư xây dựng nhà máy chế biến rác), nước thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh.

Thực hiện tốt công tác trồng, phát triển và bảo vệ rừng, nhất là rừng phòng hộ, rừng đầu nguồn. Tiếp tục đẩy mạnh tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức, hình thành ý thức tự giác bảo vệ môi trường. Ban hành chính sách hỗ trợ thu gom, xử lý rác thải, chính sách thu hút đầu tư xử lý rác thải, nhất là ở khu vực nông thôn.

Phối hợp với các tỉnh ngăn chặn mức độ gia tăng ô nhiễm các dòng sông trên địa bàn gồm sông Cầu, sông Thương và sông Lục Nam. Kiên quyết xử lý nghiêm và buộc các cơ sở sản xuất gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng trong khu đô thị, xen kẽ trong khu dân cư di dời vào các khu, cụm công nghiệp. Triển khai thực hiện dự án của chương trình mục tiêu ứng phó biến đổi khí hậu.

## **II. Về phát triển văn hóa - xã hội**

### **1. Phát triển giáo dục - đào tạo**

#### *1.1. Mục tiêu*

Tạo chuyên biến căn bản, mạnh mẽ về chất lượng, hiệu quả giáo dục và đào tạo, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu học tập của nhân dân; nâng cao chất lượng cả giáo dục đại trà và giáo dục mũi nhọn. Đầu tư xây dựng cơ sở vật chất trường, lớp học, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên; duy trì vững chắc kết quả phổ cập giáo dục; phát triển giáo dục đào tạo vùng dân tộc, miền núi, tạo cơ hội học tập suốt đời cho mỗi người dân, từng bước hình thành xã hội học tập.

Phấn đấu đến năm 2020, toàn tỉnh có 836 trường (không tính các trung tâm, các trường chuyên nghiệp), trong đó, mầm non 285 trường, tiểu học 261 trường, THCS 226 trường, tiểu học và THCS 16 trường; THPT 48 trường; tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia đạt 90%, trong đó, mầm non 88,5%; tiểu học 97,7%; THCS 88,8%; THPT 97,7%; 100% cán bộ quản lý giáo dục, giáo viên đạt chuẩn về chuyên môn.

Nâng cao chất lượng công tác đào tạo nghề, đáp ứng nhu cầu của các doanh nghiệp và chuyển dịch cơ cấu lao động. Đến năm 2020, tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 70%; lao động trong lĩnh vực công nghiệp - xây dựng chiếm 31,5%, dịch vụ chiếm 22%, nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm 46,5%.

#### *1.2. Nhiệm vụ chủ yếu*

Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả Chương trình hành động số 63-CTr/TU ngày 08/8/2014 của Tỉnh ủy và Kế hoạch của UBND tỉnh về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng nhu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế, tạo chuyên biến căn bản, mạnh mẽ về chất lượng, hiệu quả giáo dục và đào tạo.

Xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý, giáo viên đảm bảo đủ về số lượng, chất lượng; ban hành chính sách ưu đãi đối với nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục có nhiều cống hiến đối với sự nghiệp giáo dục.

Phát triển giáo dục - đào tạo ở vùng sâu, vùng khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số; đảm bảo chính sách ưu tiên cho các đối tượng học sinh, sinh viên thuộc diện gia đình chính sách, dân tộc thiểu số, gia đình đặc biệt khó khăn và học sinh, sinh viên khuyết tật.

Đầu tư xây dựng cả về cơ sở vật chất và con người để phát triển 10 trường THCS trọng điểm tại các huyện, thành phố để nâng cao chất lượng giáo dục mũi nhọn; thực hiện Đề án xây dựng cơ sở vật chất giáo dục mầm non giai đoạn 2015-2020; xây dựng kế hoạch đạt chuẩn quốc gia theo lộ trình. Tiếp tục thực hiện dạy và học tiếng Anh trong các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2016-2020.

Đẩy mạnh xã hội hoá trong lĩnh vực giáo dục- đào tạo nhằm huy động nguồn lực đầu tư xây dựng cơ sở vật chất trường, lớp học, nhất là ở các khu công nghiệp.

Tiếp tục thực hiện phân luồng sau trung học cơ sở; định hướng nghề nghiệp ở bậc trung học phổ thông. Phát triển quy mô và nâng cao chất lượng, hiệu quả dạy nghề theo 3 cấp trình độ; dạy nghề cho lao động nông thôn để đáp ứng yêu cầu lao động kỹ thuật cho phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Đầu tư xây dựng trường Cao đẳng nghề công nghệ Việt - Hàn để trở thành trường đào tạo nghề chất lượng cao của cả nước; phát triển hệ thống các cơ sở dạy nghề, nâng quy mô đào tạo nghề trình độ cao đẳng nghề đạt 2.500 người/năm, trung cấp nghề đạt 6.000 người/năm vào năm 2020.

Xây dựng chính sách ưu tiên đào tạo các nghề cơ khí, điện tử, dệt may, da giày, xây dựng, sản xuất vật liệu xây dựng và chế biến nông sản, chế biến thức ăn gia súc... đáp ứng yêu cầu của thị trường và chuyển dịch cơ cấu lao động.

Đào tạo nâng cao kỹ năng sản xuất nông nghiệp tiên tiến cho các trang trại, hộ gia đình và doanh nghiệp nhỏ về hệ thống, mô hình canh tác, kỹ năng trồng, bảo quản vải thiều, hoa quả, kỹ thuật thú y, bảo vệ thực vật đối với gà đồi Yên Thế, lợn, bò, thủy sản, rau xanh, hoa.

## **2. Về y tế, chăm sóc sức khỏe nhân dân**

### **2.1. Mục tiêu**

Nâng cao chất lượng các dịch vụ y tế, chất lượng chăm sóc sức khỏe nhân dân, dân số, gia đình, trẻ em; phát triển và hoàn thiện hệ thống y tế theo hướng chuyên sâu, hiện đại; nâng cao năng lực phòng, chống dịch bệnh. Phát triển mạng lưới y tế từ tỉnh đến cơ sở, huy động nguồn lực xã hội hóa đầu tư vào lĩnh vực y tế. Phấn đấu đến năm 2020, có 100% trạm y tế cấp xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế; đạt 9 bác sỹ/1 vạn dân, 25 giường bệnh/1 vạn dân; duy trì tỷ số giới tính khi sinh dưới 120 bé trai/100 bé gái; giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng ở trẻ em dưới 5 tuổi xuống dưới 12%; tỷ lệ người dân có thẻ BHYT năm 2020 đạt trên 80%.

### **2.2. Nhiệm vụ chủ yếu**

- Đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị và đội ngũ cán bộ cho tuyến y tế cơ sở. Ổn định quy mô các bệnh viện tuyến huyện; tiếp tục tập trung đầu tư xây dựng Bệnh viện đa khoa tỉnh, Bệnh viện Ung bướu, Y học cổ truyền, đầu tư hoàn thiện các bệnh viện tuyến tỉnh và một số bệnh viện đa khoa tuyến huyện....

- Xây dựng kế hoạch và thực hiện đào tạo, bồi dưỡng cán bộ y tế ở các tuyến để nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe nhân dân, năng lực giám sát, phát hiện và khống chế dịch bệnh.

- Phát triển các bệnh viện tuyến tỉnh theo hướng chuyên khoa sâu, tăng cường cơ sở vật chất, trang thiết bị y tế theo hướng từng bước tiến tới hiện đại. Phát huy vai trò, tính chủ động của hệ thống y tế dự phòng các tuyến trong công tác phòng, chống dịch nhất là các dịch truyền nhiễm nguy hiểm.

- Tạo điều kiện thuận lợi cho các cơ sở y tế tuyến tỉnh, tuyến huyện thực hiện góp vốn, huy động vốn, liên doanh, liên kết thành lập các cơ sở xã hội hóa để đa dạng hoá dịch vụ y tế, đáp ứng nhu cầu khám, chữa bệnh của nhân dân. Ban hành văn bản hướng dẫn cụ thể về trình tự, thủ tục đầu tư, quản lý tài chính đối với các dự án thực

hiện theo cơ chế chính sách phát triển y tế theo Nghị quyết số 93/NQ-CP ngày 15/12/2014 của Chính phủ trên địa bàn tỉnh (Quyết định số 26/2015/QĐ-UBND ngày 21/01/2015 của UBND tỉnh), trước mắt, tập trung hoàn thành xã hội hóa tại Bệnh viện đa khoa tỉnh và Bệnh viện Sản – Nhi trong năm 2016.

- Giáo dục, nâng cao y đức, trách nhiệm của đội ngũ cán bộ y tế, tăng cường trang thiết bị khám chữa bệnh và cán bộ y tế có năng lực, trình độ về công tác ở tuyến huyện, xã. Chăm sóc sức khỏe cho các đối tượng chính sách, người nghèo và trẻ em dưới 6 tuổi, nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh bảo hiểm y tế.

Thực hiện tốt chính sách dân số, kế hoạch hóa gia đình; ổn định quy mô dân số, duy trì mức giảm sinh hàng năm 0,1-0,2‰, tỷ lệ tăng dân số tự nhiên 1,1%. Nâng cao chất lượng dân số về thể chất, trí tuệ và tinh thần. Tăng cường các hoạt động truyền thông, giáo dục thay đổi hành vi thực hiện các nội dung về chăm sóc sức khỏe sinh sản và kế hoạch hóa gia đình, giảm tỷ lệ mất cân bằng giới tính khi sinh. Hoàn thiện cơ chế lồng ghép, phối hợp liên ngành trong công tác dân số, gia đình, bảo vệ chăm sóc sức khỏe và giáo dục trẻ em.

Nâng cao chất lượng công tác truyền thông về dân số kế hoạch hóa gia đình, làm thay đổi nhận thức, tư duy của người dân về bình đẳng giới, phấn đấu duy trì tỷ số giới tính khi sinh dưới 120 nam/100 nữ.

Xây dựng, hoàn thiện phương án đảm bảo tài chính cho hoạt động phòng chống HIV/AIDS khi các nguồn tài trợ, viện trợ bị cắt giảm. Phân công nhiệm vụ gắn với trách nhiệm cụ thể của người đứng đầu các đơn vị trong thực hiện công tác đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm.

Tập trung tuyên truyền rộng rãi những điểm mới, mục đích, ý nghĩa của việc tham gia BHYT để người dân nắm được và tham gia, vừa góp phần nâng cao chất lượng công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân, vừa góp phần đảm bảo an sinh xã hội.

### **3. Về phát triển văn hóa, thể thao, thông tin, truyền thông, phát thanh, truyền hình**

#### *3.1. Mục tiêu*

Xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, ngăn chặn những biểu hiện xuống cấp về đạo đức xã hội. Xây dựng con người Bắc Giang phát triển toàn diện, góp phần tạo dựng hình ảnh, quảng bá thương hiệu Bắc Giang trong nước và trên thế giới. Gắn kết chặt chẽ, đồng bộ giữa phát triển kinh tế với phát triển văn hóa.

Phấn đấu đến năm 2020, tỷ lệ gia đình, cơ quan, đơn vị đạt tiêu chuẩn gia đình, cơ quan văn hóa là 85%; tỷ lệ làng, bản, khu phố đạt danh hiệu làng, bản, khu phố văn hóa là 65-70%; tỷ lệ xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới; phường, thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị đạt 35 - 40%; 100% số hộ được nghe, xem Đài tiếng nói Việt Nam, Đài truyền hình Việt Nam; nâng thời gian phát sóng bằng tiếng dân tộc trên Đài phát thanh, truyền hình Bắc Giang lên 35 giờ/năm.

Duy trì đào tạo, bồi dưỡng khoảng 420 vận động viên. Đến năm 2020, tỷ lệ người luyện tập thể dục, thể thao thường xuyên đạt 35%; có 400 vận động viên đạt đẳng cấp quốc gia.

### 3.2. *Nhiệm vụ chủ yếu*

Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết 33-NQ/TW ngày 09/6/2014 Hội nghị lần thứ 9 Ban chấp hành Trung ương (khóa XI) về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước, trọng tâm là xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, phong phú, đa dạng; bảo tồn và phát huy giá trị các di sản văn hóa truyền thống. Đẩy mạnh và nâng cao chất lượng phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá”; trọng tâm là xây dựng gia đình, làng bản, khu phố, cơ quan, đơn vị văn hoá; thực hiện tốt Chỉ thị số 27-CT/TW của Bộ Chính trị, về việc thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang, lễ hội, Quyết định số 74/2013/QĐ-UBND của UBND tỉnh ban hành quy định “Thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội và một số nghi lễ, sinh hoạt cộng đồng khác trên địa bàn tỉnh Bắc Giang”.

Xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện việc trùng tu, tôn tạo và quảng bá hình ảnh đối với các khu di tích văn hóa lịch sử như: Những địa điểm khởi nghĩa Yên Thế (tập trung phục dựng thành Phồn Xương), An toàn khu II Hiệp Hòa, chùa Vĩnh Nghiêm, chùa Bồ Đà, điểm di tích lịch sử chiến thắng Xương Giang và các di tích lịch sử, văn hóa khác đã được xếp hạng. Phối hợp với tỉnh Quảng Ninh trong việc quảng bá, hoàn thiện hồ sơ đề đề nghị UNESCO công nhận danh thắng khu Yên Tử là di sản thiên nhiên thế giới.

Tiếp tục phát triển các loại hình nghệ thuật như hát Quan họ, ca Trù, hát chèo, hát si, hát lượn và tổ chức các lễ hội truyền thống, góp phần nâng cao đời sống tinh thần, vật chất cho nhân dân và làm giàu hơn kho tàng văn hóa.

Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả Kế hoạch của UBND tỉnh thực hiện Chiến lược phát triển gia đình Việt Nam, Đề án tuyên truyền các giá trị đạo đức lối sống, cách ứng xử trong gia đình Việt Nam trong các tầng lớp nhân dân, nhất là trong thanh, thiếu niên.

Hoàn thành đầu tư xây dựng khu liên hợp thể thao Xương Giang; đầu tư từ ngân sách nhà nước và đẩy mạnh xã hội hóa để đầu tư phát triển hệ thống cơ sở hạ tầng và đào tạo vận động viên thành tích cao, ưu tiên các môn có tiềm năng và truyền thống của địa phương.

Nâng cao chất lượng công tác báo chí, xuất bản, phát thanh, truyền hình đảm bảo thông tin đầy đủ, kịp thời về tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh, cả nước, phục vụ nhiệm vụ chính trị của địa phương, góp phần phục vụ nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước trên các lĩnh vực văn hóa, thể thao, hoạt động tôn giáo, tín ngưỡng, phát thanh truyền hình, báo chí, xuất bản... đảm bảo công tác thông tin, tuyên truyền kịp thời, đúng sự thật, định hướng phát triển của tỉnh.

## **4. Thực hiện các chính sách xã hội, giảm nghèo, giải quyết việc làm**

### *4.1. Mục tiêu*

Thực hiện tốt các chính sách xã hội, chính sách đối với người có công, các đối tượng bảo trợ xã hội, người nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số, người dân các xã đặc biệt khó khăn; quan tâm giải quyết việc làm, giảm nghèo, nâng cao đời

sống nhân dân, thu hẹp khoảng cách về mức sống giữa vùng dân tộc với các vùng khác trong tỉnh. Quan tâm giải quyết việc làm, nhất là lao động khu vực nông thôn để thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu lao động.

Phấn đấu tỷ lệ hộ nghèo giảm bình quân 2%/năm. Tỷ lệ hộ nghèo ở các xã đặc biệt khó khăn giảm bình quân 4%/năm.

Tiếp tục tạo chuyển biến tích cực trên các lĩnh vực việc làm, đào tạo nghề, nâng cao thu nhập người lao động và bảo đảm an sinh xã hội, phấn đấu bình quân mỗi năm tạo việc làm mới cho từ 29.000 đến 30.000 lao động.

#### 4.2. *Nhiệm vụ chủ yếu*

Thực hiện đồng bộ, toàn diện và có hiệu quả các chương trình, chính sách, dự án giảm nghèo; tạo cơ hội cho người nghèo tiếp cận các chính sách về hạ tầng phục vụ sản xuất, đất đai, tín dụng, dạy nghề, tạo việc làm, khuyến nông, khuyến lâm. Có cơ chế, chính sách khuyến khích hộ, xã thoát nghèo; nâng cao nhận thức, trách nhiệm và tính tự lực của các hộ nghèo để vươn lên thoát nghèo.

Đầu tư hạ tầng, ưu tiên hạ tầng giao thông, thủy lợi ở các khu vực tập trung số hộ nghèo cao, tạo điều kiện thuận lợi để giao lưu, phát triển kinh tế - xã hội; nhân rộng các mô hình sản xuất hiệu quả.

Ban hành chính sách hỗ trợ hộ nghèo trong việc sử dụng các dịch vụ y tế, giáo dục... Huy động thêm các nguồn lực, đặc biệt là nguồn lực từ tài nguyên rừng, đất đai... để thực hiện công tác giảm nghèo. Đẩy mạnh phong trào đền ơn đáp nghĩa; thực hiện đầy đủ, kịp thời các chính sách đối với người có công, các đối tượng bảo trợ xã hội, người nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số, người dân các xã đặc biệt khó khăn, xã nghèo, vùng thu hồi đất nông nghiệp. Thực hiện tốt các chính sách dân tộc, tôn giáo, các chương trình, dự án đầu tư cho miền núi, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

Tiếp tục thực hiện chính sách hỗ trợ tín dụng cho các hộ nghèo; tăng cường tuyên truyền nâng cao nhận thức, trách nhiệm và tính tự lực của các hộ nghèo để vươn lên thoát nghèo, khá giả và giảm nghèo bền vững để nâng cao mức sống chung của nhân dân.

Thực hiện có hiệu quả công tác thu hút đầu tư để giải quyết việc làm; nâng cao chất lượng sản phẩm dịch vụ của tỉnh, hỗ trợ các doanh nghiệp và người lao động trong quá trình tuyển dụng lao động. Định kỳ khảo sát nhu cầu tuyển dụng lao động của các doanh nghiệp để định hướng đào tạo nghề cho phù hợp.

Phát triển ngành nghề nông thôn để giải quyết việc làm; xây dựng chương trình phối hợp hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực với các tổ chức, doanh nghiệp, trong đó tập trung đào tạo nghề điện tử, cơ khí, dệt may, xây dựng và chế biến nông sản... để thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu lao động.

Giám sát, kiểm tra việc thực hiện các chính sách đối với người lao động trong các doanh nghiệp, nhất là các chế độ tiền lương, bảo hiểm, bảo hộ lao động; cải thiện điều kiện làm việc; giảm tai nạn lao động. Bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động. Thực hiện tốt chính sách bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động.



### **III. Các nhóm giải pháp chủ yếu**

#### **1. Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng, công tác tổ chức thực hiện, sự quản lý, chỉ đạo, điều hành của chính quyền các cấp**

Trên cơ sở quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030, các quy hoạch ngành, lĩnh vực, sản phẩm chủ yếu đã được phê duyệt và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2016-2020, các cấp ủy đảng ban hành chủ chương, kế hoạch cho từng năm, từng ngành, lĩnh vực để cụ thể hóa ở cấp, ngành mình, giao nhiệm vụ cụ thể cho các cơ quan, đơn vị để triển khai thực hiện. Đồng thời, tăng cường công tác kiểm tra, đôn đốc, giám sát việc cụ thể hóa các chủ trương thành các cơ chế, chính sách.

Bộ máy chính quyền các cấp trên cơ sở chủ trương của các cấp ủy đảng, cụ thể hóa thành các cơ chế, chính sách phát triển từng ngành, lĩnh vực, sản phẩm; đồng thời, tập trung chỉ đạo việc thực hiện các chủ chương, chính sách, định kỳ đánh giá việc thực hiện để kịp thời điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp.

#### **2. Nâng cao chất lượng công tác xây dựng, tổ chức thực hiện và quản lý quy hoạch**

Trong quá trình xây dựng quy hoạch, tăng cường công tác tham vấn, lấy ý kiến cộng đồng và các chủ thể tham gia trong quá trình lập quy hoạch, đặc biệt là sự tham gia ý kiến của các nhà khoa học có kinh nghiệm về lĩnh vực quy hoạch; nâng cao chất lượng quy hoạch, đảm bảo tính khả thi khi triển khai thực hiện. Thực hiện giao kế hoạch vốn lập quy hoạch phát triển hàng năm trên cơ sở thống nhất giữa đầu mối quản lý nhà nước về danh mục quy hoạch với giao kế hoạch vốn nhằm khắc phục chùng chေo và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn các dự án quy hoạch theo chính sách của Trung ương và quy định của UBND tỉnh.

Các cấp, các ngành tổ chức rà soát lại quy hoạch ngành đã được phê duyệt, đánh giá kết quả thực hiện, đề xuất điều chỉnh, bổ sung các quy hoạch phát triển kết cấu hạ tầng bảo đảm tính đồng bộ, kết nối liên ngành; chuyên dần từ việc lập quy hoạch hạ tầng theo từng ngành sang đa ngành, đáp ứng yêu cầu phát triển chung của tỉnh. Lựa chọn một số công trình quan trọng, tạo sự đột phá lớn trong phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh để tập trung đầu tư.

Tăng cường công tác quản lý nhà nước về quy hoạch, đề cao trách nhiệm của người đứng đầu trong xây dựng và tổ chức thực hiện quy hoạch, bảo đảm hiệu quả và tính khả thi. Quan tâm bố trí nguồn lực, cán bộ có năng lực cho công tác lập quy hoạch, quản lý và thực hiện theo quy hoạch. Coi trọng công tác công khai quy hoạch, hoạt động giám sát, kiểm tra, thanh tra việc thực hiện quy hoạch.

#### **3. Ban hành các cơ chế, chính sách**

Trên cơ sở các cơ chế, chính sách của Trung ương và điều kiện cụ thể của tỉnh, xây dựng và ban hành các cơ chế, chính sách để tổ chức thực hiện trên từng ngành, lĩnh vực, phát triển sản phẩm chủ yếu, trong đó, trọng tâm là các lĩnh vực sau:

- Chính sách thu hút đầu tư vào Cảng cạn (ICD) - khu logistics (bao gồm đề xuất với Trung ương và chính sách riêng của tỉnh); triển khai giải phóng mặt bằng một số địa điểm như dịch vụ tổng hợp thành phố Bắc Giang, cảng du lịch trên sông Thương, khu phố thương mại cao cấp ...

- Ban hành hoặc đề xuất ban hành chính sách ưu đãi đầu tư hạ tầng các khu,

cụm công nghiệp, cụm tương hỗ, điểm công nghiệp để thu hút đầu tư hạ tầng; hỗ trợ đầu tư hạ tầng trong và ngoài hàng rào cơ sở sản xuất... tạo điều kiện, cơ sở để các doanh nghiệp tham gia vào chuỗi giá trị, nâng cao chất lượng tăng trưởng.

- Chính sách khuyến khích phát triển các sản phẩm chủ lực như hỗ trợ ngân sách nhà nước cho đào tạo lao động của các doanh nghiệp, nghiên cứu đổi mới phương pháp triển khai đào tạo nguồn nhân lực, đấu thầu lựa chọn tư vấn đào tạo, tập trung vào các cơ sở đào tạo có năng lực; chính sách về giá thuê đất, hỗ trợ thực hiện các thủ tục pháp lý, liên kết trong quá trình sản xuất...

- Chính sách thu hút các nhà đầu tư lớn, khuyến khích phát triển công nghiệp phụ trợ, thu hút các doanh nghiệp cung cấp nguyên, phụ liệu đầu vào cho sản xuất; chính sách hỗ trợ phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa.

- Chính sách về thu hút đầu tư phát triển nông, lâm nghiệp và thủy sản gắn với chế biến.

- Chính sách hỗ trợ phát triển các hàng hóa đã có thương hiệu như rượu Vân Hà, bánh đa Ké, mỳ Chũ... xây dựng và phát triển các thương hiệu mới như Cam, bưởi Lục Ngạn, nâm...

- Chính sách hỗ trợ ngân sách đối với các đề tài, sáng kiến có hiệu quả và ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật cao vào sản xuất, dịch vụ.

- Nâng cao chất lượng ban hành các văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân các cấp, đảm bảo tuân thủ tính pháp chế và phù hợp với điều kiện của địa phương.

#### **4. Thu hút và sử dụng có hiệu quả vốn đầu tư phát triển**

- Ngân sách nhà nước ưu tiên đầu tư kết cấu hạ tầng có thể tạo ra sức lan tỏa lớn thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, các lĩnh vực khó thu hút được nguồn lực xã hội hóa. Đầu tư ngoài ngân sách ưu tiên thu hút các dự án phát triển sản phẩm chủ lực, sản xuất công nghệ cao; các nhà đầu tư có tiềm lực về vốn, các dự án có giá trị gia tăng cao, ít gây ô nhiễm môi trường, có khả năng đóng góp lớn cho ngân sách.

- Đối với nguồn vốn nhà nước: Khai thác nguồn vốn hỗ trợ đầu tư từ ngân sách Trung ương, ngân sách địa phương, vốn trái phiếu Chính phủ, vốn vay tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước...

Nâng cao chất lượng tăng trưởng để tăng tỷ lệ tích lũy từ nội bộ nền kinh tế của tỉnh để tạo nguồn cho chi đầu tư phát triển. Triển khai thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn, giai đoạn 2016-2020 để tạo nguồn cho đầu tư phát triển.

- Đối với nguồn vốn ngoài nhà nước: Hoàn thành việc rà soát, điều chỉnh, bổ sung các quy hoạch; đồng thời, thực hiện công khai các quy hoạch để thu hút đầu tư.

Đổi mới công tác xúc tiến đầu tư, thu hút vốn cho các dự án phát triển công nghiệp, dịch vụ, chế biến nông, lâm sản. Xây dựng hình ảnh, thương hiệu của tỉnh thông qua việc xây dựng những biểu trưng, ấn phẩm, những đặc điểm riêng biệt của tỉnh Bắc Giang so với các địa phương khác, tổ chức xúc tiến, quảng bá các điểm đến hấp dẫn, điều kiện hạ tầng và yếu tố con người Bắc Giang... với các bạn bè, doanh nghiệp trong và ngoài nước.

Tiếp tục cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh thông qua việc công khai, minh bạch các thủ tục hành chính, cơ chế, chính sách, quy hoạch, cải cách tổ chức bộ máy cơ quan quản lý, đơn giản hóa thủ tục hành chính... Triển khai xây dựng kế

hoạch hành động của tỉnh để triển khai thực hiện các Nghị quyết của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu tiếp tục cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia.

Thu hút các doanh nghiệp FDI sử dụng công nghệ tiên tiến, công nghệ cao, có hệ thống quản trị hiện đại; tạo tác động lan toả tích cực tới sự phát triển của khu vực kinh tế trong nước, góp phần xây dựng và hình thành những ngành công nghiệp mũi nhọn theo định hướng của tỉnh: công nghiệp điện tử, công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp phụ trợ. Chú trọng công tác xúc tiến đầu tư để thu hút làn sóng đầu tư mới từ Nhật Bản, Hàn Quốc, Mỹ, EU... với các doanh nghiệp có năng lực tài chính lớn, có bề dày kinh nghiệm có khả năng đầu tư ổn định, lâu dài.

Chuẩn bị tốt nhất, tạo điều kiện thuận lợi nhất để thu hút các nhà đầu tư vào địa bàn tỉnh, như chuẩn bị địa điểm, phối hợp thực hiện công tác đền bù giải phóng mặt bằng, tái định cư, đào tạo nguồn nhân lực... Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu khu, cụm công nghiệp, khu du lịch, làng nghề truyền thống, đầu tư hạ tầng nông nghiệp, nông thôn để thu hút đầu tư về khu vực nông nghiệp, nông thôn.

- Đa dạng hóa các hình thức huy động vốn thông qua việc đẩy mạnh xã hội hoá các hoạt động sự nghiệp như y tế, giáo dục, đào tạo nghề, văn hóa, thể thao, khoa học công nghệ... ; thành lập các quỹ như quỹ tín dụng nhân dân ở những nơi có nhu cầu và đủ điều kiện, quỹ bảo hiểm sản xuất... Thông qua hệ thống các ngân hàng thương mại để huy động vốn đầu tư tại chỗ để đáp ứng nhu cầu phát triển KT-XH của tỉnh. Phát triển các hình thức huy động vốn đóng góp bằng các hình thức như cổ phần, cổ phiếu. Tăng cường huy động vốn đầu tư theo hình thức đối tác công - tư (PPP) để đẩy nhanh phát triển kết cấu hạ tầng.

Xây dựng chương trình, đề án hỗ trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ thông qua việc hỗ trợ tiếp cận vốn, quỹ hỗ trợ và tiếp cận các dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp. Tiếp tục tháo gỡ những khó khăn mà các doanh nghiệp đang phải đối mặt liên quan đến các nhân tố đầu vào và sản phẩm đầu ra.

- Tăng cường quản lý chặt chẽ trên tất cả các khâu của đầu tư xây dựng, tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra và đánh giá, giám sát đầu tư; chú trọng công tác chủ trương đầu tư, lựa chọn dự án đầu tư theo quy hoạch, các dự án trọng tâm, trọng điểm để phát huy hiệu quả sử dụng nguồn vốn, hiệu quả đầu tư dự án.

Nâng cao chất lượng công trình và hiệu quả đầu tư, quản lý nghiêm ngặt quy trình đầu tư, chống lãng phí, thất thoát, nâng cao thẩm quyền và trách nhiệm cá nhân của chủ đầu tư, đơn vị tư vấn.

Tăng cường giám sát của cộng đồng đối với các hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản. Coi việc giám sát cộng đồng là một yếu tố quan trọng trong việc nâng cao chất lượng các công trình xây dựng cơ bản.

## **5. Phát triển đa dạng các thành phần kinh tế, các loại thị trường**

### **5.1. Về phát triển các thành phần kinh tế**

Cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, tạo điều kiện thuận lợi để các thành phần kinh tế phát triển. Khuyến khích phát triển các loại hình kinh tế tư nhân; xây dựng đội ngũ doanh nghiệp, doanh nhân cả về số lượng và chất lượng.

Thực hiện hỗ trợ các doanh nghiệp, hộ sản xuất, kinh doanh trong việc tiếp cận các dịch vụ tài chính, ngân hàng để vừa hỗ trợ doanh nghiệp phát triển, vừa

thúc đẩy phát triển dịch vụ tài chính, ngân hàng. Phát huy vai trò của Ban Chỉ đạo hỗ trợ đầu tư và Phát triển doanh nghiệp của tỉnh trong việc hỗ trợ các doanh nghiệp phát triển. Hoàn thành sắp xếp các công ty lâm nghiệp của tỉnh.

Khuyến khích và tạo điều kiện phát triển các doanh nghiệp trong nước để đảm bảo sự phát triển ổn định, bền vững; đồng thời, kết hợp với đẩy mạnh thu hút các doanh nghiệp FDI gắn với chuyển giao khoa học - công nghệ để tăng năng lực thực hiện tái cơ cấu kinh tế.

Hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực cho các doanh nghiệp, HTX, hộ sản xuất kinh doanh, trong đó, tập trung nâng cao năng lực quản trị, xây dựng kế hoạch đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, rà soát và lồng ghép các giải pháp tăng cường đầu tư phát triển dạy nghề nâng cao chất lượng nguồn lao động, đặc biệt là lao động kỹ thuật. Hoàn thiện và hiện đại hóa hệ thống thông tin thị trường lao động theo các cấp trình độ, các ngành nghề, lĩnh vực; phát triển các hình thức thông tin thị trường lao động nhằm kết nối cung-cầu lao động; tạo thuận lợi cho doanh nghiệp trong quá trình tuyển dụng lao động phối hợp với yêu cầu sản xuất, kinh doanh.

Xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ doanh nhân, nhằm trang bị các điều kiện cần thiết để thích ứng và phát triển với nền kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

## *5.2. Phát triển đồng bộ các loại thị trường*

Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả Kết luận số 103-KL/TW ngày 29/9/2014 của Bộ Chính trị sơ kết 5 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 khóa X về tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Ban hành, đề xuất ban hành hệ thống các quy định pháp luật cho phát triển các loại thị trường, tạo môi trường pháp lý thuận lợi cho các chủ thể tham gia thị trường theo hướng công khai, minh bạch và ổn định. Đẩy mạnh cải cách hành chính và tăng cường sự tham gia của các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp trong việc xây dựng cơ chế, chính sách.

Phát triển đồng bộ các loại thị trường cơ bản theo cơ chế cạnh tranh lành mạnh. Cùng với việc phát triển mạnh thị trường hàng hoá, dịch vụ và thị trường lao động, cần từng bước phát triển vững chắc thị trường tài chính, khuyến khích các ngân hàng thương mại, công ty bảo hiểm mở chi nhánh, phòng giao dịch trên địa bàn, nhằm tạo ra thị trường dịch vụ tài chính “mở”; phát triển thị trường bất động sản, bao gồm thị trường quyền sử dụng đất và bất động sản gắn liền với đất, làm cho đất đai thực sự trở thành nguồn lực cho phát triển.

Đẩy mạnh việc cải thiện môi trường cho phát triển sản xuất, kinh doanh; giải quyết đồng bộ từ sản xuất đến chế biến, tiêu thụ một số sản phẩm chủ yếu đang có sức cạnh tranh hoặc có điều kiện nâng cao năng lực cạnh tranh; chủ động và có lộ trình hợp lý hội nhập kinh tế khu vực và quốc tế.

Tạo điều kiện thuận lợi, khuyến khích các doanh nghiệp phát triển kinh doanh thương mại, dịch vụ theo hướng văn minh hiện đại, đáp ứng nhu cầu phát triển sản xuất hàng hoá. Tích cực phát triển thị trường nông thôn nhằm thực hiện tốt việc tiêu thụ hàng hoá nông sản cho nông dân và tạo điều kiện phát triển sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và ngành nghề nông thôn.

Phổ biến kịp thời các thông tin kinh tế, nhất là về cơ chế, chính sách tạo điều kiện thuận lợi cho các hoạt động kinh tế - xã hội của các thành phần kinh tế. Thực hiện tích cực công tác nghiên cứu ứng dụng khoa học kỹ thuật, khuyến nông, khuyến lâm. Tìm kiếm, mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm (trong nước và xuất khẩu). Chú trọng các thị trường quen thuộc như Trung Quốc, ASEAN, EU, Nhật Bản, Hồng Kông, Đài Loan. Phục hồi thị trường Nga và Đông Âu; thâm nhập và phát triển thị trường Mỹ, Trung cận Đông, Châu Phi và Nam Mỹ.

Đẩy mạnh công tác xúc tiến thương mại, xây dựng thương hiệu hàng hoá, nâng cao sức cạnh tranh của sản phẩm hàng hoá theo kịp lộ trình hội nhập kinh tế khu vực và quốc tế. Khuyến khích, tạo điều kiện để mọi thành phần kinh tế cùng tham gia xuất khẩu, mở rộng thị trường ngoài nước theo hướng đa dạng hóa sản phẩm, đa phương hóa thị trường, đẩy mạnh xuất khẩu các mặt hàng chế biến, hàng công nghiệp có hàm lượng kỹ thuật cao.

Tạo điều kiện cho doanh nghiệp của tỉnh trong việc tiếp cận thông tin, thâm nhập và mở rộng thị trường; tổ chức giao thương, xúc tiến quan hệ hoặc kết giao với một tỉnh, thành phố của một số nước có nền kinh tế lớn trong khu vực Châu Á, tranh thủ sự giúp đỡ của các tham tán kinh tế, sứ quán nước ta ở nước ngoài trong việc giúp các doanh nghiệp nghiên cứu thị trường và các đối tác nước ngoài.

## **6. Đẩy mạnh phát triển và ứng dụng khoa học - công nghệ**

Đẩy mạnh phát triển và ứng dụng khoa học - công nghệ trong tất cả các lĩnh vực của sản xuất, kinh doanh, đời sống. Tăng nguồn vốn đầu tư cho khoa học - công nghệ; nghiên cứu xây dựng cơ chế, chính sách đặc thù nhằm đào tạo, thu hút và sử dụng nhân lực khoa học - công nghệ, đặc biệt là nhân lực trình độ cao. Xây dựng các chương trình phối hợp, hợp tác nhằm tăng cường mối liên kết giữa tỉnh với các cơ quan nghiên cứu ở Trung ương và một số trường đại học lớn ở Hà Nội, Thái Nguyên...; đàm phán với các cơ quan nghiên cứu để hình thành và triển khai nghiên cứu và phát triển đối với sản phẩm chủ lực.

Hình thành và phát triển mạng lưới các tổ chức tư vấn, hỗ trợ, chuyển giao công nghệ đa dạng, đáp ứng nhu cầu của doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn; khuyến khích, hỗ trợ doanh nghiệp khoa học - công nghệ, các tổ chức, cá nhân đổi mới công nghệ, xác lập quyền sở hữu trí tuệ, sở hữu công nghiệp, sáng kiến cải tiến kỹ thuật áp dụng trong sản xuất nhằm nâng cao giá trị sản xuất, bảo vệ môi trường.

Đầu tư xây dựng các trung tâm giống chất lượng cao với các giống như lạc, lúa, khoai tây, giống thủy sản... để đáp ứng nhu cầu giống trong tỉnh và các tỉnh trong khu vực. Xây dựng chính sách hỗ trợ trực tiếp cho các cơ sở sản xuất, trang trại, doanh nghiệp... áp dụng khoa học kỹ thuật tiên tiến, phát minh, sáng chế ...

Quan tâm đến công tác chuyển giao khoa học công nghệ, đặc biệt là trong quá trình đàm phán, xem xét cấp giấy chứng nhận đầu tư các dự án FDI, các dự án tài trợ, hỗ trợ kỹ thuật...

Đưa khoa học - công nghệ gắn liền với sản xuất, kinh doanh sản phẩm chủ lực để nâng cao năng suất, chất lượng, đạt các tiêu chuẩn VietGap, GlobalGap để hướng tới mục tiêu xuất khẩu và tham gia chuỗi giá trị toàn cầu.

## **7. Đẩy mạnh thu ngân sách nhà nước, tăng cường các biện pháp quản lý ngân sách nhà nước; đấu tranh phòng, chống tham nhũng**

Tạo lập môi trường thuận lợi để các thành phần kinh tế phát triển ổn định, đóng góp vào nguồn thu ngân sách nhà nước hàng năm; trong thu hút đầu tư, ưu tiên các dự án có đóng góp lớn cho ngân sách địa phương. Tiếp tục thực hiện cải cách hành chính trong công tác thu ngân sách, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp trong việc nộp thuế.

Tăng cường các biện pháp chống thất thu, xử lý nghiêm các trường hợp trốn thuế, lậu thuế, đảm bảo thu đúng, thu đủ vào ngân sách nhà nước. Đồng thời, tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra tình hình chấp hành pháp luật về thuế.

Thực hiện phân bổ đầu tư công theo kế hoạch, bảo đảm có trọng tâm gắn với triệt để thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Ưu tiên bố trí vốn ngân sách đầu tư các công trình, dự án kết cấu hạ tầng giao thông, thủy lợi, y tế, giáo dục, cấp thoát nước, xử lý ô nhiễm môi trường...

Tiếp tục cân đối, bố trí ngân sách để thực hiện các chính sách an sinh xã hội, cải thiện nâng cao đời sống của người dân, nhất là đối với người nghèo, hộ chính sách trong điều kiện giá cả thị trường có nhiều biến động.

Quản lý chặt chẽ và nâng cao hiệu quả chi ngân sách, bảo đảm thực hiện các nhiệm vụ chính trị của địa phương. Tăng cường quản lý ngân sách, nhất là ở cấp xã. Chi đầu tư có trọng tâm, trọng điểm, tăng chi cho phát triển nông nghiệp, nông thôn, giáo dục, đào tạo, dạy nghề, khoa học, công nghệ.

Tiếp tục triển khai thực hiện tốt các nghị quyết, chỉ thị của Đảng, pháp luật của Nhà nước về công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra phát hiện, xử lý các hành vi tham nhũng, nhất là các lĩnh vực dễ phát sinh sai phạm như quản lý, sử dụng ngân sách, vốn nhà nước, đất đai...

Tăng cường tuyên truyền, quán triệt, thực hiện nghiêm các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác tiếp công dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo. Tăng cường kiểm tra, đôn đốc và tổ chức thực hiện các quyết định, kết luận giải quyết khiếu nại, tố cáo đã có hiệu lực pháp luật. Nâng cao trách nhiệm người đứng đầu; chấn chỉnh, tăng cường công tác quản lý nhà nước trên các lĩnh vực, nhất là trong lĩnh vực quản lý đất đai, tài nguyên, khoáng sản, đầu tư công, xây dựng cơ bản, quản lý tài chính.

## **8. Nâng cao chất lượng công tác quản lý tài nguyên, khoáng sản, bảo vệ môi trường**

### **8.1. Khai thác, sử dụng, quản lý có hiệu quả tài nguyên**

Thực hiện công khai quy hoạch sử dụng đất các cấp để tạo điều kiện thu hút đầu tư và để nhân dân giám sát trong quá trình tổ chức thực hiện. Đẩy nhanh tiến độ đo đạc bản đồ địa chính, phân đấu hoàn thành công tác đo đạc bản đồ địa chính toàn tỉnh vào năm 2020; triển khai Dự án xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai các huyện thành phố; phân đấu đến hết năm 2020, tỉnh Bắc Giang có hệ thống cơ sở dữ liệu đất đai toàn tỉnh đồng bộ hiện đại để khai thác sử dụng phục vụ các mục tiêu kinh tế - xã hội.

Tiếp tục thực hiện nghiêm túc Chương trình hành động của Tỉnh ủy và Kế hoạch của UBND tỉnh về triển khai Nghị quyết số 02-NQ/TW ngày 25/4/2011 của

Bộ Chính trị và Chương trình hành động của Chính phủ về định hướng chiến lược khoáng sản và công nghiệp khai khoáng đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030; Chỉ thị số 03/UBND-CT ngày 28/03/2014 của Chủ tịch UBND tỉnh về tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động thăm dò, khai thác, vận chuyển và tiêu thụ cát sỏi lòng sông.

Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát hoạt động của các doanh nghiệp khai thác khoáng sản sau cấp phép khai thác khoáng sản; đồng thời, xử lý nghiêm, đúng quy định các trường hợp vi phạm.

*8.2. Thực hiện tốt công tác bảo vệ môi trường, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu*

Tiếp tục quán triệt sâu sắc những nội dung Nghị quyết số 41-NQ/TW; Nghị quyết số 24-NQ/TW của Bộ Chính trị; Kế hoạch số 70-KH/TU ngày 28/4/2005; Kế hoạch số 50-KH/TU ngày 01/8/2013 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy. Thực hiện phân định rõ trách nhiệm của các cấp, các ngành trong công tác bảo vệ môi trường. Xây dựng và triển khai thực hiện đề án thu gom và xử lý rác thải ở nông thôn; đồng thời, ban hành cơ chế hỗ trợ cụ thể.

Tiếp tục đẩy mạnh tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức, hình thành ý thức tự giác bảo vệ môi trường gắn với tăng cường công tác quản lý nhà nước về môi trường. Nâng cao chất lượng thẩm định và phê duyệt báo cáo ĐTM, trong đó đặc biệt lưu ý đến quy định tổ chức lựa chọn tư vấn lập báo cáo ĐTM. Tăng cường kiểm tra, giám sát sau thẩm định và giai đoạn kiểm soát ô nhiễm.

Tăng cường nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao công nghệ môi trường, công nghệ xử lý, tái chế chất thải; nghiên cứu áp dụng mô hình thu gom, xử lý rác thải tập trung phù hợp tình hình thực tế địa phương gắn với thực hiện xã hội hóa trong công tác bảo vệ môi trường.

Xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện di dời các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất đang gây ô nhiễm hoặc có nguy cơ gây ô nhiễm ra khỏi làng nghề, khu dân cư. Trong thu hút đầu tư, ưu tiên những ngành công nghiệp sạch, ít ô nhiễm môi trường; hạn chế việc tiếp nhận các dự án đầu tư có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường cao; kiên quyết không chấp nhận công nghệ lạc hậu.

### **9. Phát triển nguồn nhân lực; giải quyết các vấn đề xã hội bức xúc**

Xây dựng kế hoạch phát triển đội ngũ doanh nhân, tập trung ưu tiên hỗ trợ đào tạo những người xuất phát từ các chủ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Các làng nghề thực hiện các chương trình và hình thức đào tạo, đào tạo lại gồm cả nâng cao kỹ năng tác nghiệp hướng tới tiêu chuẩn quốc gia, quốc tế nhằm đáp ứng tình hình mới, phối hợp doanh nghiệp với cơ sở đào tạo nghề.

Đối với các chủ hộ trang trại, hộ gia đình, cần đào tạo và tập huấn về kỹ thuật, trong đó chú ý công tác khuyến nông, lâm, ngư và trình độ quản lý theo mô hình “trang trại mở” nhằm hướng tới mỗi chủ trang trại và chủ hộ gia đình là một “tế bào” kinh tế vững mạnh.

Xây dựng và thực hiện cơ chế, chính sách thu hút và sử dụng nguồn nhân lực trình độ cao trong các lĩnh vực quản lý nhà nước, giảng viên cao đẳng, bác sỹ giỏi, nhân lực khoa học - công nghệ, kỹ sư, công nhân kỹ thuật cao trong các ngành, lĩnh vực và sản phẩm chủ lực.

Thực hiện đào tạo, bồi dưỡng tại chỗ để theo kịp sự phát triển của khoa học công nghệ tiên tiến trong sản xuất, đồng thời phù hợp với đường lối, chính sách, luật pháp về phát triển xã hội và phát triển doanh nghiệp. Hỗ trợ nâng cao nhận thức của người lao động về ý thức, tác phong, kỷ luật trong lao động.

Đa dạng hóa các hình thức đào tạo nghề, đổi mới công tác hướng nghiệp, tập trung đào tạo nghề điện tử, may mặc, chế biến nông lâm thủy sản, các nghề dịch vụ đáp ứng thị trường lao động trong tỉnh, khu vực và thị trường nước ngoài.

Xây dựng hệ thống thông tin thị trường lao động kết nối toàn quốc để người lao động và doanh nghiệp nắm bắt thông tin nhu cầu việc làm, thông tin về lao động, việc làm cả trong và ngoài nước.

Tập trung giải quyết các vấn đề xã hội bức xúc, đặc biệt là những vấn đề xã hội tại các khu công nghiệp như: Xây dựng nhà ở công nhân; cấp nước sinh hoạt tập trung; xử lý rác thải sinh hoạt, vệ sinh môi trường; xây dựng chợ, điểm mua sắm và xây dựng nhà trẻ, trường mầm non... thông qua việc đầu tư từ ngân sách nhà nước và huy động các nguồn lực xã hội hóa, trọng tâm là nguồn lực của các doanh nghiệp đầu tư tại các KCN.

Thực hiện các chính sách hỗ trợ đất ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo và hộ nghèo ở xã, thôn, bản đặc biệt khó khăn và chính sách hỗ trợ giải quyết việc làm và đào tạo nghề cho người lao động bị thu hồi đất nông nghiệp.

Xây dựng kế hoạch lồng ghép với các chương trình, đề án khuyến khích, vận động và tranh thủ các nguồn vốn trong và ngoài nước để tăng cường nguồn lực đầu tư cho giáo dục và đào tạo ở vùng dân tộc thiểu số. Xây dựng chính sách thu hút đầu tư và khuyến khích, hỗ trợ doanh nghiệp sử dụng, đào tạo nghề, giải quyết việc làm cho lao động là người dân tộc thiểu số, các đối tượng bị thu hồi đất nông nghiệp; đồng thời, ngân sách nhà nước thu được từ hoạt động của các doanh nghiệp tại các khu vực thu hồi đất ưu tiên đầu tư lại cho địa phương để tạo sự ổn định xã hội, giảm khiếu nại, tố cáo cũng như đồng thuận của nhân dân.

Tiếp tục tổ chức thực hiện có hiệu quả công tác phòng, chống ma túy, phòng, chống tội phạm, phòng, chống HIV/AIDS. củng cố nền quốc phòng toàn dân và thế trận an ninh nhân dân, giữ vững ổn định chính trị, trật tự và an toàn xã hội; đẩy mạnh phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc, xây dựng mô hình xã, phường, thôn, bản không có tệ nạn xã hội; tạo sức mạnh tổng hợp để đấu tranh, phòng ngừa làm giảm các loại tội phạm và các tệ nạn xã hội tạo môi trường thuận lợi, ổn định cho phát triển kinh tế - xã hội. Làm tốt công tác bảo đảm trật tự, an toàn giao thông; xử lý nghiêm các vi phạm pháp luật giao thông.

## **10. Thực hiện tốt công tác cải cách hành chính**

Đẩy mạnh cải cách hành chính, trong đó trọng tâm là cải cách thể chế, thủ tục hành chính và chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức; đồng thời, tăng cường chỉ đạo quyết liệt, xuyên suốt của cả hệ thống chính trị, trong đó đặc biệt quan tâm đến vai trò của người đứng đầu; nghiên cứu ban hành các cơ chế, chính sách định hướng, giải pháp đẩy mạnh công tác cải cách hành chính; lựa chọn từng khâu để tập trung, đột phá; coi trọng công tác sơ kết, tổng kết đánh giá kết quả công tác cải cách hành chính. Tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, điều hành



của cơ quan hành chính nhà nước, trong đó, tập trung xây dựng và đưa vào hoạt động Trung tâm hành chính công của tỉnh trong năm 2016, cơ quan điện tử, chính quyền điện tử, phần mềm ứng dụng trong các lĩnh vực, tạo đột phá trong cải cách thủ tục hành chính.

Hoàn thiện cơ chế “một cửa, một cửa liên thông điện tử” ở tất cả các cơ quan hành chính từ tỉnh đến cơ sở theo Quyết định 09/2015/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, đảm bảo hoạt động thông suốt, minh bạch, hiệu quả; rà soát, đơn giản hóa bộ thủ tục hành chính nhất là các lĩnh vực, thủ tục về vực đầu tư, đất đai, đền bù giải phóng mặt bằng, đăng ký kinh doanh, cấp giấy phép xây dựng, tư pháp, môi trường..., tạo điều kiện thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp.

Đẩy mạnh công tác thanh tra, kiểm tra, đặc biệt tập trung vào việc kiểm tra về trách nhiệm thực thi công vụ của đội ngũ cán bộ, công chức, nhằm phát hiện kịp thời và chấn chỉnh những tồn tại, hạn chế, đồng thời, biểu dương những cá nhân, tập thể điển hình hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Tiến hành rà soát, ban hành chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức bộ máy cơ quan, đơn vị đảm bảo hợp lý. Tập trung đào tạo, bồi dưỡng để nâng cao năng lực chuyên môn, kỹ năng hành chính, tinh thần trách nhiệm; phát huy tư duy chủ động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm và dám chịu trách nhiệm của đội ngũ cán bộ, công chức.

Nâng cao chất lượng, hình thức cung cấp các dịch vụ công cho người dân, doanh nghiệp; tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính và trách nhiệm giải trình của đội ngũ cán bộ, công chức và cơ quan hành chính, góp phần tạo sự tin tưởng, đồng thuận giữa chính quyền và người dân.

Cải cách tổ chức bộ máy, nâng cao năng lực chỉ đạo, điều hành, sự phối hợp của các cấp, các ngành trong tổ chức thực hiện nhiệm vụ.

Triển khai thực hiện Nghị định số 24/2014/NĐ-CP của Chính phủ về quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Nghị định số 37/2014/NĐ-CP của Chính phủ về quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh.

Tiếp tục thực hiện cải cách thể chế nhằm xác định rõ chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước của các cơ quan, địa phương, đơn vị để khắc phục tình trạng đùn đẩy, né tránh trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị; đồng thời, thực hiện phân công, phân cấp rõ ràng để nâng cao chất lượng sự phối hợp giữa các cơ quan trong tổ chức thực hiện nhiệm vụ.

Tiếp tục đổi mới và nâng cao hiệu quả tổ chức thực hiện nghị quyết của các cấp ủy đảng; đồng thời, xây dựng kế hoạch, chương trình các nghị quyết, chỉ thị của Đảng. Tạo sự thống nhất cao về nhận thức và hành động giữa các cấp, các ngành, địa phương trong nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội.

Nâng cao năng lực quản lý, điều hành của ủy ban nhân dân các cấp trên tất cả các lĩnh vực, xây dựng và củng cố chính quyền các cấp, đảm bảo sự hoạt động, chỉ đạo điều hành được thông suốt từ tỉnh đến cơ sở. Đề cao trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị trong việc lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý, điều hành; phát huy tính tự chủ, sáng tạo của cấp dưới trong việc tổ chức thực hiện các nhiệm vụ được phân công, phân cấp. Đồng thời, tăng cường thanh tra, kiểm tra trách nhiệm thực thi công vụ của cán bộ, công chức, người đứng đầu các cơ quan, đơn vị.

## **11. Tăng cường quốc phòng, an ninh, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, giải quyết khiếu nại, tố cáo, tạo môi trường thuận lợi để phát triển kinh tế - xã hội**

Tiếp tục thực hiện tốt Chương trình hành động số 59-CTr/TU ngày 02/6/2014 của Tỉnh ủy, Nghị quyết Trung ương 8 (khoá XI) về chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới; Nghị quyết số 28 của Bộ Chính trị (khoá X) về xây dựng tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thành khu vực phòng thủ vững chắc, Nghị định 152/2007/NĐ-CP của Chính phủ về khu vực phòng thủ và các nghị quyết, chỉ thị về công tác quốc phòng, quân sự địa phương. Xây dựng lực lượng vũ trang tỉnh vững mạnh, đấu tranh làm thất bại âm mưu diễn biến hòa bình, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch.

Tiếp tục thực hiện các nghị quyết, chỉ thị của Đảng, nhà nước về nhiệm vụ bảo vệ an ninh trật tự, trọng tâm là tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 09-CT/TW của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc trong tình hình mới; Kết luận số 86-KL/TW của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW của Bộ Chính trị về tăng cường lãnh đạo công tác đảm bảo an ninh quốc gia trong tình hình mới; Chỉ thị số 48-CT/TW của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm trong tình hình mới, huy động sức mạnh của cả hệ thống chính trị và toàn dân trong công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm. Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác điều tra, xử lý tội phạm,

Tập trung chỉ đạo giải quyết tốt các vấn đề phức tạp nổi lên về an ninh trật tự liên quan đến tôn giáo, dân tộc, giải quyết các điểm mâu thuẫn, tranh chấp, khiếu kiện phức tạp đông người... không để phát sinh thành điểm nóng, đảm bảo giữ vững ổn định chính trị, không để xảy ra tình huống bất ngờ, đột xuất, tạo môi trường thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội.

## **12. Tranh thủ sự giúp đỡ của các bộ, ngành Trung ương; thực hiện có hiệu quả công tác đối ngoại**

Các cấp, các ngành tăng cường phối hợp đề đề xuất với các bộ, ngành Trung ương trong việc phát triển kinh tế - xã hội, đặc biệt là trong việc phối hợp với các tỉnh trong khu vực thực hiện các quy hoạch vùng, liên vùng; đề nghị các bộ, ngành Trung ương hỗ trợ trong quá trình triển khai thực hiện quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch các ngành, lĩnh vực, sản phẩm chủ yếu.

Đề nghị các bộ, ngành Trung ương hỗ trợ trong việc xúc tiến đầu tư, phát triển thị trường nước ngoài, xuất khẩu các sản phẩm nông sản là thế mạnh của tỉnh, hỗ trợ ứng dụng công nghệ bảo quản, chế biến nông sản...

Tiếp tục thực hiện tốt công tác ngoại giao kinh tế. Qua đó gắn các hoạt động ngoại giao với các hoạt động hợp tác kinh tế nhằm thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế-xã hội của tỉnh.

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, quảng bá hình ảnh, chính sách và môi trường đầu tư của địa phương nhằm cải thiện và đổi mới cả về nội dung và hình thức. Qua đó, giới thiệu những thành tựu phát triển kinh tế, chính trị, văn hóa - xã hội, chính sách thu hút đầu tư, tiềm năng, thế mạnh, cơ hội đầu tư.

Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng và quản lý của Nhà nước đối với các hoạt động đối ngoại nói chung và hoạt động hội nhập quốc tế nói riêng; phát huy tính chủ động, tích cực và sáng tạo của tất cả các cấp, các ngành, các tổ chức, nhân dân nhân bao gồm cả cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài vào sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Xây dựng, duy trì, phát triển quan hệ hợp tác quốc tế, trước mắt tập trung thiết lập quan hệ hữu nghị và hợp tác với một số địa phương của Nhật Bản và Hàn Quốc.

### **13. Tăng cường sự tham gia của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể; đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền, tạo sự đồng thuận trong quá trình tổ chức thực hiện**

Thực hiện tốt sự phối hợp với Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, xã hội - nghề nghiệp, các đoàn thể nhân dân trong quá trình tổ chức thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội theo Quyết định số 217-QĐ/TW ngày 12/12/2013 của Ban chấp hành Trung ương về Quy chế giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội.

Đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước trên các phương tiện thông tin đại chúng, tạo sự đồng thuận và quyết tâm cao trong triển khai thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016-2020. Công khai, minh bạch và chủ động cung cấp thông tin về các vấn đề được xã hội quan tâm.

Chủ động thông tin định hướng dư luận, nhất là đối với các vấn đề phức tạp, nhạy cảm; việc thông tin phải đảm bảo khách quan, trung thực, đúng định hướng. Xử lý nghiêm việc thông tin sai sự thật.

### **14. Triển khai có hiệu quả phong trào thi đua yêu nước, công tác thi đua, khen thưởng**

Nâng cao trách nhiệm của các cấp Ủy, tổ chức Đảng trong lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức các phong trào thi đua. Tiếp tục quán triệt, tuyên truyền đường lối, chủ trương của Đảng, tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh về thi đua ái quốc; chính sách, pháp luật của Nhà nước về thi đua, khen thưởng. Qua đó nâng cao hơn nữa nhận thức, trách nhiệm về công tác thi đua, khen thưởng trong đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và người lao động. Phối hợp chặt chẽ với các đoàn thể chính trị xã hội trong việc phát động, tổ chức triển khai các phong trào thi đua, làm cho phong trào thi đua phát triển sâu rộng; đảm bảo cho hoạt động thi đua, khen thưởng thực sự là động lực phát triển.

Thường xuyên phát động các phong trào thi đua yêu nước gắn với việc tiếp tục đẩy mạnh “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”; thực hiện đồng bộ các giải pháp nhằm tạo bước chuyển biến mạnh về chất trong các phong trào thi đua. Nội dung các phong trào thi đua bám sát nhiệm vụ chính trị, nhiệm vụ trọng tâm, cấp bách của ngành, địa phương, đơn vị cơ sở.

Tiếp tục đổi mới và nâng cao chất lượng công tác khen thưởng, đảm bảo đánh giá đúng thành tích, đúng tiêu chuẩn, bảo đảm dân chủ, công khai, minh bạch; coi trọng việc phát hiện, lựa chọn các cá nhân và tập thể có thành tích xuất sắc để khen thưởng. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nhân rộng các nhân tố mới, các điển hình tiên tiến để làm gương học tập nhằm tạo khí thế thi đua sôi nổi, thiết thực, hiệu quả.

#### **IV. Giải pháp đột phá cần tập trung thực hiện**

1. Cải cách thể chế, ban hành cơ chế, chính sách, cải cách hành chính và chỉ đạo, điều hành. Trọng tâm là ban hành các chính sách để thu hút các nguồn lực cho phát triển, chính sách phát triển sản phẩm chủ lực, cải cách thủ tục hành chính, Nâng cao chất lượng, hình thức cung cấp các dịch vụ công cho người dân, doanh nghiệp; thành lập Trung tâm hành chính công. Xác định rõ chức năng, nhiệm vụ của bộ máy chính quyền các cấp; nâng cao năng lực quản lý, điều hành của ủy ban nhân dân các cấp trên tất cả các lĩnh vực, xây dựng và củng cố chính quyền các cấp, đảm bảo sự hoạt động, chỉ đạo điều hành được thông suốt từ tỉnh đến cơ sở.

2. Ưu tiên đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng trọng yếu, trọng tâm là hạ tầng giao thông, đô thị để tạo tiền đề cho phát triển kinh tế - xã hội trong tương lai. Phối hợp, tạo điều kiện nâng cấp tuyến đường cao tốc Hà Nội - Bắc Giang - Lạng Sơn, các Quốc lộ 17, 31, 37, tập trung hoàn thành xây dựng đường tỉnh 293, 295B, 289 và nâng cấp một số tuyến đường tỉnh, tạo hệ thống giao thông huyết mạch thông suốt, thuận tiện cho việc giao thương phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và nhu cầu đi lại của người dân. Tập trung đầu tư hoàn thiện hạ tầng các khu công nghiệp đang hoạt động và các cụm công nghiệp đã quy hoạch; triển khai xây dựng mới Khu công nghiệp Châu Minh - Mai Đình, Khu công nghiệp tại xã Tăng Tiến, huyện Việt Yên; thành lập mới cụm cảng Mỹ An, huyện Lục Ngạn, cụm công nghiệp Yên Lư, huyện Yên Dũng để thu hút đầu tư. Phát triển khu đô thị mới, tập trung tại thành phố Bắc Giang, thị trấn Thắng, Chũ.

3. Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức có phẩm chất và năng lực tốt để đáp ứng nhu cầu đổi mới phát triển KT-XH trong thời kỳ công nghiệp hóa và hội nhập kinh tế quốc tế; nâng cao trình độ sử dụng công nghệ thông tin, ngoại ngữ, quản lý... của đội ngũ cán bộ, công chức để hướng tới mục tiêu tiệm cận được trình độ của các nước trong khu vực và trên thế giới. Đổi mới cách làm trong công tác phát triển nguồn nhân lực, trong đó đặc biệt là khai thác tiềm năng, lợi thế nguồn lực từ các doanh nghiệp để phát triển nhân lực và thu hút nguồn lực chất lượng cao vào quản lý và sản xuất, kinh doanh sản phẩm chủ lực.

Phát triển sản phẩm chủ lực, trong đó, trọng tâm là các sản phẩm điện tử và linh kiện, cơ khí chính xác, dệt may; trong nông nghiệp gồm vải thiều và cây có múi, rau chế biến, rau an toàn, sản phẩm chăn nuôi (trọng tâm là gà, lợn), sản phẩm lâm nghiệp; trong lĩnh vực dịch vụ gồm dịch vụ bán buôn, bán lẻ, dịch vụ tài chính, tiền tệ, dịch vụ khách sạn, nhà hàng, dịch vụ du lịch.

#### **V. Tổ chức thực hiện**

1. Căn cứ Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030; Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVIII, Kế hoạch này, Giám đốc các Sở, thủ trưởng cơ quan thuộc UBND tỉnh, các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn xây dựng kế hoạch cụ thể của ngành, địa phương trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt, trong đó xác định rõ từng mục tiêu, nhiệm vụ, thời gian và phân công người chịu trách nhiệm, nội dung phải bám sát vào các nhiệm vụ trọng tâm của Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVIII.

UBND tỉnh triển khai cụ thể hóa Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm thành kế hoạch hằng năm để tổ chức thực hiện.

UBND các huyện, thành phố căn cứ Kế hoạch này và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ các huyện, thành phố xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016-2020 của địa phương mình; đồng thời, cụ thể hóa thành kế hoạch hằng năm để tổ chức thực hiện.

2. Giám đốc các Sở, thủ trưởng các cơ quan; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn định kỳ hằng năm và giữa kỳ báo cáo tình hình thực hiện Kế hoạch này gửi về Văn phòng UBND tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh.

3. Đề nghị Hội đồng nhân dân, Ủy ban MTTQ và đoàn thể nhân dân các cấp, các cơ quan báo, đài Trung ương và của tỉnh tổ chức giám sát, tuyên truyền vận động nhân dân trong quá trình tổ chức thực hiện.


4. Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Văn phòng UBND tỉnh, các Sở, ngành và UBND các huyện, thành phố trên cơ sở Kế hoạch này cụ thể hóa thành Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hằng năm; đồng thời, định kỳ tổng hợp đánh giá kết quả thực hiện UBND tỉnh theo quy định.

Trên đây là kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm, giai đoạn 2016 - 2020 của tỉnh Bắc Giang, UBND tỉnh Bắc Giang trân trọng báo cáo. /.

Nơi nhận: *VS*

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- TT Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- Chủ tịch và các PCT.UBND tỉnh;
- Văn phòng TU, HĐND tỉnh;
- Các ban của TU, HĐND tỉnh;
- Các cơ quan TW trên địa bàn tỉnh;
- Các sở, cơ quan thuộc UBND tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- VP UBND tỉnh;
- + LĐVP, các phòng, đơn vị trực thuộc;
- + Lưu: VT, TH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
DÂN CHỦ TỊCH



*Chanh*

Nguyễn Văn Linh